



BITCO

CÔNG TY CỔ PHẦN
GẠCH TUY NEN BÌNH ĐỊNH
Số: 183/2022/CBTT-CT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Định, ngày 07 tháng 08 năm 2022.



CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà nội**

Tên Công ty: Công ty Cổ phần Gạch Tuy Nén Bình Định

Mã chứng khoán: BTN

Trụ sở: Km 1215 Quốc lộ 1A, Xã Phước Lộc, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định.

Điện thoại: (0256) 3832809 Fax:

Người thực hiện công bố thông tin: Lê Thảo Phương

Địa chỉ: Công ty cổ phần gạch Tuy Nén Bình Định

Điện thoại (di động, cơ quan): 0906 511 309 ; 0256.3832809; 0256 3832176

Loại Công bố thông tin: x 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Ngày 07/08/2022 Công ty cổ phần gạch Tuy nén Bình Định đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 ; hồ sơ Đại hội gồm:

- Biên bản họp ĐHĐCĐ
- Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông
- Và các Tài liệu ĐHĐCĐ đã được thông qua tại Đại Hội.

Thông tin này cũng được chúng tôi công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty tại: www.tuynenbinhdinh.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên
- Website Cty
- P.KTTV
- Lưu VT, HSDH

Tệp đính kèm:

- Hồ sơ Đại hội

Người thực hiện công bố thông tin
(Ký, ghi rõ họ tên)

Lê Thảo Phương



Số Công ty: 2022/BB-ĐHĐCĐ

Tuy phước, ngày 07 tháng 08 năm 2022

**BIÊN BẢN CUỘC HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022**

- **Tên Công ty** : Công ty Cổ Phần Gạch Tuy Nén Bình Định
- **Trụ sở chính** : Km1215-Quốc lộ 1A- Xã Phước lộc – Huyện Tuy phước- tỉnh Bình Định
- **Điện thoại** : (0256) 3832809 -02563832176
- **Mã số doanh nghiệp** : 4100431180 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày 28/12/2001, đăng ký lần thứ 10 ngày 24/03/2020
- **Thời gian** : 08 giờ 30, ngày 07 tháng 08 năm 2022
- **Địa điểm họp** : Hội trường Công ty cổ phần gạch tuy nen Bình Định

PHẦN I: GIỚI THIỆU KHAI MẠC CUỘC HỌP

1. Báo cáo kiểm tra tư cách đại biểu

- Người báo cáo: Ông/Bà Phạm Văn Thanh – Chức vụ :TV HĐQT
- Nội dung báo cáo:
 - Tổng số cổ đông mời tham dự: Toàn bộ cổ đông có tên trong danh sách cổ đông chốt đến ngày 20/05/2022 (917 cổ đông), sở hữu 4.396.762 cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần gạch Tuy nen Bình Định.
 - Cổ đông tham dự Đại hội: 7 cổ đông và đại diện cổ đông, sở hữu và đại diện sở hữu cho 528.907 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm 12,0295% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Theo Khoản 3, Điều 145 Luật doanh nghiệp và Khoản 3, Điều 19 Điều lệ của Công ty ngày 06/02/2018, Đại hội Cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần gạch Tuy nen



Bình Định đủ điều kiện để tiến hành Đại hội.

2. Ông/Bà Ngô Quốc Vương thay mặt Đoàn chủ tọa thông qua quy chế làm việc, quy chế bầu cử tại Đại hội.

Đại hội biểu quyết 100,0000% nhất trí thông qua quy chế làm việc, quy chế bầu cử.

3. Giới thiệu Đoàn Chủ tọa, bao gồm:

Ông/Bà : Ngô Quốc Vương	Chủ tịch HĐQT, Chủ tọa Đại hội
Ông/Bà : Trần Mạnh Hùng	TV HĐQT – Giám đốc Cty
Ông/Bà : Lê Ngọc Sơn	TB Kiểm soát

Đại hội biểu quyết 100,0000% nhất trí thông qua nhân sự Đoàn chủ tọa.

4. Chủ tọa giới thiệu ban Thư ký Đại hội, bao gồm:

Ông/Bà : Ngô Văn Quang	Thư ký
Ông/Bà : Phạm Văn Thanh	Thư ký

5. Chủ tọa giới thiệu Ban Kiểm Phiếu, bao gồm:

Ban Kiểm Phiếu:

Ông/Bà : Lê Thảo Phương	Trưởng Ban kiểm phiếu
Ông/Bà : Trần Thị Bích Vân	Thành viên Ban kiểm phiếu
Ông/Bà : Nguyễn Văn Hưng	Thành viên Ban kiểm phiếu

Đại hội biểu quyết 100,0000% nhất trí thông qua nhân sự Ban Kiểm Phiếu.

6. Ông Ngô Quốc Vương thay mặt Đoàn chủ tọa thông qua Chương trình Đại hội

Đại hội biểu quyết 100,0000% nhất trí thông qua Chương trình Đại hội.

PHẦN II: NỘI DUNG ĐẠI HỘI

A. ĐẠI HỘI NGHE TRÌNH BÀY CÁC BÁO CÁO

Nội dung 01: Báo cáo của Ban Giám đốc Công ty về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 và Kế hoạch hoạt động năm 2022

Người trình bày: Ông/Bà : Trần Mạnh Hùng – Giám đốc

Nội dung 02: Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021 và Kế hoạch hoạt động năm 2022

Người trình bày: Ông/Bà : Ngô Quốc Vương – CT HĐQT

Nội dung 03: Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2021 và Kế hoạch hoạt động năm 2022

Người trình bày: Ông/Bà: Lê Ngọc Sơn – Trưởng BKS

B. ĐẠI HỘI NGHE TRÌNH BÀY NỘI DUNG CÁC TỜ TRÌNH

Nội dung 04: Tờ trình báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty đã kiểm toán

Người trình bày: Ông/Bà: Lê Thảo Phương – Kế toán trưởng

Nội dung 05: Tờ trình kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2021 và phương án hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022

Người trình bày: Ông/Bà: Lê Thảo Phương – Kế toán trưởng

Nội dung 06: Tờ trình và phân phối lợi nhuận năm 2021; kế hoạch năm 2022

Người trình bày: Ông/Bà: Trần Mạnh Hùng – Giám đốc

Nội dung 07: Tờ trình thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát, Q.toán lương BLĐ năm 2021 và kế hoạch năm 2022

Người trình bày: Ông/Bà: Trần Mạnh Hùng – Giám đốc

Nội dung 08: Tờ trình lựa chọn công ty kiểm toán

Người trình bày: Ông/Bà: Trần Mạnh Hùng – Giám đốc

Nội dung 09: Tờ trình bổ sung ngành nghề kinh doanh

Người trình bày: Ông/Bà : Lê Thảo Phương – Kế toán trưởng

Nội dung 10: Tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty

Người trình bày: Ông/Bà Ngô Quốc Vương – CT HĐQT

Nội dung 11: Tờ trình sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty

Người trình bày: Ông/Bà Ngô Quốc Vương – CT HĐQT



Nội dung 12: Tờ trình ban hành quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị

Người trình bày: Ông/Bà Ngô Quốc Vương – CT HĐQT

Nội dung 13: Tờ trình ban hành quy chế hoạt động của Ban kiểm soát

Người trình bày: Ông/Bà Ngô Quốc Vương – CT HĐQT

Nội dung 14: Tờ trình Ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các thủ tục với ngân hàng về việc Dự án đầu tư hoặc bán hoặc bản giao tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị Tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.

Người trình bày: Ông/Bà Ngô Quốc Vương – CT HĐQT

Nội dung 15: Tờ trình Miễn nhiệm và Bầu bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2021 – 2025

Người trình bày: Ông/Bà : Ngô Quốc Vương – CT HĐQT

Nội dung 16: Tờ trình Miễn nhiệm và Bầu bổ sung TV Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021 – 2025

Người trình bày: Ông/Bà : Lê Ngọc Sơn – TBKS

PHẦN III. Ý KIẾN CỦA CỔ ĐÔNG:

1. Cổ đông Mai Thế Dũng:

- Đề nghị bổ sung ngành nghề kinh doanh như sau:
 - + Kinh doanh Điện năng lượng mặt trời.
 - + Kinh Doanh sắt, thép.
 - + Xây dựng dân dụng công nghiệp.

Giải đáp:

Đồng ý bổ sung ngành nghề kinh doanh như đề nghị của Cổ đông.

PHẦN IV. CỘ ĐÔNG BIỂU QUYẾT

Đại hội nghe trình bày và biểu quyết theo phương thức biểu quyết bỏ phiếu kín các nội dung sau:

Nội dung 1: Báo cáo kết quả hoạt động năm 2021; Phương hướng SXKD năm 2022 của Ban Giám đốc.

Kết quả biểu quyết:

Số phiếu tán thành:	- Số cổ phần:	- Tỷ lệ: 100 % CPBQ dự họp
Số phiếu không tán thành:	- Số cổ phần:	- Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp
Số phiếu không ý kiến:	- Số cổ phần:	- Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp
Số phiếu không hợp lệ:	- Số cổ phần:	- Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp

Như vậy, Nội dung 1 đã được thông qua.

Nội dung 2: Báo cáo kết quả hoạt động năm 2021; Phương hướng hoạt năm 2022 của Hội đồng quản trị

Kết quả biểu quyết:

Số phiếu tán thành:	- Số cổ phần:	- Tỷ lệ: 100 % CPBQ dự họp
Số phiếu không tán thành:	- Số cổ phần:	- Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp
Số phiếu không ý kiến:	- Số cổ phần:	- Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp
Số phiếu không hợp lệ:	- Số cổ phần:	- Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp

Như vậy, Nội dung 2 đã được thông qua.

Nội dung 3: Báo cáo kết quả hoạt động năm 2021; Phương hướng hoạt năm 2022 của Ban Kiểm soát

➤ Kết quả biểu quyết:

Số phiếu tán thành:	- Số cổ phần:	- Tỷ lệ: 100 % CPBQ dự họp
Số phiếu không tán thành:	- Số cổ phần:	- Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp
Số phiếu không ý kiến:	- Số cổ phần:	- Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp
Số phiếu không hợp lệ:	- Số cổ phần:	- Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp

Như vậy, Nội dung 3 đã được thông qua.

118
G T
PH
TUY
H D
ƯỐC

Nội dung 4: Thông qua Tờ trình Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2021

➤ Kết quả biểu quyết:

Số phiếu tán thành:	- Số cổ phần:	- Tỷ lệ: 100 % CPBQ dự họp
Số phiếu không tán thành:	- Số cổ phần:	- Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp
Số phiếu không ý kiến:	- Số cổ phần:	- Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp
Số phiếu không hợp lệ:	- Số cổ phần:	- Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp

Như vậy, Nội dung 4 đã được thông qua.

Nội dung 5: Tờ trình Phương án sản xuất kinh doanh năm 2022

➤ Kết quả biểu quyết:

Số phiếu tán thành:	- Số cổ phần:	- Tỷ lệ: 100 % CPBQ dự họp
Số phiếu không tán thành:	- Số cổ phần:	- Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp
Số phiếu không ý kiến:	- Số cổ phần:	- Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp
Số phiếu không hợp lệ:	- Số cổ phần:	- Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp

Như vậy, Nội dung 5 đã được thông qua.

Nội dung 6: Thông qua Tờ trình Phương án phân phối lợi nhuận thực hiện năm 2021 và Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2022

➤ Kết quả biểu quyết:

Số phiếu tán thành:	- Số cổ phần:	- Tỷ lệ: 100 % CPBQ dự họp
Số phiếu không tán thành:	- Số cổ phần:	- Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp
Số phiếu không ý kiến:	- Số cổ phần:	- Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp
Số phiếu không hợp lệ:	- Số cổ phần:	- Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp

Như vậy, Nội dung 6 đã được thông qua.

Nội dung 7: Thông qua Tờ trình Mức thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2021 và Kế hoạch mức thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2022

➤ Kết quả biểu quyết:

Số phiếu tán thành:	- Số cổ phần:	- Tỷ lệ: 100 % CPBQ dự họp
---------------------	---------------	----------------------------

Số phiếu không tán thành:	- Số cổ phần:	- Tỷ lệ:	0 % CPBQ dự họp
Số phiếu không ý kiến:	- Số cổ phần:	- Tỷ lệ:	0 % CPBQ dự họp
Số phiếu không hợp lệ:	- Số cổ phần:	- Tỷ lệ:	0 % CPBQ dự họp

Như vậy, Nội dung 7 đã được thông qua.

Nội dung 8: Thông qua Tờ trình Chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022

➤ Kết quả biểu quyết:

Số phiếu tán thành:	- Số cổ phần:	- Tỷ lệ:	100 % CPBQ dự họp
Số phiếu không tán thành:	- Số cổ phần:	- Tỷ lệ:	0 % CPBQ dự họp
Số phiếu không ý kiến:	- Số cổ phần:	- Tỷ lệ:	0 % CPBQ dự họp
Số phiếu không hợp lệ:	- Số cổ phần:	- Tỷ lệ:	0 % CPBQ dự họp

Như vậy, Nội dung 8 đã được thông qua.

Nội dung 9: Tờ trình bổ sung ngành nghề đăng ký kinh doanh

➤ Kết quả biểu quyết:

Số phiếu tán thành:	- Số cổ phần:	- Tỷ lệ:	100 % CPBQ dự họp
Số phiếu không tán thành:	- Số cổ phần:	- Tỷ lệ:	0 % CPBQ dự họp
Số phiếu không ý kiến:	- Số cổ phần:	- Tỷ lệ:	0 % CPBQ dự họp
Số phiếu không hợp lệ:	- Số cổ phần:	- Tỷ lệ:	0 % CPBQ dự họp

Như vậy, Nội dung 9 đã được thông qua.

Nội dung 10: Thông qua Tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty

➤ Kết quả biểu quyết:

Số phiếu tán thành:	- Số cổ phần:	- Tỷ lệ:	100 % CPBQ dự họp
Số phiếu không tán thành:	- Số cổ phần:	- Tỷ lệ:	0 % CPBQ dự họp
Số phiếu không ý kiến:	- Số cổ phần:	- Tỷ lệ:	0 % CPBQ dự họp
Số phiếu không hợp lệ:	- Số cổ phần:	- Tỷ lệ:	0 % CPBQ dự họp

Như vậy, Nội dung 10 đã được thông qua.

Nội dung 11: Thông qua Tờ trình sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty



➤ Kết quả biểu quyết:

Số phiếu tán thành:	- Số cổ phần:	- Tỷ lệ: 100 % CPBQ dự họp
Số phiếu không tán thành:	- Số cổ phần:	- Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp
Số phiếu không ý kiến:	- Số cổ phần:	- Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp
Số phiếu không hợp lệ:	- Số cổ phần:	- Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp

Như vậy, Nội dung 11 đã được thông qua.

Nội dung 12: Thông qua Tờ trình ban hành quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị

➤ Kết quả biểu quyết:

Số phiếu tán thành:	- Số cổ phần:	- Tỷ lệ: 100 % CPBQ dự họp
Số phiếu không tán thành:	- Số cổ phần:	- Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp
Số phiếu không ý kiến:	- Số cổ phần:	- Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp
Số phiếu không hợp lệ:	- Số cổ phần:	- Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp

Như vậy, Nội dung 12 đã được thông qua.

Nội dung 13: Thông qua tờ trình ban hành quy chế hoạt động của Ban kiểm soát

➤ Kết quả biểu quyết:

Số phiếu tán thành:	- Số cổ phần:	- Tỷ lệ: 100 % CPBQ dự họp
Số phiếu không tán thành:	- Số cổ phần:	- Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp
Số phiếu không ý kiến:	- Số cổ phần:	- Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp
Số phiếu không hợp lệ:	- Số cổ phần:	- Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp

Như vậy, Nội dung 13 đã được thông qua.

Nội dung 14: Thông qua tờ trình Ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các thủ tục với Ngân hàng về việc Dự án đầu tư hoặc bán hoặc bàn giao tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị Tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.

➤ Kết quả biểu quyết:

Số phiếu tán thành:	- Số cổ phần:	- Tỷ lệ: 100 % CPBQ dự họp
Số phiếu không tán thành:	- Số cổ phần:	- Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp
Số phiếu không ý kiến:	- Số cổ phần:	- Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp

Số phiếu không hợp lệ: - Số cổ phần: - Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp

Như vậy, Nội dung 14 đã được thông qua.

Nội dung 15: Thông qua Tờ trình Miễn nhiệm và Bầu bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2021 – 2025

Thông qua danh sách ứng viên thành viên Hội đồng quản trị bao gồm:

- Ông/Bà : Mai Thế Dũng
- Ông/Bà : Nguyễn Thị Hồng Phương
- Ông/Bà : Nguyễn Thị Thanh Vi

- Kết quả biểu quyết:

Số phiếu tán thành: - Số cổ phần: - Tỷ lệ: 100 % CPBQ dự họp

Số phiếu không tán thành: - Số cổ phần: - Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp

Số phiếu không ý kiến: - Số cổ phần: - Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp

Số phiếu không hợp lệ: - Số cổ phần: - Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp

Như vậy, Nội dung 15 đã được thông qua.

Nội dung 16: Thông qua Tờ trình Miễn nhiệm và Bầu bổ sung Thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2021 – 2025

Thông qua danh sách ứng viên thành viên Ban kiểm soát bao gồm:

- Ông/Bà: Ngô Văn Quang

- Kết quả biểu quyết:

Số phiếu tán thành: - Số cổ phần: - Tỷ lệ: 100 % CPBQ dự họp

Số phiếu không tán thành: - Số cổ phần: - Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp

Số phiếu không ý kiến: - Số cổ phần: - Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp

Số phiếu không hợp lệ: - Số cổ phần: - Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp

Như vậy, Nội dung 16 đã được thông qua.



KẾT QUẢ BẦU CỬ:

Họ và tên	Vị trí/ông vị	Tỷ lệ bầu cử
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ		
Mai Thế Dũng	TV HĐQT	134,6121 %
Nguyễn Thị Hồng Phương	TV HĐQT	82,6939 %
Nguyễn Thị Thanh Vi	TV HĐQT	82,6939 %
BAN KIỂM SOÁT		
Ngô Văn Quang	TV BKS	100,0000 %

PHẦN V: THÔNG QUA BIÊN BẢN CUỘC HỌP

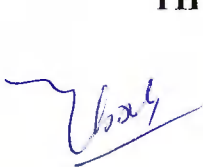
Người trình bày: Ông Phạm Văn Thanh, đọc biên bản cuộc họp

Đại hội biểu quyết và nhất trí thông qua toàn văn Biên bản cuộc họp Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 với 100,0000% số phiếu tán thành.

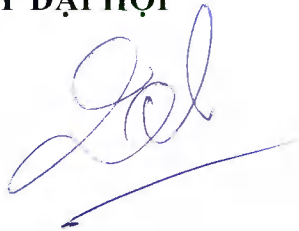
Biên bản nay được lập thành 04 bản và được lưu tại Công ty CP Gạch Tuy Nén Bình Định.

Đại hội kết thúc 11 giờ 45 cùng ngày.

THƯ KÝ ĐẠI HỘI



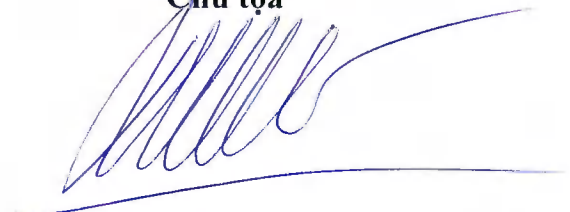
Phạm Văn Thanh



Ngô Văn Quang

TM. ĐOÀN CHỦ TỌA

Chủ tọa



Ngô Quốc Vương

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH TUY NEN BÌNH ĐỊNH

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Gạch Tuy Nén Bình Định;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần gạch Tuy nén Bình Định ngày 07/08/2022 (lần 3).

QUYẾT NGHỊ:

Hôm nay, ngày 07/08/2022, Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Gạch Tuy Nén Bình Định, được tổ chức với sự tham gia của 07 cổ đông và đại diện cổ đông, sở hữu và đại diện sở hữu cho 528.907 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm 12,0295% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty (Căn cứ theo Khoản 3 điều 145 Luật doanh nghiệp và Khoản 3 Điều 19 Điều lệ Công ty ngày 6/2/2018).

Sau khi nghe nội dung các Báo cáo, Tờ trình, Đại hội đã thảo luận và biểu quyết nhất trí thông qua các nội dung như sau:

Điều 1: Các Báo cáo tại Đại hội

➤ **Báo cáo kết quả hoạt động năm 2021; Phương hướng SXKD năm 2022 của Ban Giám đốc:**

Tỷ lệ biểu quyết tán thành: 528.907 cổ phần, chiếm 100,0000% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

➤ **Báo cáo kết quả hoạt động năm 2021; Phương hướng hoạt năm 2022 của Hội đồng quản trị:**

Tỷ lệ biểu quyết tán thành: 528.907 cổ phần, chiếm 100,0000% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

➤ **Báo cáo kết quả hoạt động năm 2021; Phương hướng hoạt năm 2022 của Ban Kiểm soát:**

Tỷ lệ biểu quyết tán thành: 528.907 cổ phần, chiếm 100,0000% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Điều 2: Các Tờ trình tại Đại hội

➤ **Thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2021:**

Tỷ lệ biểu quyết tán thành: 528.907 cổ phần, chiếm 100,0000% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.



➤ **Thông qua Phương án sản xuất kinh doanh năm 2022 :**

- **SL sản xuất** : 8,000 triệu viên ; **SL tiêu thụ** : 10,799 triệu viên
- **Tổng doanh thu** : 17,900 tỷ đồng ; **Lợi nhuận trước thuế** : -4,261 tỷ đồng
- **Kế hoạch trả nợ** : 17,860 tỷ đồng (gốc+ lãi)

Tỷ lệ biểu quyết tán thành: 528.907 cổ phần, chiếm 100,0000% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

➤ **Phương án phân phối lợi nhuận thực hiện năm 2021 và Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2022:**

- **Phân phối lợi nhuận thực hiện năm 2021 theo Báo cáo:**

Stt	Diễn giải	Tỷ lệ	Số tiền (đồng)
1	Lợi nhuận trước thuế		(7.687.562.864)
2	Thuế TNDN		11.792.328
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN (phân phối)		(7.699.355.192)
	Quỹ đầu tư phát triển		0
	Trích quỹ khen thưởng phúc lợi		0
	Lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ		0
	Cổ tức được chia bằng tiền làm tròn		0

- **Phân phối lợi nhuận kế hoạch năm 2022: Tiếp tục lỗ không phân phối và không chia cổ tức**

Tỷ lệ biểu quyết tán thành: 528.907 cổ phần, chiếm 100,0000% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

➤ **Mức thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2021 và Kế hoạch mức thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2022:**

1. Dự kiến kế hoạch Thù lao của HĐQT, BKS năm 2022: 232.243.200 đồng

Trong đó: - Tiền thù lao thành viên HĐQT: 148.377.600 đồng

- Tiền thù lao thành viên BKS: 83.865.600 đồng

2. Kế hoạch Tiền lương của Ban Giám đốc, kế toán trưởng năm 2022

Tiền lương KH của BLĐ, KTT: 479.935.615 đồng; Trong đó:

- Lương cơ bản: 431.424.000 đồng (Mức LTTDN: 3.360.000đ/th x HS x 12 th)
- Lương BSCĐ: 31.951.615 đồng (theo chế độ Nhà nước quy định)
- Tiền ăn giữa ca: 16.560.000 đồng (mức 20.000 đ/công x 23c/th x 12 th)
- Lương dự phòng 17%: 0 đồng (lợi nhuận âm không trích)

Quỹ lương kế hoạch ban GD, KTT năm 2022 tính theo chế độ hiện nay; nếu có thay đổi sẽ điều chỉnh và thực hiện quyết toán quỹ lương đúng quy chế.

3. Kế hoạch Tiền thưởng của HĐQT, BKS, Ban Giám đốc - KTT năm 2022

Kế hoạch năm 2022 không có lợi nhuận, nên Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành sẽ không có (nếu thực hiện có lợi nhuận sẽ trích và thực hiện thưởng theo quy chế).

Tỷ lệ biểu quyết tán thành: 528.907 cổ phần, chiếm 100,0000% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

➤ Chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022:

Tỷ lệ biểu quyết tán thành: 528.907 cổ phần, chiếm 100,0000% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

➤ Thông qua bổ sung ngành nghề đăng ký kinh doanh:

Tỷ lệ biểu quyết tán thành: 528.907 cổ phần, chiếm 100,0000% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

➤ Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ :

Tỷ lệ biểu quyết tán thành: 528.907 cổ phần, chiếm 100,0000% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

➤ Thông qua sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ :

Tỷ lệ biểu quyết tán thành: 528.907 cổ phần, chiếm 100,0000% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

➤ Thông qua sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động HĐQT:

Tỷ lệ biểu quyết tán thành: 528.907 cổ phần, chiếm 100,0000% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

➤ Thông qua sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động BKS:

Tỷ lệ biểu quyết tán thành: 528.907 cổ phần, chiếm 100,0000% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

➤ Thông qua Ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các thủ tục với Ngân hàng về việc Dự án đầu tư hoặc bán hoặc bàn giao tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị Tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.

Tỷ lệ biểu quyết tán thành: 528.907 cổ phần, chiếm 100,0000% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

➤ Miễn nhiệm và Bầu cử Bổ sung Thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2021-2025:

a) Đại hội thống nhất miễn nhiệm thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2021-2025 như sau:

- Ông Nguyễn Kim Hùng – Thành viên HĐQT
- Ông Trần Đức Thanh – Thành viên HĐQT
- Ông Phạm Văn Thanh – Thành viên HĐQT



- Ông Từ Văn Nghĩa – Thành viên BKS

b) Đại hội thống nhất thông qua việc bầu cử bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2021-2025 như sau:

1. Đại hội biểu quyết thông qua số lượng bầu bổ sung và danh sách ứng cử thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2021-2025: 03 thành viên HĐQT.
2. Đại hội thống nhất thông qua danh sách ứng cử viên trúng cử HĐQT nhiệm kỳ 2021-2025:
 - Ông/Bà : Mai Thế Dũng
 - Ông/Bà : Nguyễn Thị Hồng Phương
 - Ông/Bà : Nguyễn Thị Thanh Vi

Tỷ lệ biểu quyết tán thành: 528.907 cổ phần, chiếm 100,0000% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

c) Đại hội thống nhất thông qua việc bầu cử bổ sung thành viên BKS nhiệm kỳ 2021-2025 như sau:

1. Đại hội biểu quyết thông qua số lượng bầu bổ sung và danh sách ứng cử thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2025: 01 thành viên.
2. Đại hội thống nhất thông qua danh sách ứng cử viên trúng cử Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2025:
 - Ông/Bà : Ngô Văn Quang

Tỷ lệ biểu quyết tán thành: 528.907 cổ phần, chiếm 100,0000% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

KẾT QUẢ BẦU CỬ:

Stt	Họ và tên	Tỷ lệ bầu cử
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ		
1	Mai Thế Dũng	134,6121 %
2	Nguyễn Thị Hồng Phương	82,6939 %
3	Nguyễn Thị Thanh Vi	82,6939 %
BAN KIỂM SOÁT		
1	Ngô Văn Quang	100,0000 %

Điều 3: Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần gạch tuynen Bình Định được thông qua ngay tại Đại hội.

Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc cùng toàn thể cổ đông Công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HDQT
(Tài liệu ĐHCĐ 2022).

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH TUY NEN BÌNH ĐỊNH
CHỦ TỌA



Ngô Quốc Vương





CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH TUY NÉN BÌNH ĐỊNH

Địa chỉ: Km 1215, Quốc Lộ 1A, Xã Phước Lộc, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định

ĐT: (0256) 3832 176 Fax: (0256) 3832 809 Website: www.tuynenbinhdinh.com.vn

QUY CHẾ LÀM VIỆC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2022 CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH TUY NÉN BÌNH ĐỊNH

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán thông qua ngày 31/12/2020;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Gạch Tuy Nén Bình Định;
- Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Gạch Tuy Nén Bình Định.

Nhằm đảm bảo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Gạch Tuy Nén Bình Định diễn ra thành công tốt đẹp, Hội đồng quản trị xây dựng quy chế, nguyên tắc làm việc, ứng xử, biểu quyết trong Đại hội để Đại hội đồng cổ đông thông qua như sau:

1. MỤC ĐÍCH

- Đảm bảo trình tự, nguyên tắc ứng xử, biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty Cổ phần Gạch Tuy Nén Bình Định diễn ra đúng quy định và thành công tốt đẹp.
- Các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thể hiện ý chí thống nhất của Đại hội đồng cổ đông, đáp ứng nguyện vọng, quyền lợi của cổ đông và đúng pháp luật.

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI

- **Đối tượng:** Tất cả các cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền) và khách mời tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Gạch Tuy Nén Bình Định đều phải chấp hành, tuân thủ các quy định tại Quy chế này, Điều lệ Công ty và quy định hiện hành của pháp luật.
- **Phạm vi áp dụng:** Quy chế này được sử dụng cho việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Gạch Tuy Nén Bình Định.

3. GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ/TỪ VIẾT TẮT

- Công ty : Công ty Cổ phần Gạch Tuy Nén Bình Định
- HĐQT : Hội đồng quản trị
- BKS : Ban Kiểm soát
- Kiểm soát viên : Thành viên Ban Kiểm soát
- BTC : Ban tổ chức
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- Đại biểu : Cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền)



4. NỘI DUNG QUY CHẾ

4.1 Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

- Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số đại biểu dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết.
- Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Điều lệ Công ty thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
- Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Điều lệ Công ty thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

4.2 Điều kiện cổ đông tham dự Đại hội

Các cổ đông có quyền biểu quyết của Công ty theo danh sách chốt tại ngày 20/05/2022 đều có quyền tham dự ĐHĐCĐ; có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được ủy quyền theo quy định của pháp luật thì phải xác định cụ thể số cổ phần của mỗi người đại diện.

4.3 Khách mời tại Đại hội

- Là các chức danh quản lý của Công ty, khách mời, thành viên trong BTC Đại hội không phải là cổ đông Công ty nhưng được mời tham dự Đại hội.
- Khách mời không tham gia phát biểu tại Đại hội (*trừ trường hợp được Chủ tọa Đại hội mời, hoặc có đăng ký trước với BTC Đại hội và được Chủ tọa Đại hội đồng ý*).

4.4 Đại biểu tham dự Đại hội phải tuân thủ các quy định sau

- Đúng giờ, trang phục lịch sự, trang trọng, tuân thủ việc kiểm tra an ninh (nếu có), giấy tờ tùy thân .v.v...theo yêu cầu của Ban tổ chức Đại hội.
- Nhận hồ sơ tài liệu, giấy tờ phục vụ Đại hội tại bộ phận đón tiếp trước hội trường Đại hội.
- Cổ đông đến muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký tham dự; kết quả biểu quyết các vấn đề đã được tiến hành biểu quyết trước khi đại biểu đó đến tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.
- Để điện thoại ở chế độ rung hoặc tắt máy, khi cần thì ra bên ngoài đàm thoại.
- Không hút thuốc lá, giữ trật tự trong phòng Đại hội.
- Tuân thủ các quy định của Ban tổ chức, của Chủ tọa điều hành Đại hội.
- Trường hợp có đại biểu không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp, quy định nói trên, Chủ tọa sau khi xem xét một cách cẩn trọng, có thể từ chối hoặc trục xuất đại biểu nói trên khỏi nơi diễn ra Đại hội để đảm bảo Đại hội diễn ra một cách bình thường theo

chương trình kế hoạch.

4.5 Chủ tọa và Đoàn chủ tọa

- Đoàn chủ tọa gồm 01 Chủ tọa và các Thành viên.
- Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên HĐQT khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do HĐQT triệu tập;
- Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
- Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sẽ điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm Chủ tọa cuộc họp.
- Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
- Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp theo quy định tại khoản 8 Điều 146 Luật doanh nghiệp.
- Nhiệm vụ của Đoàn chủ tọa:
 - Điều hành các hoạt động của Đại hội đồng cổ đông Công ty theo chương trình dự kiến của HĐQT đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình;
 - Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;
 - Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu;
 - Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.
- Nguyên tắc làm việc của Đoàn chủ tọa: Đoàn chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, quyết định theo đa số.

4.6 Thư ký Đại hội

- Chủ tọa cử một hoặc một số người làm Thư ký cuộc họp.
- Nhiệm vụ và quyền hạn:
 - Ghi chép đầy đủ, trung thực nội dung Đại hội;
 - Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của Đại biểu;
 - Lập Biên bản họp và soạn thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - Hỗ trợ Chủ tọa công bố thông tin liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thông



báo đến các Cổ đông theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

- Các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Chủ tọa.

4.7 Ban Kiểm phiếu

- Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào Ban Kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp. Các ứng viên tham gia ứng cử, đề cử (khi thực hiện bầu cử) không được tham gia vào Ban Kiểm phiếu.
- Nhiệm vụ của Ban Kiểm phiếu:
 - Phổ biến nguyên tắc, thể lệ, hướng dẫn cách thức biểu quyết, bầu cử.
 - Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết, bầu cử hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết, bầu cử;
 - Kiểm và ghi nhận phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử, lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả; chuyển biên bản cho Chủ tọa.

4.8 Ban Kiểm tra tư cách đại biểu

- Ban Kiểm tra tư cách đại biểu của Đại hội bao gồm 01 Trưởng Ban và các thành viên, do chủ tọa giới thiệu đến Đại hội.
- Nhiệm vụ của Ban Kiểm tra tư cách đại biểu:
 - Kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông, đại diện cổ đông đến dự họp.
 - Trưởng Ban Kiểm tra tư cách đại biểu báo cáo với Đại hội đồng cổ đông tình hình cổ đông dự họp. Nếu cuộc họp có đủ số lượng cổ đông và đại diện được ủy quyền có quyền dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty được tổ chức tiến hành.

4.9 Phát biểu tại Đại hội

- Đại biểu tham dự Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến phải được sự đồng ý của Chủ tọa Đại hội. Đại biểu phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình đã được Đại hội thông qua hoặc gửi ý kiến bằng văn bản cho Thư ký Đại hội tổng hợp báo cáo Chủ tọa.
- Chủ tọa Đại hội sẽ sắp xếp cho đại biểu phát biểu theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp các thắc mắc của cổ đông tại Đại hội hoặc ghi nhận trả lời sau bằng văn bản.

4.10 Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội

4.10.1 Nguyên tắc

- Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết công khai.
- Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho đại biểu tại đại hội (kèm theo bộ tài liệu tham dự ĐHĐCĐ). Trên Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và Phiếu Bầu cử có ghi rõ mã số đại biểu, họ tên, số cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền được biểu quyết của đại biểu đó.

- Chủ tọa đề xuất các hình thức biểu quyết đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình đề Đại hội thông qua.
- Hình thức biểu quyết như sau:
 - o Biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết: hình thức này được dùng để thông qua các vấn đề như: Chương trình Đại hội; Quy chế làm việc tại Đại hội; Quy chế bầu cử; Nhân sự Đoàn chủ tọa; Nhân sự Ban Kiểm phiếu; thông qua Biên bản Đại hội, Nghị quyết Đại hội và các nội dung khác tại Đại hội (nếu có);
 - o Biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết: hình thức này được dùng để thông qua các vấn đề: Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 và Phương hướng SXKD năm 2022; Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021 và Phương hướng hoạt động năm 2022; Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021 và Phương hướng hoạt động năm 2022; Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán; và biểu quyết thông qua nội dung các Tờ trình tại Đại hội.

4.10.2 Cách thức biểu quyết

- o Đại biểu thực hiện việc biểu quyết đề Tán thành, Không tán thành hoặc Không có ý kiến một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết tương ứng với các nội dung cần biểu quyết theo quy định tại Mục 4.10.1.
- o Khi biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Đoàn Chủ tọa. Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không có ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết tán thành vấn đề đó. Trường hợp đại biểu giơ cao Thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không có ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết, Thành viên Ban Kiểm tra tư cách đại biểu/Ban Kiểm phiếu đánh dấu mã đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông Tán thành, Không tán thành, Không có ý kiến và Không hợp lệ.
- o Khi biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết, Đối với từng nội dung, đại biểu chọn một trong ba phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu “x” hoặc “v” vào ô mình chọn. Sau khi hoàn tất tất cả nội dung cần biểu quyết của Đại hội, đại biểu gửi Phiếu biểu quyết về thùng phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban Kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu.

4.10.3 Tính hợp lệ của Phiếu biểu quyết

- **Phiếu biểu quyết hợp lệ** là phiếu theo mẫu in sẵn do BTC phát ra, có đóng dấu đỏ của Công ty, không tẩy xóa, cạo sửa, rách, nát,... không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này và phải có chữ ký, dưới chữ ký phải có đầy đủ họ tên được viết tay của đại biểu tham dự.

Trên phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết (Báo cáo, Tờ trình) là hợp lệ khi đại biểu đánh dấu chọn một (01) trong ba (03) ô vuông biểu quyết.



➤ **Phiếu biểu quyết không hợp lệ:**

- Ghi thêm nội dung khác vào phiếu biểu quyết;
- Phiếu biểu quyết không theo mẫu in sẵn do BTC phát ra, phiếu không có dấu đỏ của Công ty hoặc đã tẩy xoá, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài quy định cho phiếu biểu quyết, phiếu không có chữ ký, không ghi đầy đủ họ tên của đại biểu, khi đó tất cả nội dung biểu quyết trên phiếu biểu quyết là không hợp lệ.

4.10.4 Thẻ lệ biểu quyết

Cứ 01 (một) cổ phần phổ thông tương đương với một quyền biểu quyết. Mỗi đại biểu tham dự đại diện cho một hoặc nhiều quyền biểu quyết sẽ được cấp Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết.

- Tại ngày chốt danh sách cổ đông (ngày 20/05/2022) tổng số cổ phần của Công ty là: 4.465.570 cổ phần tương đương với 4.465.570 quyền biểu quyết.
- Các vấn đề cần lấy biểu quyết tại Đại hội chỉ được thông qua khi được số cổ đông sở hữu ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành. Riêng một số trường hợp vấn đề biểu quyết được quy định tại Khoản 3 Điều 21 Điều lệ Công ty thì phải có sự đồng ý ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành.
- Lưu ý:
 - Cổ đông/đại diện ủy quyền có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết đối với các hợp đồng và giao dịch có giá trị từ 35% (tổng giá trị tài sản Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất; các hợp đồng hoặc giao dịch này chỉ được chấp thuận khi có số cổ đông/ đại diện ủy quyền chiếm từ 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành (theo Khoản 4, Điều 167, Luật Doanh nghiệp 2020).
 - Cổ đông/ đại diện ủy quyền cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó không có quyền biểu quyết đối với các hợp đồng và giao dịch có giá trị lớn hơn 10% (tổng giá trị tài sản Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất) giữa Công ty với cổ đông đó (theo Điểm b, Khoản 3 và Khoản 4, Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020).

4.10.5 Ghi nhận kết quả biểu quyết

- Tại Đại hội, Đại hội đồng cổ đông sẽ thông qua Ban Kiểm phiếu.
- Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ thu phiếu biểu quyết và phiếu bầu cử.
- Ban Kiểm phiếu sẽ kiểm tra số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến của từng nội dung và chịu trách nhiệm ghi nhận, thống kê và báo cáo kết quả kiểm phiếu biểu quyết tại ĐHĐCĐ.

4.11 Bầu cử Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

Việc bầu cử thành viên HĐQT, Ban kiểm soát phải được thực hiện theo Quy chế bầu cử thành viên HĐQT, BKS được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua tại đại hội.

4.12 Biên bản, Nghị Quyết họp ĐHĐCĐ

Biên bản họp và nghị quyết ĐHĐCĐ phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

5. Thực hiện

- Tất cả các đại biểu, người đại diện, khách mời tham dự Đại hội có trách nhiệm tuân thủ đầy đủ các nội dung đã quy định tại Quy chế này, các quy định, nội quy, quy chế quản lý hiện hành của Công ty và các quy định pháp luật có liên quan.
- Người triệu tập ĐHĐCĐ có quyền:
 - Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác;
 - Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp ĐHĐCĐ.
- Các nội dung không được quy định chi tiết tại quy chế này thì thống nhất áp dụng theo quy định tại Điều lệ Công ty, Luật doanh nghiệp 2020 và các văn bản pháp luật hiện hành của Nhà nước.

Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được ĐHĐCĐ Công ty biểu quyết thông qua.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- TV HĐQT, Ban GD, BKS;
- Lưu: VT, Thư ký.



Ngô Quốc Vương



CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH TUY NÉN BÌNH ĐỊNH

Địa chỉ: Km 1215, Quốc Lộ 1A, Xã Phước Lộc, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định

ĐT: (0256) 3832 176 Fax: (0256) 3832 809 Website: www.tuynenbinhdinh.com.vn

QUY CHẾ ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU CỬ BỔ SUNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2021 – 2025 CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH TUY NÉN BÌNH ĐỊNH

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán thông qua ngày 31/12/2020;
- Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Gạch Tuy Nén Bình Định;
- Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Gạch Tuy Nén Bình Định.

Ban Kiểm phiếu Đại hội công bố Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 Công ty Cổ phần Gạch Tuy Nén Bình Định như sau:

I. Giải thích thuật ngữ/từ ngữ viết tắt

- Công ty : Công ty Cổ phần Gạch Tuy Nén Bình Định
- HĐQT : Hội đồng quản trị
- BKS : Ban kiểm soát
- BTC : Ban tổ chức Đại hội
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- Đại biểu : Cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền)

II. Chủ tọa tại đại hội:

Chủ tọa tại đại hội có trách nhiệm chủ trì việc bầu cử với những việc cụ thể là:

- Giới thiệu danh sách đề cử và ứng cử vào HĐQT và BKS;
- Giám sát việc bỏ phiếu, kiểm phiếu;
- Giải quyết các khiếu nại về cuộc bầu cử (nếu có)

III. Quy chế đề cử, ứng cử HĐQT

- Số lượng thành viên HĐQT bầu bổ sung: 03 người
- Nhiệm kỳ: 2021 – 2025
- Số lượng ứng cử viên HĐQT tối đa: không hạn chế



1. Quyền đề cử, ứng cử HĐQT: (theo Điều 25 Điều lệ công ty)

Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sau(06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa (07) ứng viên; từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa (08) ứng viên.

Ứng cử viên được đề cử phải có đủ các tiêu chuẩn nêu tại mục 2 dưới đây.

Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế được công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

2. Tiêu chuẩn ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị: Ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị phải có đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây (theo Điều 155 Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14, Nghị định 155/2020/NĐ-CP)

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14;
- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty;
- Thành viên Hội đồng quản trị công ty chỉ được đồng thời là thành viên HĐQT của tối đa 05 công ty khác.

IV. Quy chế đề cử, ứng cử Ban kiểm soát:

- Số lượng thành viên Ban kiểm soát bầu bổ sung: 01 người
- Nhiệm kỳ: 2021 – 2025
- Số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát tối đa: không hạn chế.

1. Quyền đề cử, ứng cử: (theo Điều 36 Điều lệ công ty)

Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sau(06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa (07) ứng viên; từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa (08) ứng viên.

Ứng cử viên được đề cử phải có đủ các tiêu chuẩn nêu tại mục 2 dưới đây.

Trường hợp số lượng các ứng viên BKS thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, BKS đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

2. Tiêu chuẩn ứng cử thành viên Ban Kiểm Soát: *Ứng cử viên tham gia Ban kiểm soát phải có đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây (theo Khoản 1, Điều 169 của Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14; Điều 286 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP)*

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2, Điều 17 của Luật doanh nghiệp 59/2020/QH14;
- Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
- Không được là người có quan hệ gia đình (vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng) của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác;
- Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty;
- Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- Không là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.
- Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

V. Nguyên tắc bầu cử:

- Thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Quyền bầu cử được tính theo số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu. Kết quả bầu cử được tính trên số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Mỗi lần bầu cử, một đại biểu cổ đông chỉ được sử dụng một phiếu bầu tương ứng với số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu.



- Ban kiểm phiếu do chủ tọa đoàn đề cử và được đại hội thông qua. Thành viên ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử và ứng cử vào Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát.

VI. Phương thức bầu cử:

- Danh sách ứng cử viên HĐQT và BKS được ghi đầy đủ họ và tên trên phiếu bầu.
- Phương thức bầu cử: *(Theo Khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp 2020)*
 - Thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu: theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT hoặc BKS.
 - Đại biểu tham dự có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
 - Mỗi cổ đông dự họp được cấp một phiếu bầu HĐQT và một phiếu bầu BKS. Đại biểu khi được phát phiếu phải kiểm tra lại các thông tin ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót phải thông báo ngay cho Ban kiểm phiếu.
 - Trường hợp phát sinh thêm ứng viên trong ngày diễn ra đại hội, đại biểu có thể liên hệ với Ban kiểm phiếu xin cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp lại phiếu cũ (trước khi bỏ vào thùng phiếu).
 - Cách ghi Phiếu bầu cử:
 - ✓ Đại biểu bầu số ứng viên tối đa bằng số thành viên cần bầu;
 - ✓ Nếu bầu dồn toàn bộ số phiếu cho một hoặc chia đều toàn bộ số phiếu cho các ứng viên, đại biểu đánh dấu vào ô **“Bầu dồn đều phiếu”** của các ứng viên tương ứng.
 - ✓ Nếu bầu số phiếu không đều nhau cho từng ứng viên, đại biểu ghi rõ số phiếu bầu vào ô **“Số phiếu bầu”** của các ứng viên tương ứng.

Lưu ý:

Trong trường hợp đại biểu vừa đánh dấu vào ô **“Bầu dồn đều phiếu”** vừa ghi số lượng ở ô số phiếu bầu thì kết quả lấy theo số lượng phiếu ở ô **“Số phiếu bầu”**.

- Phiếu bầu cử sẽ được bỏ vào thùng phiếu đã được niêm phong trước khi tiến hành kiểm phiếu.
- Phiếu bầu hợp lệ: là phiếu bầu theo mẫu in sẵn do ban tổ chức phát ra, có đóng dấu đỏ của Công ty, không tẩy xóa, cạo sửa, không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu bầu.

- Các phiếu bầu sau đây sẽ được coi là không hợp lệ:
 - Ghi thêm nội dung khác vào phiếu bầu;
 - Phiếu bầu không theo mẫu in sẵn do ban tổ chức phát ra, phiếu không có dấu đỏ của công ty, hoặc đã tẩy xoá, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài qui định cho phiếu bầu;
 - Số ứng viên mà đại biểu bầu lớn hơn số lượng thành viên cần bầu;
 - Phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên của các đại biểu lớn hơn tổng số phiếu được phép bầu;
 - Không có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu tham dự.
- Sau khi việc bỏ phiếu kết thúc, việc kiểm phiếu sẽ được tiến hành dưới sự giám sát của Ban kiểm phiếu và của đại diện cổ đông (nếu cần).
- Ban kiểm phiếu có trách nhiệm lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả và cùng với chủ toạ đoàn giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của cổ đông (nếu có).
- Phiếu bầu cử sau khi kiểm sẽ được lưu trữ theo quy định và mở ra theo yêu cầu của Đại hội cổ đông của công ty.

VII. Nguyên tắc trúng cử lựa chọn các ứng cử viên:

- Người trúng cử được xác định theo số phiếu được bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.
- Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu được bầu như nhau cho thành viên cuối cùng thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu được bầu ngang nhau.
- Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số lượng cần bầu thì sẽ được tiến hành bầu cử cho đến khi bầu đủ số lượng thành viên cần bầu.

VIII. Hồ sơ tham gia đề cử, ứng cử để bầu vào HĐQT, BKS:

Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử để bầu vào HĐQT và BKS bao gồm:

- Đơn xin ứng cử/đề cử để bầu vào HĐQT và BKS (theo mẫu).
- Sơ yếu lý lịch (theo mẫu).
- Bản sao các giấy tờ sau: CMND/CCCD/Hộ chiếu.
- Các bằng cấp chứng nhận trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn (nếu có).



Quy chế Đề cử, Ứng cử, Bầu cử HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2021 –2025

Người đề cử vào HĐQT và BKS phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực về nội dung trong hồ sơ của mình.

Hồ sơ xin gửi về Công ty Cổ phần Gạch Tuy Nén Bình Định trước 16 giờ 00 ngày 11 tháng 06 năm 2022 theo địa chỉ sau:

Văn phòng Công ty Cổ phần Gạch Tuy Nén Bình Định

Địa chỉ: Km 1215, Quốc Lộ 1A, Xã Phước Lộc, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định

Điện thoại: (0256) 3832 176 Fax: (0256) 3832 809

Trên đây là toàn bộ quy chế ứng cử đề cử bầu vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Gạch Tuy Nén Bình Định. Kính trình Đại hội cổ đông xem xét thông qua.

Quy chế này có hiệu lực thực hiện ngay sau khi được Đại hội cổ đông thông qua.

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- TV HĐQT, Ban GD, BKS;
- Lưu: VT, Thư ký.



CHỦ TỊCH

Ngô Quốc Vương



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2021
(ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN)**

Công ty cổ phần gạch Tuy nen Bình Định từ một doanh nghiệp Nhà nước được chuyển thành Công ty cổ phần từ ngày 28/12/2001 theo Quyết định 131/QĐ-UB; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4100431180 do Sở KHĐT cấp; Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Cty đã 10 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 24/03/2020 do thay đổi tên Người đại diện theo pháp luật .

Vốn điều lệ (vốn góp cổ đông) tính đến ngày 31/12/2021: **44.655.700.000** đồng

Mã chứng khoán là: **BTN**

Cổ phiếu của Công ty đã được đăng ký giao dịch trên sàn Upcom tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 1034/QĐ-SGDHN ngày 27/12/2017.

Ngành nghề kinh doanh chính là sản xuất kinh doanh gạch nung bằng lò Tuy nen và gạch không nung (gạch XMCL và gạch bê tông nhẹ khí chưng áp aac).

Công ty đã tổ chức hạch toán kế toán theo đúng chế độ, chuẩn mực kế toán Việt Nam quy định; áp dụng chính sách kế toán thích hợp và nhất quán giữa các kỳ kế toán; Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Cty tại thời điểm ngày 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý liên quan.

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, HĐQT đã chỉ định Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty.

Qua kết quả cuộc kiểm toán độc lập của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt, thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty Cp gạch Tuy nen Bình Định; **kiểm toán viên đã có ý kiến ghi nhận**: Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Cty Cp gạch Tuy nen Bình Định tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính; số liệu thể hiện như sau:

1. Bảng cân đối kế toán (tại ngày 31/12/2021)

Đơn vị tính: VND

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. Tài sản ngắn hạn	100		8.766.399.540	12.431.271.060
1 - Tiền và các khoản tương đương tiền	110		611.053.111	617.804.489
2 - Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
3 - Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.349.061.604	1.702.166.725
4 - Hàng tồn kho	140		4.083.822.840	6.851.714.047
5 - Tài sản ngắn hạn khác	150		2.722.461.985	3.259.585.799
B. Tài sản dài hạn	200		62.821.841.313	67.790.343.905
1 - Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-



2 - Tài sản cố định	220		62.418.018.065	67.377.129.419
Tài sản cố định hữu hình	221		62.418.018.065	67.377.129.419
- Nguyên giá	222		99.792.140.257	101.758.545.877
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(37.374.122.192)	(34.381.416.458)
3 - Bất động sản đầu tư	230		-	-
4 - Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
5 - Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
6. Tài sản dài hạn khác	260		403.823.248	413.214.486
Tổng tài sản (270=100+200)	270		71.588.240.853	80.221.614.965
C. Nợ phải trả	300		33.611.140.679	34.545.159.599
1 - Nợ ngắn hạn	310		22.094.534.958	17.173.005.878
2 - Nợ dài hạn	330		11.516.605.721	17.372.153.721
D. Vốn chủ sở hữu	400		37.977.100.174	45.676.455.366
I - Vốn chủ sở hữu	410		37.977.100.174	45.676.455.366
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		44.655.700.000	44.655.700.000
2. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(688.080.000)	(688.080.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		7.076.143.253	7.076.143.253
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(13.066.663.079)	(5.367.307.887)
II - Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Tổng cộng nguồn vốn (440=300+400)	440		71.588.240.853	80.221.614.965

2. Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2021

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	MS	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		7.946.186.800	13.053.691.641
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		7.946.186.800	13.053.691.641
4. Giá vốn hàng bán	11		6.565.810.252	9.483.411.739
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		1.380.376.548	3.570.279.902
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		324.069	1.705.000
7. Chi phí tài chính	22		2.565.597.141	2.708.998.841
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.565.597.141	2.708.998.841
8. Chi phí bán hàng	25		765.171.475	572.844.462
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		2.703.611.914	2.423.044.173
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		(4.653.679.913)	(2.132.902.574)
11. Thu nhập khác	31		658.302.906	208.927.370
12. Chi phí khác	32		3.692.185.857	3.443.332.683
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(3.033.882.951)	(3.234.405.313)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(7.687.562.864)	(5.367.307.887)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		11.792.328	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		(7.699.355.192)	(5.367.307.887)

18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		(1.751)	(1.202)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		(1.751)	(1.202)

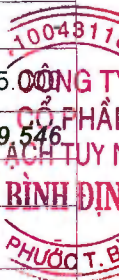
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay (lỗ : 7.699.355.192 đồng), nguyên nhân do chi phí khấu hao TSCĐ thiết bị dây chuyền gạch ac và lãi vay ngân hàng.

Do vậy phương án phân phối lợi nhuận năm nay không có .

3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2021

Đơn vị tính: VNĐ

Chi tiêu	MS	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và DT #	01		8.659.719.522	13.717.922.660
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02		(4.492.291.952)	(6.218.007.637)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(1.260.762.159)	(2.341.671.350)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(1.824.311.744)	(2.729.827.079)
5. Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(11.792.328)	(834.570.660)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		541.047.168	201.951.233
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07		(961.855.697)	(2.012.620.994)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		649.752.810	(216.823.827)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm TSCĐ, XD TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		610.909.091	195.454.546
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			500.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		324.069	1.705.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		611.233.160	697.159.546
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31			
2. Tiền trả lãi vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33		2.242.391.487	12.182.516.626
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(3.510.128.835)	(13.828.638.770)
5. Tiền trả gốc nợ thuê tài chính	35			-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.267.737.348)	(1.646.122.144)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(6.751.378)	(1.165.786.425)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		617.804.489	1.783.590.914
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	V.1	611.053.111	617.804.489



4. Đánh giá chỉ số tài chính - kinh doanh 2021

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021	Năm 2020	Ch.lệch (21/20)	% tăng, giảm/20
I	Tài sản, nguồn vốn					
1	Tổng Tài sản	Tỷđ	71,588	80,221	-8,633	-10,76
	Trong đó: - Tài sản ngắn hạn	Tỷđ	8,766	12,431	-3,665	-29,48
	- Tài sản dài hạn	Tỷđ	62,822	67,790	-4,968	-7,33
2	Tổng nguồn vốn	Tỷđ	71,588	80,221	-8,633	-10,76
	Trong đó: - Nợ phải trả	Tỷđ	33,611	34,545	-0,934	-2,70
	- Vốn chủ sở hữu	Tỷđ	37,977	45,676	-7,699	-16,86
II	Khả năng sinh lời/TDT					
1	Tổng Doanh thu (SP+DV+TC & #)	Tỷđ	8,605	13,264	-4,659	-35,13
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷđ	(7,687)	(5,367)	-13,054	+43,23
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷđ	(7,699)	(5,367)	-13,066	+43,45
4	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng Doanh Thu	%	-89,33	-40,46	-48,87	
5	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng Doanh thu	%	-89,47	-40,46	-49,01	
III	Tính thanh khoản					
1	Hệ số thanh toán hiện hành (TSNH/NNH)	lần	0,40	0,79	-0,39	
2	Hệ số thanh toán nhanh (Tiền&T.đương tiền/NNH)	lần	0,03	0,04	-0,01	
3	Vòng quay vốn lưu động (DT Thuần/VLĐbq)	lần	0,86	0,94	-0,08	
IV	Chỉ tiêu khác					
1	Tỷ suất sử dụng vốn kinh doanh (Tổng DT/Tổng TS bq)	%	11,34	15,68	-4,34	
2	Tỷ suất sinh lời của vốn CSH (LNST/VCSH)	%	-20,27	-11,75	-8,52	
3	Tỷ suất sinh lời vốn chủ đầu tư (LNST/VĐL)	%	-17,24	-12,02	-5,22	
4	Tỷ lệ VCSH/Tổng nguồn vốn	%	53,05	56,94	-3,89	
5	Tỷ lệ trả cổ tức/VĐL	%	0	0	0	
6	Tỷ lệ nợ phải thu/Tổng T.Sản	%	1,88	2,12	-0,24	
7	Tỷ lệ nợ phải trả/Tổng N.Vốn	%	46,95	43,06	3,89	

5. Quyết toán tiền lương, thưởng Ban lãnh đạo; Thù lao HĐQT và BKS năm 2021 và kế hoạch năm 2022 .

5.1) Tiền lương, thưởng BLĐ; HĐQT và BKS năm 2021

a) Tiền thù lao của HĐQT, BKS năm 2021: **232.243.200** đồng

Trong đó: - Thù lao thành viên HĐQT: 148.377.600 đồng

- Thù lao thành viên BKS: 83.865.600 đồng

* Tiền thù lao tạm ứng năm 2021: 104.530.529 đồng (quý 1+2/2021)

Trong đó: - Thù lao thành viên HĐQT: 66.216.929 đồng

- Thù lao thành viên BKS: 38.313.600 đồng

* Tiền thù lao còn lại chưa thanh toán 2021: 127.712.671 đồng

Trong đó: - Thù lao thành viên HĐQT: 82.160.671 đồng

- Thù lao thành viên BKS: 45.552.000 đồng

b) Tiền lương của Ban Giám đốc, kế toán trưởng năm 2021

- Tiền lương thực hiện năm 2021: **493.372.428** đồng (lương cơ bản 3 người);

- Tiền lương thực thanh toán 2021: 416.748.338 đồng
- Tiền lương còn lại chưa thanh toán 2021: 76.624.090 đồng
- c) Tiền thưởng của HĐQT, BKS, Ban Giám đốc - KTT năm 2021

Năm 2021 Cty không trích Quỹ thưởng ban quản lý điều hành nên không có thưởng; (vì lợi nhuận âm);

5.2) Kế hoạch tiền lương, thưởng BLĐ; HĐQT và BKS năm 2022

a) Kế hoạch Thù lao của HĐQT, BKS năm 2022: **232.243.200 đồng**

Trong đó: - Tiền thù lao thành viên HĐQT: 148.377.600 đồng

- Tiền thù lao thành viên BKS: 83.865.600 đồng

b) Kế hoạch Tiền lương của Ban Giám đốc, kế toán trưởng năm 2022

Tiền lương KH của BLĐ, KTT: 479.935.615 đồng(lương cơ bản 3 người);

Quỹ lương kế hoạch ban GD, KTT năm 2022 tính theo chế độ hiện nay; nếu có thay đổi sẽ điều chỉnh và thực hiện quyết toán quỹ lương đúng quy chế.

c) Kế hoạch Tiền thưởng của HĐQT, BKS, Ban Giám đốc - KTT năm 2022

Kế hoạch năm 2022 không có lợi nhuận, nên Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành sẽ không có (nếu thực hiện có lợi nhuận sẽ trích và thực hiện thưởng theo quy chế).

Nhìn chung, năm 2021 Công ty đã sử dụng vốn và tài sản đúng mục đích; tình hình sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn, do ảnh hưởng dịch bệnh Covid, sản phẩm gạch bê tông nhẹ aac của công ty còn quá mới mẻ đối với thị trường, cạnh tranh quyết liệt các sản phẩm cùng loại. Phân tích chỉ tiêu Tổng tài sản, tổng nguồn vốn doanh nghiệp giảm 10,76%/2020; tương ứng giá trị giảm (8,633 tỷ đồng); lỗ từ lợi nhuận thuần hoạt động SXKD năm nay (-4,653 tỷ đồng); lỗ từ hoạt động khác:-3,033 tỷ đồng(khấu hao gạch aac Trong năm do tình hình chung dịch covid-19 kéo dài gây ảnh hưởng nặng nề tới KQHĐKD nên nhà máy gạch Tuy nen tiếp tục dừng sản xuất tiêu thụ hàng tồn kho, nhưng vẫn không hết sản phẩm tồn; sản phẩm gạch XMCL phải tạm dừng HDSX 3 tháng nên thực hiện chưa đạt kế hoạch kỳ vọng; sản phẩm gạch bê tông nhẹ AAC còn quá mới mẻ đối với thị trường nên doanh thu thấp; Trong khi đó các yếu tố làm tăng chi phí như: chi phí khấu hao dây chuyền gạch AAC làm lỗ (3,445 tỷ đồng); chi phí lãi vay(2,566 tỷ đồng); CP Bán hàng tăng 33%/2020 (tương ứng giá trị tăng 192tr do CP hoa hồng 3%/DT (238tr); CP Quản lý tăng 11%/2020 (tương ứng giá trị tăng 280tr do CP thời việc+khám BNN (286tr); CP trả lương theo vị trí Cv tăng so với KH (530tr) do sản lượng sản xuất và tiêu thụ không đạt kế hoạch nên CP lương công nhân thấp để giữ chân người lao động trả lương tăng hơn so với kế hoạch; Bên cạnh đó biến động thị trường phức tạp, các sản phẩm cạnh tranh giá khốc liệt, bộ phận kinh doanh khai thác tiếp cận thị trường, khách hàng, phục vụ bán hàng gặp khó khăn, không mở rộng được địa bàn kinh doanh, không giữ được khách hàng đã khai thác và để mất khách hàng, do chưa chủ động và còn nhiều thiếu sót trong hoạt động tiếp thị, bán hàng.

Từ các yếu tố trên, các chỉ số sinh lời năm 2021 không đạt vì lợi nhuận âm. Ngoài ra, Công ty phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước và chế độ BHXH cho người lao động, không để nợ.

Cho thấy trong năm qua Ban quản lý điều hành Cty, gặp rất nhiều khó khăn, áp lực trả nợ vay, trả nợ lãi vay, tìm nguồn bổ sung vốn lưu động phục vụ cho sản xuất, sản lượng thấp nhưng vẫn giữ chế độ đầy đủ cho NLĐ để giữ lao động ổn định tư tưởng, thực hiện sản xuất sản phẩm mới chưa đạt theo chất lượng còn hao phí lớn. Ngoài ra thị trường có nhiều cạnh tranh không lành mạnh với sản phẩm cùng loại đã làm cho Cty gặp không ít khó khăn trong SXKD, tài chính Cty ngày càng khó khăn vì quá trình đầu tư, hoạt động SXKD thiếu vốn. Mục tiêu trong những năm tới bằng mọi cách phải tăng trưởng doanh thu và giảm chi phí, để đảm bảo tài chính phục vụ SXKD cho Cty năm 2022.

Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán, Cty đăng trên Website: www.tuynenbinhding.com.vn

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 thông qua ./.

Nơi nhận:

-TV HĐQT, BKS, BGD, VT

CÔNG TY CP GẠCH TUY NEN BÌNH ĐỊNH



TRẦN MẠNH HÙNG



BITCO

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH TUY NEN BÌNH ĐỊNH

BÁO CÁO **KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2021** **& PHƯƠNG HƯỚNG SXKD NĂM 2022** **(Tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2022)**

Tháng 8 năm 2022

M.S.D.



BÁO CÁO

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021 VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022

A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2021.

Năm 2021, Công ty thực hiện nhiệm vụ được giao theo theo nội dung Nghị Quyết số: 31/2021/QĐ-HĐQT ngày 01/03/2021 V/v phê duyệt “Chỉ tiêu nhiệm vụ kế hoạch SXKD năm 2021” và Nghị quyết số 246a/2021/NQ-HĐQT ngày 05/12/2021 về việc điều chỉnh chỉ tiêu nhiệm vụ SXKD năm 2021, Ban Giám đốc tập trung triển khai đồng bộ nhiều giải pháp vừa sản xuất vừa phòng chống dịch Covid – 19 nhằm khắc phục những yếu tố bất lợi rủi ro từ chủ quan và khách quan, tận dụng mọi cơ hội trong hoạt động sản xuất kinh doanh, môi trường, xã hội để thực hiện các chỉ tiêu được Hội đồng quản trị giao.

1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2021:

a) Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	MS	Năm 2021	Năm 2020	% (+)/(-)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	7.946.186.800	13.053.691.641	-39,17
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	7.946.186.800	13.053.691.641	-39,17
4. Giá vốn hàng bán	11	6.565.810.252	9.483.411.739	-30,77
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20	1.380.376.548	3.570.279.902	-31,34
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	324.069	1.705.000	-80,99
7. Chi phí tài chính	22	2.565.597.141	2.708.998.841	-5,29
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	2.565.597.141	2.708.998.841	-5,29
8. Chi phí bán hàng	25	765.171.475	572.844.462	+33,57
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	2.703.611.914	2.423.044.173	+11,58
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30	(4.653.679.913)	(2.132.902.574)	+118,19
11. Thu nhập khác	31	658.302.906	208.927.370	+215,09
12. Chi phí khác	32	3.692.185.857	3.443.332.683	+7,23
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	(3.033.882.951)	(3.234.405.313)	-6,2
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	(7.687.562.864)	(5.367.307.887)	+43,23
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	11.792.328	-	0
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	-	-	
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	(7.699.355.192)	(5.367.307.887)	+43,45



(60=50-51-52)				
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	(1.751)	(1.202)	+45,67
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71	(1.751)	(1.202)	+45,67

b) Một số chỉ tiêu hoạt động sản xuất trong năm 2021

T	Nội dung	Thực hiện 2020	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện 2021	Tỷ lệ % so 2020	Tỷ lệ % so KH
1	Sản lượng SX theo NB(triệu viên)	6,411	3,200	2,831	44,15	88,47
	Trong đó: - Gạch nung (NB)	0	0	0	0	0
	- Gạch không nung XMCL(NB)	5,257	3,200	2,831	53,85	88,47
	- Gạch bê tông nhẹ A AC	1,154	0	0	0	0
2	Sản lượng TT theo NB (triệu viên)	8,392	5,931	5,355	63,81	90,28
	Trong đó: - Gạch nung (NB)	2,604	2,395	2,219	85,22	92,65
	- Gạch không nung XMCL(NB)	5,038	3,074	2,887	57,30	93,92
	- Gạch bê tông nhẹ A AC	0,750	0,461	0,248	33,07	53,80
3	Khối lượng vận chuyển(NB)	6,027	3,866	3,251	53,94	84,09
	Trong đó: - Gạch nung (NB)	1,631	1,437	1,289	79,03	89,70
	- Gạch không nung XMCL(NB)	3,879	2,152	1,875	48,34	87,13
	- Gạch bê tông nhẹ A AC	0,518	0,277	0,087	16,80	31,41
4	Tổng doanh thu (Tỷ đồng)	13,264	9,911	8,605	64,87	86,82
	Trong đó: -DT SX CNghiệp	11,498	7,228	6,457	56,16	89,33
	-DT dịch vụ	1,430	1,267	0,902	63,08	71,19
	-DT Tài chính + Thu nhập khác	0,336	1,415	1,246	370,83	88,06
5	Tổng Chi phí (Tỷ đồng)	18,631	17,000	16,292	87,45	95,84
6	Lợi nhuận T.thuế (Tỷ đồng)	-5,367	-7,600	-7,688	0	0
	Lợi nhuận sau thuế (Tỷ đồng)	-5,367	-7,600	-7,699	0	0
7	Tỷ lệ LN T.thuế/Vốn CSH (%)	-10,5	-20,01	-20,27	0	0
8	Thực hiện Đầu tư (Tỷ đồng)	0	0	0	0	0
9	Thu nhập NLĐ (triệu đồng/tháng)	4,7	6,0	4,4	93,62	73,33

*Đánh giá chung : Năm 2021, một số chỉ tiêu cơ bản về, sản lượng; doanh thu; lợi nhuận chưa đạt mục tiêu đề ra. Cụ thể như sau:

- Doanh thu năm 2021 giảm 4,659 tỷ đồng so với năm 2020 (đạt 64,87%)

Trong đó:

+ Doanh thu chính là Doanh thu sản xuất giảm 5,041 tỷ đồng so với năm 2020 (đạt 56,16%).

+ Doanh thu vận chuyển giảm 0,528 tỷ đồng so với năm 2020 (đạt 63,08%).

+ Doanh thu Tài chính và doanh thu khác tăng 0,910 tỷ đồng so với năm 2020 (370,83%) do bán thanh lý tài sản.

Nguyên nhân chính dẫn tới doanh thu giảm do sản lượng tiêu thụ 2021 giảm 3,580tr viên (đạt 44,15% so với năm 2020) trong đó Gạch Nung giảm 0,385 triệu viên, Gạch XMCL đang là sản phẩm chính của Công ty giảm 2,151 triệu viên (giảm 42,7% so năm 2020), Gạch AAC giảm 0,502 triệu viên.

- Tổng chi phí năm 2021 giảm 2,339 tỷ đồng (đạt 87,45% so với năm 2020).

Trong đó:

+ Chi Phí giá vốn giảm 2,917 tỷ đồng (tương ứng giảm 30,77% so với năm 2020) do sản lượng sản xuất giảm (55,85%), mặt khác ta thấy tỷ lệ giá vốn hàng bán/đoanh thu thuần

năm 2021 tăng 9,98% so năm 2020 là do bán hàng tồn kho giảm giá, do CP khấu hao vượt của gạch XMCL (không đạt năng suất) là 0,790 tỷ đồng;

+ CP tài chính, lãi vay 2021 giảm 0,143 tỷ đồng (tương ứng giảm 5,29% so với năm 2020);

+ CP bán hàng năm 2021 tăng 0,192 tỷ đồng (tăng 33,57% so năm 2020) do chiết khấu hoa hồng cho khách hàng tăng- cạnh tranh giá cả;

+CP quản lý năm 2021 tăng 0,280 tỷ đồng (tăng 11,58% so với năm 2020) do tăng CP trợ cấp thôi việc và CP khám bệnh nghề nghiệp cho CB CNV Cty.

- Từ những yếu tố trên làm cho lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 lỗ (4,653 tỷ đồng) tăng 2,521 tỷ đồng so với năm 2020 (tương ứng tăng 118,19%)

- Thu nhập khác tăng 0,449 tỷ đồng so với năm 2020 do thanh lý tài sản

- Chi phí khác tăng 0,249 tỷ đồng so với năm 2020 do (CP hao vỡ gạch nung tăng 0,164 tỷ đồng do SP tồn kho lâu năm mất phẩm cấp, CP thù lao HĐQT+ BKS không thuộc CB CNV công ty 0,051 tỷ đồng ,còn lại là CP hỗ trợ xã hội)

- Lợi nhuận sau thuế năm 2021 lỗ 7,699 tỷ đồng tăng 2,332 tỷ đồng so với năm 2020 (tương ứng tăng 43%) . Nhìn chung nguyên nhân chính gây lỗ do CP khấu hao theo đường thẳng gạch AAC (3,445 tỷ đồng); Chi phí lãi vay (2,565 tỷ đồng); Chi phí khấu hao vượt gạch XMCL (0,791 tỷ đồng); Chi phí lương tăng (0,530 tỷ đồng); chi phí thôi việc+ khám bệnh nghề nghiệp (0,286 tỷ đồng), chi phí vật tư, ...

Năm 2021 là năm bị ảnh hưởng của dịch covid nặng nề nhất trên địa bàn tỉnh Bình Định, Các công trình xây dựng cơ bản tạm ngừng hoạt động hoặc tiến độ kéo dài làm ảnh hưởng đến nền kinh tế thị trường chung, doanh nghiệp cũng bị ảnh hưởng nghiêm trọng thị trường giảm sút, co cụm ; Dịch bệnh covid – 19 diễn biến phức tạp, Cty phải thực hiện cách ly, giãn cách xã hội tạm dừng hoạt động sản xuất trong 3 tháng (T8->10/2021) nên sản lượng sản xuất lẫn sản lượng tiêu thụ sụt giảm kéo theo. Nhưng Ban Giám Đốc cố gắng khai thác tìm đủ nguồn tài chính để trả nợ vay cho ngân hàng và duy trì đủ vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

2.1. Tình hình tài sản

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	01/01/2021	31/12/2021	(-)/(+) tr đồng	Tỷ lệ (%)
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN	12.431.271.060	8.766.399.540	-3.665	70,52
<i>I</i>	<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<i>617.804.489</i>	<i>611.053.111</i>	<i>-7</i>	<i>98,91</i>
1	Tiền	617.804.489	611.053.111	-7	98,91
2	Các khoản tương đương tiền	0	0	-	-
<i>II</i>	<i>Đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	1.702.166.725	1.349.061.604	-353	79,26
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	1.668.321.607	1.309.448.977	-359	78,49
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	13.750.000	656.949	-13	4,78
3	Phải thu ngắn hạn khác	20.095.118	38.955.678	19	193,85
<i>IV</i>	<i>Hàng tồn kho</i>	<i>6.851.714.047</i>	<i>4.083.822.840</i>	<i>-2.768</i>	<i>59,60</i>
1	Hàng tồn kho	6.936.346.923	4.103.435.129	-2.833	59,16
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(84.632.876)	(19.612.289)	65	23,17

14317
 NG T
 Ồ PH
 H T
 NH Đ
 HƯỚC

V	Tài sản ngắn hạn khác	3.259.585.799	2.722.461.985	-537	83,52
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	109.332.422	165.992.283	57	151,82
2	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	3.150.253.377	2.556.469.702	-594	81,15
B	TÀI SẢN DÀI HẠN	67.790.343.905	62.821.841.313	-4.969	92,67
I	Các khoản phải thu dài hạn	0	0	-	-
II	Tài sản cố định	67.377.129.419	62.418.018.065	-4.959	92,64
1	Tài sản cố định hữu hình	67.377.129.419	62.418.018.065	-4.959	92,64
	-Nguyên giá	101.758.545.877	99.792.140.257	-1.966	98,07
	-Giá trị hao mòn lũy kế	(34.381.416.458)	(37.374.122.192)	-2.993	108,70
III	Bất động sản đầu tư	0	0	-	-
IV	Tài sản dở dang dài hạn	0	0	-	-
V	Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	-	-
VI	Tài sản dài hạn khác	413.214.486	403.823.248	-9	97,73
1	Chi phí trả trước dài hạn	413.214.486	403.823.248	-9	97,73
2	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	0	0	-	-
	CỘNG TÀI SẢN	80.221.614.965	71.588.240.853	-8.633	89,24

Tổng Tài sản năm 2021 giảm 8,633 tỷ đồng so với năm 2020 (tương ứng giảm 10,76%) Nguyên nhân chính do:

- Phải thu ngắn hạn của khách hàng giảm 0,359 tỷ đồng (do doanh thu giảm dẫn đến công nợ khách hàng giảm)

- Hàng tồn kho giảm 2,768 tỷ đồng (do bán hàng tồn kho gạch tuyen, AAC).

- Tài sản ngắn hạn khác giảm 0,537 tỷ đồng (do thuế GTGT được khấu trừ giảm 0,594 tỷ đồng nguyên nhân do doanh thu giảm)

- Tài sản cố định hữu hình giảm 4,959 tỷ đồng (do Khấu hao giảm 2,993 tỷ đồng và nguyên giá giảm 1,966 tỷ đồng- do bán thanh lý tài sản).

2.2. Cơ cấu nguồn vốn

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	01/01/2021	31/12/2021	(-)/(+)	Tỷ lệ (%)
I	Nợ ngắn hạn	17.173.005.878	22.094.534.958	4.921	128,66
1	Phải trả người bán	2.228.974.532	940.329.717	-1.288	42,18
2	Người mua trả tiền trước	158.694.995	316.948.559	158	199,53
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước	22.086.145	0	-22	-
4	Phải trả người lao động	-	643.724.501	643	-
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	93.628.341	835.510.964	742	892,37
6	Chi phí phải trả ngắn hạn khác	68.760.800	247.866.500	179	360,48
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	13.217.690.822	17.805.501.474	4.587	134,71
8	Dự phòng phải trả ngắn hạn	-	-	-	-
9	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.383.170.243	1.304.953.243	-78	94,35
II	Nợ dài hạn	17.372.153.721	11.516.605.721	-5.855	66,29
1	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	17.372.153.721	11.516.605.721	-5.855	66,29
2	Phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
3	Quỹ phát triển khoa học	-	-	-	-

	công nghệ				
	NỢ PHẢI TRẢ	34.545.159.599	33.611.140.679	-934	97,29
III	Vốn chủ sở hữu	45.676.455.366	37.977.100.174	-7.699	83,14
1	Vốn góp của chủ sở hữu	44.655.700.000	44.655.700.000	0	0
2	Cổ phiếu quỹ (*)	(688.080.000)	(688.080.000)	0	0
3	Quỹ đầu tư phát triển	7.076.143.253	7.076.143.253	0	0
4	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(5.367.307.887)	(13.066.663.079)	-7.699	243,45
IV	Nguồn kinh phí và quỹ khác	-	-		
	Vốn chủ sở hữu	45.676.455.366	37.977.100.174	-7.699	83,14
	Tổng cộng nguồn vốn	80.221.614.965	71.588.240.853	-8.633	89,24

Tổng nguồn vốn năm 2021 giảm 8,633 tỷ đồng so với năm 2020 (tương ứng giảm 10,76%). Nguyên nhân chính do:

- Phải trả người bán giảm 1,288 tỷ đồng (trả nợ khách hàng mua vật tư và tiền Bảo hành công trình Xây dựng cơ bản)
- Phải trả người lao động tăng 0,643 tỷ đồng (do lương phải trả người lao động tăng)
- Tăng chi phí trả trước ngắn hạn 0,742 tỷ đồng (do chi phí lãi vay dự trả trong năm 2021 NH VP được cơ cấu nợ)
- Phải trả ngắn hạn khác tăng 0,179 tỷ đồng (nợ thù lao HĐQT, BKS Quý 2+3/2021)
- Tăng vay nợ thuê tài chính ngắn hạn tăng 4,587 tỷ đồng (chuyển từ nợ dài hạn đến hạn trả trong năm 2021 sang ngắn hạn là 5,363 tỷ đồng và trả nợ vay)
- + trả nợ vay ngắn hạn: Ngân hàng VCB: 2,212 tỷ đồng, Cá nhân: 0,960 triệu đồng
- + trả nợ vay dài hạn: Ngân hàng BIDV: 0,1 tỷ đồng, Ngân hàng VP : 0,11 tỷ đồng
- giảm nợ vay dài hạn 5,855 tỷ đồng (tương ứng giảm 33,71% do nợ dài hạn chuyển sang nợ ngắn hạn đến hạn phải trả trong năm 2021 là 5,363 tỷ đồng).
- Mặt khác vốn chủ sở hữu giảm 7,699 tr đồng (tương ứng giảm 83,14% do Lợi nhuận sau thuế năm 2021 lỗ 7,699 tỷ đồng).
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2021 lỗ 13,066 tỷ đồng do lỗ năm 2021 là 7,699 tỷ đồng và lũy kế từ năm 2020 là 5,367 tỷ đồng (lỗ 2 năm liên tiếp)

*Đánh giá chung:

Nhìn chung tài sản của công ty nhiều gấp đôi số nợ phải trả của công ty (2,13 lần), nhưng đa số tài sản đều đã dùng để thế chấp các khoản vay. Do ảnh hưởng tình hình dịch covid-19 kéo dài nên hoạt động sản xuất kinh doanh bị giảm, hiệu suất sử dụng vốn cố định năm 2021 đạt 0,127 lần (so năm 2020 đạt 0,194 lần giảm 0,067 lần) . Mặt khác do cạnh tranh về giá cả (gạch XMCL, gạch nung), thị trường còn mới mẻ với Sản phẩm mới (gạch AAC) nên không thể đạt được công suất tối đa.

3. CÁC CÔNG TÁC KHÁC ĐÃ THỰC HIỆN.

Cùng với thực hiện các chỉ tiêu trên, Ban Giám Đốc (BGĐ) công ty tập trung quản trị, điều hành mọi mặt hoạt động của công ty với kết quả như sau.

- Ban Giám đốc sắp xếp, kiện toàn bộ máy quản lý tổ chức sắp xếp nhân sự quản lý theo chức năng sát với nhiệm vụ. Phân cấp tự chủ quản lý, điều hành theo định mức kinh tế kỹ thuật. Thực hiện phương thức điều hành bộ máy công ty theo hướng trực tiếp, giám đốc đến nhân viên; giám đốc đến nhà máy, và phân cấp, giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong quản lý kế hoạch, lao động, tài sản, máy móc thiết bị, quy trình, tiêu chuẩn, chất lượng sản phẩm, an toàn vệ sinh lao động, môi trường sản xuất và hạch toán chi phí sản xuất – giá thành theo quy định.

- Thực hiện giao định mức, khoán chi phí cho tất cả người lao động từ quỹ lương sản phẩm được giao cho từng khâu, bộ phận. Áp dụng chế độ tiết kiệm khi duyệt giá cung ứng mua vật-tư, nguyên liệu giảm hơn so giá thị trường; cấp phát vật tư giảm từ 3 – 5% so định mức.

- Trong điều hành sản xuất Công ty cung cấp vật tư, nguyên liệu, trang bị máy móc thiết bị ... giao tài sản cho Nhà máy quản lý; Công ty chỉ giải quyết can thiệp điều hành khi gặp khó khăn trong sản xuất kinh doanh.

- Năm 2021 tiếp tục vừa sx vừa tuyển dụng đào tạo công nhân kỹ thuật vận hành thiết bị dây chuyền sản xuất gạch xi măng cốt liệu (XMCL) hiệu, biết và làm được theo phương châm giỏi 1 việc biết nhiều việc. Đủ khả năng và làm chủ được thiết bị và công nghệ sản xuất cho từng dòng sản phẩm, từng chủng loại sản phẩm.

- Do ảnh hưởng dịch covid – 19 nên việc lưu thông rất khó khăn, Cty đã thực hiện khai thác thị trường, điều chỉnh linh hoạt các chỉ tiêu sản lượng sản xuất cho nhà máy và từng nhóm sản phẩm theo nhu cầu và khả năng khai thác thị trường và diễn biến phức tạp của dịch Covid – 19. Xây dựng, giữ vững thương hiệu Tuy Nèn Bình Định với các nhãn hiệu sản phẩm mới gạch bê tông nhẹ khí chưng áp AAC (B –AAC) và gạch polyme khoáng tổng hợp (B –GKN). Áp dụng chiến lược Marketing hỗn hợp tập trung khai thác thị trường truyền thống Bình định, đẩy mạnh thông tin thương mại điện tử, các mạng xã hội để thúc đẩy việc bán hàng cho các thị trường Nha trang, Đà Nẵng...Duy trì chế độ công bố giá vật liệu xây dựng của Cty tại Liên sở Sở tài chính – Sở Xây dựng tất cả các tỉnh Miền trung và Tây nguyên.

- Vận hành hiệu quả hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 – 2015 và chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy cho các loại sản phẩm, hồ sơ CO/CQ công khai minh bạch xuất xứ và chất lượng sản phẩm.

- Tài sản máy móc thiết bị, đất đai, cơ sở vật chất... được giữ gìn bảo quản tốt và phát huy hiệu quả. Thương hiệu TUY NEN BÌNH ĐỊNH tiếp tục được định vị, nhận diện và lan tỏa.

- Tăng cường mở rộng quan hệ hợp tác với các cơ quan quản lý Nhà nước, các tổ chức tín dụng, các đơn vị tư vấn, nhà thầu, các nhà đầu tư. Xây dựng môi trường sản xuất kinh doanh lành mạnh đúng pháp luật, Doanh nghiệp Văn hóa.

- Năm 2021 khai thác, thực hiện cân đối nguồn tài chính có sự hỗ trợ từ phía Ngân hàng để cơ cấu chậm trả nợ gốc và trả lãi đến kỳ. Đồng thời cân đối, xoay vòng dòng tiền kịp thời đáp ứng cho nhu cầu cần thiết của hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Thực hiện nghĩa vụ đối Nhà nước và người lao động đầy đủ, đúng pháp luật. Các chính sách XH luôn quan tâm thực hiện tốt. (thăm hỏi, tặng quà động viên các đối tượng chính sách, ủng hộ các xã, huyện & các tổ chức chính trị - xã hội khi có yêu cầu kêu gọi).

4. CÁC CÔNG TÁC CÒN TỒN ĐỌNG.

- Nhận diện cơ hội và rủi ro trong quan hệ thương mại chưa được tốt nên thường xảy ra các lỗi kỹ thuật không đáng có. Công tác tiếp thị, chiến lược (PA) còn ít, chưa đồng bộ, chưa tạo được nhận thức và giáo dục hành vi người tiêu dùng nhất là sản phẩm mới AAC, thiếu quan tâm trong việc xây dựng thương hiệu... Tính chủ động thích ứng trong chính sách tiêu thụ SP còn nghèo nàn, cứng nhắc không kích thích được khách hàng.

- Cơ chế tuyển dụng lao động (lao động phổ thông và lao động quản lý) chưa thu hút nên chưa có nguồn lao động bổ sung.

- Chưa chủ động tìm kiếm, mời gọi các nguồn lực ngoài xã hội; các nhà đầu tư, đối tác chiến lược để hợp tác đầu tư, hoặc liên kết huy động góp vốn nhằm nâng cao năng lực tài chính, giảm bớt áp lực trả nợ vay, khai thác tốt dự án gạch không nung.

- Kế hoạch cho thuê từng phần hoặc toàn bộ diện tích mặt bằng Nhà máy Gạch Tuy Nén, kể cả thanh lý 1 số tài sản ko cần đến để bổ sung nguồn thu chưa hiệu quả.

Tuy nhiên, bên cạnh công tác đã thực hiện và còn tồn đọng thì lợi thế, khó khăn và cơ hội trong hoạt động sản xuất kinh doanh đó là

- Lợi thế: Cty có gần 45 năm kinh nghiệm là nhà đầu tư và sản xuất kinh doanh ngành vật liệu xây dựng, sản phẩm của công ty có mặt tại các Dự án xây dựng cơ bản lớn và trọng điểm tại các tỉnh Miền trung và Tây nguyên, và hiện nay là Dự án Nhà máy gạch Bê tông nhẹ Bình định đầu tiên và lớn nhất tại Miền trung và Tây nguyên. Quy mô hiện đại, công suất sản xuất lớn, tăng khả năng cung ứng cho thị trường trong nước và xuất khẩu. Sự nhận biết về thương hiệu của người tiêu dùng TUY NÉN BÌNH ĐỊNH với các nhãn hiệu Tuy nén Bình định, B –GKN, B - AAC ngày càng tăng. Thị trường tiêu thụ rộng rãi cả trong nước và khả năng xuất khẩu. Đội ngũ nhân sự có tâm, gắn bó và trung thành với lợi ích của Công ty.

- Khó khăn. Chi phí/giá vốn cao do đang trong giai đoạn những năm đầu mới đầu tư nhà máy mới. Nguồn nguyên liệu chủ yếu được mua lại của các nhà sx nên dễ bị ảnh hưởng bởi tình hình biến động giá. Thị trường cạnh tranh gay gắt. Áp lực tài chính thiếu của những năm đầu vay đầu tư dự án. Dự án chưa khai thác đủ công suất nên chưa giữ chân được nguồn lực lao động...

- Cơ hội. Các chính sách chủ trương của Chính phủ, Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân tỉnh được ban hành trong những năm qua về chiến lược phát triển Vật liệu xây không nung tạo cơ chế về đầu tư và sử dụng Vật liệu xây không nung, là đòn bẩy cho việc Nhà máy gạch không nung với 2 dây chuyền (Gạch Xi măng cốt liệu và gạch Bê tông nhẹ khí chưng áp AAC) đi vào hoạt động khai thác hiệu quả. Vị thế của công ty cũng được khẳng định trong thị trường khu vực. Khi nhà máy hoạt động ổn định với công suất tối đa, sẽ mang lại doanh thu tăng trưởng tích cực cho Công ty từ đó đưa Công ty trở thành những nhà sản xuất lớn trong ngành sản xuất vật liệu xây dựng.

- Thách thức. Khai thác thị trường truyền thống và mở rộng thị trường tiềm năng, định vị phân khúc khách hàng cho sản phẩm gạch không nung AAC vì còn quá xa lạ với người tiêu dùng, kể cả giới chuyên môn. Giải được bài toán nợ vay quá hạn. Xây dựng đội ngũ đủ năng lực và đáp ứng yêu cầu trong điều kiện có một số yếu tố không thuận lợi.

B. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2022

1. MỤC TIÊU:

Lấy phương châm cho toàn bộ hoạt động trong 3 năm tới, bắt đầu từ năm 2022 là **“Linh hoạt, xông pha, trách nhiệm, minh bạch”** để hướng tới mục tiêu như sau:

Năm 2022: Được xác định là năm tập trung vào hoạt động tái cấu trúc toàn diện: nhân sự, nguồn vốn, cấu trúc kinh doanh.

Năm 2023: Đẩy mạnh sản xuất kinh doanh, tái thiết lập vị thế công ty trên thị trường, bắt đầu có lợi nhuận thực dương sau thuế.

Năm 2024: Đánh giá lại năm 2022 và 2023 để kiện toàn bộ máy nhân sự cũng như mô hình kinh doanh, hướng tới sản xuất bền vững và tăng trưởng lợi nhuận.

2. MỘT SỐ CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2022:

Chỉ tiêu	Thực hiện 2021	Kế hoạch 2022	Tốc độ tăng trưởng
Doanh thu (tỷ đồng)	8,605	17,900	+108,01
Sản lượng tiêu thụ (tr VQC)	5,354	10,799	+101,70

Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	(7,687)	(4,261)	-44,57
Chỉ tiêu chia cổ tức	0	0	0
Tài chính tín dụng (tỷ đồng)	7,29	17,86	+144,99
- Vay vốn ngắn hạn	2,24	8,00	+257,14
-Trả gốc	3,32	14,90	+348,79
-Trả lãi	1,73	2,90	+67,63

3. GIẢI PHÁP CHO NĂM 2022:

Trọng tâm của năm 2022 là phải tái cấu trúc được nguồn vốn cho doanh nghiệp, tìm kiếm các giải pháp tăng trưởng doanh thu trong ngắn và trung hạn, và tái cấu trúc được bộ phận nhân sự chủ chốt có thể lãnh đạo doanh nghiệp trong giai đoạn khó khăn này.

- *Đối với việc cấu trúc nguồn vốn:*

+ Đề nghị cơ cấu/giãn nợ/điều chỉnh lịch trả nợ đối với khoản trung dài hạn đầu tư dự án.

+ Đề nghị VCB hoặc các tổ chức tín dụng khác tiếp tục hỗ trợ nguồn vốn lưu động, có thể tiếp cận các quỹ hỗ trợ của nhà nước hoặc chính phủ nhằm hỗ trợ Doanh Nghiệp phục hồi sau đại dịch.

+ Triển khai đồng thời phương án tăng vốn để phục vụ phương án tái thiết sản xuất kinh doanh.

+ Lập phương án quản lý tài chính mang tính chất dự báo và cập nhật liên tục nhằm phục vụ công tác ra quyết định quản lý.

- *Đối với các giải pháp tăng trưởng doanh thu trong ngắn hạn và trung hạn:*

+ Đánh giá khách quan lại toàn bộ doanh thu và chi phí hiện hữu, điều chỉnh các khoản mục chi tập trung cho công tác phát triển kinh doanh và tái sản xuất.

+ Rà soát lại toàn bộ các tài sản, nguồn tài nguyên của công ty chưa được khai thác hoặc khai thác chưa hợp lý để đưa ngay vào vận hành nhằm tạo ra doanh thu, bù đắp các khoản chi phí cho doanh nghiệp. Điển hình có thể kể đến như: tận dụng mặt bằng cho thuê kho bãi, văn phòng; gia công cho các đơn vị khác ...

+ Cân nhắc phương án mở thêm các ngành nghề kinh doanh có liên quan đến ngành nghề chính, nhằm tận dụng tối đa hệ sinh thái vốn có và cũng là phù hợp Chiến lược phát triển công ty đến năm 2030.

+ Xây dựng lại cơ chế bán hàng, cơ chế tài chính hỗ trợ bán hàng, bắt buộc phải có sự khảo sát để phù hợp với nhu cầu thị trường mà vẫn phù hợp với doanh nghiệp.

+ Đề nghị Tỉnh và Ngân hàng có cơ chế hỗ trợ để sản phẩm của Dự án Vật liệu xây không nung được sử dụng rộng rãi nhằm tạo doanh thu để sớm hoàn thành nghĩa vụ tài chính với Ngân hàng.

+ Xây dựng lại website, page, hotline của công ty nhằm đa dạng kênh bán hàng, tăng cường khả năng tiếp xúc với khách hàng.

Ứng dụng các phần mềm quản lý tập trung để có con số chính xác từ khâu sản xuất đến khâu bán hàng, cũng như quản lý tồn kho. Tối ưu hóa được chi phí trong mọi công đoạn.

- *Đối với các giải pháp tái cấu trúc nhân sự:*

+ Kiện toàn nhân sự Hội đồng quản trị, xây dựng cơ chế mở linh hoạt để đảm bảo người không muốn làm có thể từ nhiệm, người có nguyện vọng có thể ứng cử.

+ Kiện toàn bộ máy quản lý chủ chốt: Giám đốc, Kế toán trưởng, Nhân sự, Kỹ thuật ... đảm bảo chọn đúng người, đúng việc, có tinh thần trách nhiệm rất cao, cùng gánh vác khó khăn với doanh nghiệp.

+ Xây dựng cơ chế lương đảm bảo tính chất động viên người lao động, tạo động lực

cho người lao động cống hiến, thu nhập được chi trả đúng người, đúng việc.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện các nhiệm vụ SXKD năm 2021, phương hướng nhiệm vụ kế hoạch SXKD trong năm 2022 của Ban giám đốc Công ty. Kính đề nghị Đại hội xem xét, thảo luận và quyết nghị. Thay mặt Ban giám đốc xin chúc các quý vị đại biểu, các cổ đông của công ty sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt.

Nơi nhận:
-TVHĐQT, BKS,
-BGĐ,
-VT

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH TUY NEN BÌNH ĐỊNH



Trần Mạnh Hùng





BITCO

**CÔNG TY CỔ PHẦN
GẠCH TUY NEN BÌNH ĐỊNH**

BÁO CÁO

**TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ CÔNG TY NĂM 2021
& PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2022.**

(Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022)

BAN HÀNH - Tháng 8/2022.





**CÔNG TY CỔ PHẦN
GẠCH TUY NEN BÌNH ĐỊNH**

BITCO

Số: 166/2022/BC-HĐQTCT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tuy Phước, ngày 7 tháng 8 năm 2022.

BÁO CÁO

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ CÔNG TY NĂM 2021 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2022

TÌNH HÌNH CHUNG:

Năm 2021 Công ty thực hiện nhiệm vụ SXKD gặp không ít khó khăn, tình hình Đại dịch COVID-19 bùng phát toàn cầu, ảnh hưởng đến trong nước làm cho nền kinh tế tăng trưởng chậm, các dự án xây dựng chậm lại, tiêu thụ chậm, việc làm có thời gian phải tạm dừng để thực hiện theo chủ trương chống dịch. Mặt khác Công ty thực hiện theo hướng chuyển sang sản xuất gạch không nung theo Quyết định số 567/QĐ-TTg; Thông tư 13/2017/TT-BXD ngày 08/12/2017 Quy định về sử dụng VLKN trong các công trình xây dựng và Chỉ thị số 02/2014/CT-UBND ngày 07/12/2014 của UBND tỉnh Bình Định về việc tăng cường sử dụng VLKN hạn chế sử dụng vật liệu gạch đất sét nung. Do vậy Công ty tiếp tục dừng sản xuất gạch đất sét nung, tiêu thụ hàng tồn kho các năm trước, duy trì sản xuất gạch không nung, nhưng trong năm vẫn gặp không ít khó khăn về sản phẩm gạch không nung bê tông khí chưng áp (AAC), công ty mới đầu tư đưa vào hoạt động năm 2019, sản phẩm còn quá mới mẻ đối với thị trường Bình Định và khu vực Miền trung. Ngoài ra các sản phẩm gạch đất sét nung bằng công nghệ lò Hoffman vẫn còn hoạt động và sản phẩm ra thị trường còn lớn, ảnh hưởng đến việc sử dụng sản phẩm VLKN.

Trước tình hình đặc điểm nêu trên, năm 2021 Công ty vẫn duy trì hoạt động SXKD, tuy kết quả không đạt theo kế hoạch và Nghị quyết ĐHCĐ, nhưng vẫn đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động, thực hiện các nghĩa vụ Nhà nước, thực hiện nghĩa vụ tài chính ngân hàng và Bảo toàn tài sản cho các cổ đông. Hội đồng Quản trị xin báo cáo tình hình hoạt động trong năm trước ĐHCĐ như sau:

PHẦN I : HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2021.

I. Kết quả giám sát BGD thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2021:

1. Thực hiện các chỉ tiêu nhiệm vụ SXKD năm 2021 :

- Sản lượng sản xuất: 2,831 tr.v; đạt :89,68% so KH Đ.chính và đạt 29%/ So NQ ĐHCĐ

Tr.đó: gạch XMCL :2,831 Tr.v ; gạch AAC : không ; gạch nung :không (dùng Sx)

- Sản lượng tiêu thụ: 5,355 tr.v; đạt :90,28% so KH Đ.chính và đạt 34%/ So NQ ĐHCĐ

Tr.đó: gạch XMCL :2,887 Tr.v ; gạch AAC :344m³ ; gạch nung :2,2tr.v tiêu thụ tồn kho

- Khối lượng V.chuyển : 3,251 Tr.v đạt :84,1% so KH Đ.chính và đạt 29%/ So NQĐHCĐ

- Tổng doanh thu : 8,605 tỷ đ đạt : 86,8% so KH Đ.chính và đạt 36%/ So NQ ĐHCĐ

Tr.đó : (D.thu sản phẩm : 6,457 tỷ đ; D.Thu Vc :902 Tr.đ; Dt khác:1,246 tỷ đ) .

-Lợi nhuận trước thuế : Lỗ(-) 7,688 tỷ đ đạt: 101,2% so KH Đ.chính và lỗ vượt 367% So NQĐHCĐ.(lỗ do khấu hao dự án Sp mới gạch aac:3,5 tỷ đ; lãi vay ngân hàng :2,6 tỷ.đ, tiền thuê đất bên gạch đất sét nung; giảm giá, chi phí tăng ...).

- Chỉ tiêu chia cổ tức : 0 đ/cp;

- Tài chính-tín dụng:

+ Trả lãi vay NH: 1,700 tỷ.đ (VPb 1,157 tỷ.đ, VCB 486tr.đ, BIDV 81tr.đ, vay khác 5tr.đ).

+ Trá nợ gốc NH; #: 3,300 tỷ .đ (VPB:110Tr.đ; VCB:2,212tyr.đ; BID 100 Tr.đ; Khác :960ty.đ)

2. Phân phối lợi nhuận : năm 2020 lợi nhuận lỗ nên thực hiện theo NQ ĐHCĐ không chia cổ tức. Kết thúc năm 2021 lợi nhuận tiếp tục-lỗ nên phương án không chi trả cổ tức và trình ĐHCĐ thông qua;

3. Thực hiện chi trả thù lao HĐQT, BKS và thanh quyết toán quỹ lương, quỹ thưởng Ban LD C.ty năm 2021:

- Chi trả thù lao HĐQT, BKS :

Chi trả thù lao cho HĐQT, BKS theo “Quy chế trả thù lao và quỹ thưởng của HĐQT, BKS” và kế hoạch quỹ thù lao năm 2021; trong năm tạm chi trả Qui 1+2/2021 .(Có BCTC và B/cáo chi tiết kèm theo trước ĐHCĐ)

Cụ thể :

STT	Chức danh	Năm 2021			Kế hoạch 2022
		Kế hoạch 2021	Chi trả Qui(1+2) Năm 2021	Còn lại Quý 3+4 Năm 2021	
1	Hội đồng quản trị	148.377.600	66.216.929	82.160.671	148.377.600
1	-CT HĐQT	38.707.200	17.683.200	21.024.000	38.707.200
2	-Các TV HĐQT	109.670.400	48.533.729	61.136.671	109.670.400
II	Ban kiểm soát	83.865.600	38.313.600	45.552.000	83.865.600
1	-Trưởng ban KS	32.256.000	14.736.000	17.520.000	32.256.000
2	-Các TV BKS	51.609.600	23.577.600	28.032.000	51.609.600
	Tổng cộng :	232.243.200	104.530.529	127.712.641	232.243.200

- Tạm ứng và thanh toán lương, thưởng cho Ban GD&KT²:

Hàng tháng, thanh toán (gọi là tạm ứng) theo Quy chế trả lương, thưởng đối với BLĐ; Kết thúc năm quyết toán tài chính và lợi nhuận thực hiện; Làm cơ sở thanh toán Quỹ lương, thưởng cho từng thành viên.(Có trong BCTC và B/cáo chi tiết kèm theo trước ĐHCĐ)

Cụ thể :

STT	Chức danh	Năm 2021			Kế hoạch 2022
		Kế hoạch 2021	Chi trả Năm 2021	Còn lại Năm 2021	
1	Giám đốc	184.155.249	185.480.416		178.843.846
2	Phó giám đốc	160.621.348	163.681.107		156.411.554
3	Kê toán trưởng	148.595.831	67.586.815		144.680.215
	Tổng cộng :	493.372.428	416.748.338	76.624.090	479.935.6150

- Phân phối quỹ thưởng BQLĐH:

Kết quả SXKD của doanh nghiệp không có lãi; Vì vậy, không trích lập quỹ thưởng BQLĐH không chi thưởng .(Có trong BCTC và B/cáo chi tiết kèm theo trước ĐHCĐ)

4. Chọn đơn vị kiểm toán và tư vấn tài chính chứng khoán năm 2021:

Được sự ủy quyền của ĐHCĐ theo Nghị quyết, HĐQT đã lựa chọn đơn vị: Công ty TNHH kiểm toán & tư vấn Chuẩn Việt, thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty;

5. Một số nhiệm vụ khác:

-Thực hiện việc quản lý thông qua Trung tâm lưu ký chứng khoán VN đảm bảo quyền sở hữu cổ phần của các cổ đông;

-Tranh thủ chính sách của Chính phủ hỗ trợ DN ảnh hưởng do dịch Covid-19; HĐQT đã chỉ đạo BGD đàm phán thống nhất giãn nợ và lãi vay các ngân hàng và một số chính sách thuế, chính sách đối với người lao động .

- Thực hiện giám sát thực hiện các giải pháp theo Nghị quyết ĐHCĐ : như thanh lý một số tài sản không cần dùng, tồn kho lâu năm, MMTB hư hỏng ...

II. Các hoạt động; Nghị quyết và Quyết định của Hội đồng quản trị:

HĐQT Nhiệm kỳ 2021-2025 được ĐHCĐ thường niên năm 2021 bầu gồm 05 thành viên, trong đó có 02 thành viên độc lập không điều hành.

Trong năm HĐQT đã hoạt động, tổ chức các cuộc họp thường kỳ và đột xuất nhằm đưa ra các chủ trương, chính sách, điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế trước diễn biến dịch bệnh và thị trường, nhằm chỉ đạo cho BGD có định hướng để thực hiện nhiệm vụ SXKD sát thực tế hơn.

Trong năm HĐQT đã tổ chức 06 phiên họp thường kỳ và 1 số phiên họp đột xuất bất thường; các cuộc họp được thực hiện theo đúng Điều lệ Công ty và quy chế làm việc của HĐQT.

Đã ban hành 10 Nghị quyết, 10 Quyết định liên quan đến các vấn đề chuẩn bị ĐHCĐ thường niên năm 2021 (phụ lục 01 kèm theo), xem xét BCTC năm, kế hoạch tổ chức đại hội, bầu các chức danh; bổ nhiệm nhân sự Giám đốc/phó Giám đốc/ kế toán trưởng; đánh giá kết quả SXKD quý/ 6 tháng/ năm và có kế hoạch điều chỉnh phù hợp thực tế. Điều chỉnh chỉ tiêu nhiệm vụ kế hoạch SXKD năm 2021; Phê duyệt phương án SXKD và các chỉ tiêu nhiệm vụ kế hoạch năm 2022; Quyết định phê duyệt định ĐMLĐ-đơn giá tiền lương; Phê duyệt kế hoạch giá thành;...

Phân công nhiệm vụ từng thành viên phụ trách giám sát, theo dõi, điều hành BGD thực hiện;

Ngoài ra, HĐQT đã tranh thủ ý kiến Ban giám đốc, Ban kiểm soát; đề giám sát việc thực hiện Nghị quyết HĐQT đề ra.

Thực hiện công bố thông tin và các báo cáo cho UB Chứng khoán nhà nước, Sở GDCKHN; Trung tâm LKCK Việt nam và các cơ quan quản lý; Tiếp nhận và xử lý thông tin kịp thời từ các cổ đông.

HQĐT thường xuyên phối hợp với Ban kiểm soát thực hiện chức năng giám sát, kiểm soát và hoàn thiện chế độ quản trị Cty;

Chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra, giám sát Ban giám đốc và Bộ máy quản lý Công ty thực hiện đúng Điều lệ Công ty, Nghị quyết ĐHCĐ và các quyết định của HĐQT.

Thực hiện chức năng quản trị mọi hoạt động SXKD của Công ty, theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị Công ty và các quy định của pháp luật liên quan;

III. Đánh giá thực hiện trách nhiệm của Hội đồng quản trị:

Báo cáo về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn Điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch (theo khoản 3, điều 280, NDD155). Không có giao dịch.

IV. Đánh giá thực hiện trách nhiệm của Hội đồng quản trị:

Năm 2021 là năm gặp rất nhiều khó khăn, tình hình dịch bệnh diễn biến rất phức tạp, ảnh hưởng lớn đến nền kinh tế trong nước, Công ty chúng ta cũng không ngoại lệ gặp phải rất nhiều khó khăn, sản lượng tiêu thụ giảm sút rõ rệt, các công trình xây dựng dừng và giảm, sản phẩm chịu sự cạnh tranh về giá, gạch đất sét nung dừng sản xuất tiêu thụ hàng tồn kho phải giảm giá bán, gạch không nung cạnh tranh, gạch bê tông nhẹ còn quá mới mẻ đối với thị trường, áp lực về tài chính – ngân hàng trả nợ gốc và lãi, các ngân hàng dừng giải ngân, nên thiếu vốn lưu động, chi phí giá cả đầu vào tăng ...nhưng HĐQT cũng đã bám sát, theo dõi diễn biến tình hình thực tế hoạt động của doanh nghiệp; Đôn đốc, chỉ đạo, linh hoạt tạo mọi điều kiện để Ban giám đốc và Bộ máy quản lý nêu cao tinh thần trách nhiệm, nỗ lực khắc phục, xử lý mọi tình huống khó khăn; và thực hiện chỉ huy, điều hành, quản lý hoạt động SXKD đạt một số chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu do ĐHCĐ giao, tuy kết quả đạt thấp, các chỉ tiêu nhiệm vụ hầu hết không đạt kế hoạch đề ra. Đặc biệt là chỉ tiêu lợi nhuận lỗ (âm) lớn; do thực hiện khấu hao của dự án gạch bê tông nhẹ, mặt dù không sản xuất nhưng phải chịu khấu hao; lãi vay ngân hàng, chi phí đầu vào tăng, giá bán thì giảm nhằm cạnh tranh, lao động việc làm còn chưa ổn định do dịch bệnh nên phải dừng sản xuất một thời gian, thị trường tiêu thụ rất chậm ...

Tuy vậy HĐQT cũng bám sát, chỉ đạo cho BGD thực hiện nhiệm vụ duy trì hoạt động SXKD, đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động, thực hiện các nghĩa vụ Nhà nước, thực hiện nghĩa vụ tài chính - ngân hàng và Bảo toàn tài sản .

Trong năm, HĐQT đã tuân thủ đúng, các quy định của pháp luật trong hoạt động quản trị. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành điều dựa trên sự thống nhất cao của các thành

004
CÔNG
CỔ PH
H TU
NH Đ
CCT.

viên. Từng thành viên HĐQT cũng đã nỗ lực cố gắng thực hiện nhiệm vụ của mình về quản trị các hoạt động doanh nghiệp, theo đúng định hướng duy trì-ổn định, duy trì hoạt động, giữ vững vì lợi ích cổ đông, vì phát triển Công ty và vì lợi ích toàn xã hội.

PHẦN II : PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2022.

Tình hình chung : Nhận định bước sang năm 2022, tình hình chiến tranh, dịch bệnh vẫn còn diễn biến, dịch covid-19 tuy kiểm soát tốt hơn, nhưng vẫn còn ảnh hưởng, chi phí, giá cả tăng cao như các mặt hàng xăng, dầu, sắt, thép, xi măng, chi phí lưu thông ... làm cho chi phí đầu vào tăng; các dự án công trình xây dựng chậm triển khai, phần nào ảnh hưởng đến ngành sản xuất VLXD ... trước tình hình đó năm 2022, ngành sản xuất VLXD nói chung, ngành sản xuất gạch, ngói cũng bị ảnh hưởng, Công ty chúng ta cũng không ngoại lệ gặp khó khăn trong công tác tiêu thụ và sản xuất, vì vậy kế hoạch SXKD năm 2022 trình đại hội một số chỉ tiêu cơ bản sau :

I. Một số chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2022 :

- | | |
|-----------------------------------|--|
| 1. Chỉ tiêu doanh thu tổng hợp: | 17,900 tỷ.đ |
| 2. Chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế: | -4,261 tỷ.đ |
| 3. Chỉ tiêu chia cổ tức: | 0,000 đ/CP |
| 4. Sản lượng tiêu thụ(Sản xuất): | 8,00 tr.vtc |
| (Tiêu thụ): | 10,799 tr.vtc |
| T.đó: - Gạch tuy nen: | 0,167 tr.vtc (tiêu thụ tồn kho) |
| - Gạch xi măng cốt liệu: | 9,000 tr.vtc.c loại(SX 8,00Tr.v + T.kho 1Tr.v) |
| - Gạch bê tông nhẹ AAC: | 2,262 m ³ (2,262m ³ ~1,632 tr.vtc) |

5. Tài chính tín dụng:

Thực hiện theo kế hoạch trả nợ gốc và lãi của các tổ chức tín dụng, nguồn trả nợ từ khấu hao cơ bản; doanh thu bán hàng; thu nhập khác; vay trung, ngắn hạn và huy động khác .

6. Nộp ngân sách nhà nước: Theo quy định pháp luật(Thuế, phí & khác)

II. Phương hướng, uhiệm vụ năm 2022 :

Mục tiêu nhiệm vụ của Công ty trong năm 2022 :

“ Tiếp tục duy trì sản xuất, tháo gỡ khó khăn về tình hình thị trường, khó khăn tài chính, tái cấu trúc một số hoạt động, phát triển sản phẩm vật liệu không nung, vật liệu xây dựng khác, hoạt động cho thuê, huy động vốn SXKD bằng nhiều hình thức...”

Hội đồng quản trị xác định phương hướng hoạt động trong năm 2022 như sau:

1. Tập trung chỉ đạo, giám sát việc tổ chức SXKD theo hướng khai thác tối đa sản phẩm gạch Xi măng cốt liệu đạt công suất và hiệu quả, tiếp cận khai thác thị phần cho sản phẩm bê tông khí chứng áp (AAC) đạt hiệu quả; có điều chỉnh linh hoạt các phương án tổ chức SXKD hợp lý .

2. Tiếp tục tuyển dụng và kiện toàn nhân sự quản lý lãnh đạo Công ty (HĐQT; BKS;BLĐ;các phòng ban...); đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, phù hợp cơ chế thị trường; Đảm bảo Doanh nghiệp ổn định và phát triển.

3. Tiếp tục khai thác có hiệu quả mặt bằng, tài sản khu vực Nhà máy gạch tuy nen có hiệu quả theo 06 biện pháp phương án SXKD năm 2020.

4. Tiếp tục thanh lý một số tài sản không cần dùng nhằm thu hồi vốn phục vụ cho SXKD.

5. Tìm kiếm thị trường, đối tác mới là biện pháp quan trọng để hoàn thành nhiệm vụ SXKD; Tập trung xây dựng mở rộng mạng lưới kinh doanh khai thác các địa bàn tiềm năng: Miền trung -Tây nguyên và các khu vực lân cận .

6. Huy động các nguồn vốn bằng nhiều hình thức, nhằm đáp ứng nhu cầu SXKD theo kế hoạch và trả nợ ngân hàng; Đảm bảo tài chính, tài sản Công ty an toàn và đạt hiệu quả cao.

7. Hoàn thiện, cải tiến hệ thống quản trị Công ty theo hướng hiện đại-tiên tiến; Nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển quy mô Công ty cả về chiều rộng lẫn chiều sâu; Giữ ổn định và phát triển

vững chắc DN;

8. Tiếp tục tái cấu trúc lại doanh nghiệp về tổ chức sản xuất, về bộ máy quản trị, về hệ thống quản trị, vốn điều lệ và về hạch toán kinh doanh theo cơ chế thị trường;

9. Chỉ đạo việc thực hiện công bố thông tin doanh nghiệp theo đúng quy định của pháp luật hiện hành;

10. Thực hiện các chức năng quản trị Công ty trong mọi hoạt động SXKD theo đúng phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT được quy định tại Điều lệ tổ chức Công ty và các quy chế khác.

Hội đồng quản trị Công ty cũng mong muốn tiếp tục nhận được sự tin tưởng, gắn bó, chia sẻ và đồng thuận của quý vị cổ đông trong các hoạt động của Công ty; Cùng với sự đồng hành của BKS, BGĐ và CBCNV phấn đấu đạt được thành tựu tốt nhất trong năm kế hoạch 2022.

Nhân dịp ĐHĐCĐ thường niên Cty-2022! Chúng tôi, xin trân trọng gửi tới toàn thể quý vị cổ đông, quý vị đại biểu lời chúc **“Mạnh khỏe, hạnh phúc và thành công”** ./.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- UBCK nhà nước (thay B/cáo)
- Sở giao dịch CK Hà nội (thay B/cáo)
- HĐQT, BKS, BGĐ,
- Đăng tải website Cty,
- Lưu hồ sơ HĐQT, VT.



Ngô Quốc Vương

3178
CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH TUY NỀN BÌNH ĐỊNH

**CÁC NGHỊ QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CỦA HĐQT**

Năm 2021

I. Nghị quyết

Stt	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
01	Số 31/2021/NQ-HĐQT	01/03/2021	Xem xét Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán, quỹ lương BLĐ và KTT; Thù lao HĐQT, BKS; phê duyệt định mức vật tư; kế hoạch tiền lương và chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2021. Kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 (H.sơ; tài liệu; báo cáo; tờ trình;)
02	Nghị quyết số 61/2021/NQ-ĐHĐCĐ	25/03/2021	Thông qua Nghị quyết của Đại hội các nội dung Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.
03	Số 62/2021/NQ-HĐQT	26/03/2021	Phiên họp thức nhất của HĐQT N.kỳ 2021-2025 Bầu chức danh CT HĐQT; Bổ nhiệm Giám đốc; Phó giám đốc; KTT N.kỳ 2021-2025.
04	Số 92/2021/NQ-HĐQT	16/04/2021	Thông báo kết quả ĐHĐCĐ thường niên năm 2021; triển khai Nghị quyết đại hội; thông qua các tờ trình, quyết định phê duyệt chỉ tiêu KHSXKD 2021; tiền lương; thù lao; giá thành... Đánh giá kết quả thực hiện SXKD quý 1/2021. Bàn kế hoạch sửa đổi Điều lệ, Quy chế QT nội bộ; Quy chế HĐQT; BKS. Thông qua bản phân công nhiệm vụ TV HĐQT Bàn một số vấn đề thanh lý TS; cho thuê MB; kế hoạch sản xuất; công tác thị trường ...
05	Số 108/2021/NQ-HĐQT	22/05/2021	Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ SXKD 5 tháng đầu năm 2021. Nhiệm vụ Quý 2 và 3/2021 Kết quả hoạt động HĐQT 6 tháng: nhiệm vụ; phân công; kết quả từng TV. Thông nhất thuê Tư vấn soạn thảo Đ.lệ; Quy chế Thông nhất bổ nhiệm Kế toán trưởng từ 5/7/2021 Bàn một số chủ trương theo NQĐHĐCĐ: Cho thuê mặt bằng; tháo gỡ khó khăn về tài chính, tiếp cận ngân hàng; lấy ý kiến HĐQT... Thông nhất biên bản bổ sung hồ sơ vay vốn lưu động ngân hàng VCB.
06	Số : /2021/NQ-	Ngày 24/6/2021	Thông nhất bàn thanh lý Dây chuyền sản xuất gạch tuy nèn hệ 10 Tr.viên

	HDQT		<p>Thông nhất bán thanh lý công cụ - dụng cụ- sắt phế liệu; xe cải tiến; tol cũ trong kho không cần dùng</p> <p>Thông nhất cho thanh lý bán xe tải cũ : 9531 ;</p> <p>Bàn một số nội dung khác .</p> <p>(Do dịch covid 19 nên họp qua Online ; gửi ý kiến theo Zalo)</p>
07	Số :182a/2021/NQ-HDQT	Ngày 05/8/2021	Đánh giá KQSXKD 6 tháng đầu năm; triển khai nhiệm vụ 6 tháng cuối ; tình hình nợ tín dụng; tiếp tục thanh lý một số tài sản không dùng(xe)
08	Số :108b/2021/NQ-HDQT	Ngày 22/5/2021	Thông qua việc gia hạn ký hợp đồng tín dụng với ngân hàng VCB (Họp trực tuyến qua Zalo)
09	Số :245/2021/NQ-HDQT	Ngày 03/12/2021	<p>Thông qua số liệu 11 tháng ước cả năm 2021 ;</p> <p>Thông nhất lực chọn đơn vị kiểm toán 2021</p> <p>Thông nhất gửi phiếu thăm dò đến các cổ đông</p> <p>Báo cáo kết quả thanh lý một số tài sản không cần dùng</p> <p>Bàn kế hoạch tổ chức ĐHCĐ thường niên 2022.</p>
10	Số :246a/2021/NQ-HDQT	Ngày 05/12/2021	Thông qua số liệu điều chỉnh một số chỉ tiêu SXKD năm 2021 (do ảnh hưởng dịch Covid)

Tổng số NQ ban hành:

10.

Tổng số nội dung ban hành:

40.

II. Quyết định

Stt	Số Quyết định	Ngày	Nội dung
01	Số 63/2021/QĐ-HDQT	26/03/2021	Bổ nhiệm chức danh Giám đốc NK :2021-2025
02	Số 64/2021/QĐ-HDQT	26/03/2021	Bổ nhiệm chức danh P.Giám đốc NK :2021-2025
03	Số 65/2021/QĐ-HDQT	26/03/2021	Bổ nhiệm chức danh Phụ trách KTT NK :2021-2025
04	Số 66/2021/QĐ-HDQT	26/03/2021	Phê duyệt BCTC năm 2020 đã được kiểm toán
05	Số 67/2021/QĐ-HDQT	26/03/2021	Quyết toán thù lao, lương, thưởng HDQT, BKS và Ban giám đốc năm 2020 và Kế hoạch 2021.
06	Số 68/2021/QĐ-HDQT	26/03/2021	Phê duyệt phân phối lợi nhuận 2020 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021(đã được thông qua

			DHĐCĐ thường niên năm 2021).
07	Số 69/2021/QĐ-HĐQT	26/03/2021	Ban hành các chỉ tiêu nhiệm SXKD năm 2021
08	Số 146 /2021/QĐ-HĐQt	05/7/2021	Bổ nhiệm chức danh Kế toán trưởng
09	Số 147 /2021/QĐ-HĐQT	05/7/2021	Miễn nhiệm chức danh phụ trách Kế toán trưởng
10	Số 246b /2021/QĐ-CT	05/12/2021	Điều chỉnh một số chỉ tiêu SXKD năm 2021 (do ảnh hưởng dịch Covid)

Tổng số quyết định đã ban hành:

10 .

Trong đó:

- Quyết định liên quan đến nhân sự :

05 quyết định.

- Liên quan đến hoạt động SXKD& phát triển công ty:

05 quyết định.



CÔNG TY CỔ PHẦN
GẠCH TUY NEN BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BAN KIỂM SOÁT

Số: 16/BC-BKS

Phước Lộc, ngày 7 tháng 8 năm 2022

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT (Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022)

Kính thưa: **Đại hội cổ đông thường niên năm 2022**

Toàn thể quý vị Cổ đông Công ty

Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020.
- Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019.
- Nghị định 155/2020/ND-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán thông qua ngày 31/12/2020.
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần gạch Tuynen Bình Định.
- Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần gạch Tuynen Bình Định.
- Căn cứ vào Báo cáo tài chính năm 2021 do Công ty lập, đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn Chuẩn Việt Đà Nẵng thực hiện cho niên độ 2021 và các Báo cáo hoạt động của HĐQT, Ban giám đốc điều hành.

Ban kiểm soát xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 về tình hình hoạt động của Ban kiểm soát, kết quả thẩm định Báo cáo tài chính năm 2021 (đã được công ty kiểm toán thực hiện), giám sát kết quả hoạt động của HĐQT và Ban giám đốc điều hành Công ty cổ phần gạch Tuynen Bình Định, cụ thể như sau:

I- HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT:

1) Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021:

- Trong năm 2021, Ban kiểm soát Công ty cổ phần gạch tuynen Bình Định đã thực hiện các nội dung hoạt động như sau:
- Ban kiểm soát đã triển khai theo đúng nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
 - Ban kiểm soát đã xây dựng kế hoạch, xây dựng chương trình công tác và thực hiện kiểm tra, giám sát hàng tháng, hàng quý, 6 tháng và cả năm 2021.
 - Ban kiểm soát được mời tham dự tất cả các cuộc họp của HĐQT; các thành viên trong Ban kiểm soát tham gia đầy đủ các cuộc họp giao ban hàng tháng do Ban giám đốc chủ trì, tham gia và đưa ra một số kiến nghị với HĐQT về các vấn đề liên quan đến hoạt động SXKD của Công ty.
 - Giám sát, kiểm tra tình hình triển khai và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh toàn Công ty thông qua các cuộc họp giao ban hàng tháng.
 - Kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các văn bản của Công ty phù hợp với quy định Pháp luật và Điều lệ Công ty.
 - Giám sát việc tuân thủ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên, việc chấp hành chính sách Pháp luật nhà nước, chấp hành Điều lệ Công ty và các Quy chế, Quy định, Quyết định của HĐQT và Ban giám đốc trong công tác quản lý, điều hành thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2021.
 - Xem xét kế hoạch tài chính và việc thực hiện kế hoạch tài chính.



- Xem xét việc chấp hành các nghĩa vụ của Công ty theo quy định của Pháp luật.
- Giám sát việc công bố thông tin của Công ty theo các quy định của Luật chứng khoán, xem xét tính minh bạch công bố thông tin trên website của Công ty. Cổ phiếu của Công ty đã được đăng ký giao dịch trên sàn UpCom tại sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 1034/QĐ-SGDHN ngày 27/12/2017 với Mã chứng khoán (BTN).
- Giám sát vốn điều lệ Công ty 44,655 tỷ đồng .
- Tham gia đóng góp ý kiến về sửa đổi bổ sung các văn bản quản trị nội bộ Công ty .
- Thực hiện công tác thẩm tra, rà soát các loại hồ sơ chứng từ, báo cáo tài chính 6 tháng và cả năm 2021 nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý việc ghi chép, cập nhật chứng từ, sổ sách kế toán, các số liệu tài chính, báo cáo tài chính phù hợp theo chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành.
- Phối hợp cùng Công ty kiểm toán tài chính Chuẩn Việt: kiểm tra số liệu sổ sách kế toán để kịp thời phát hiện những thiếu sót đề nghị các bộ phận nghiệp vụ điều chỉnh phù hợp.
- Ban kiểm soát tổ chức các phiên họp với nội dung: Tập trung vào những vấn đề thực hiện kiểm tra, giám sát tính phù hợp của các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và Ban quản lý điều hành Công ty; kiểm soát toàn bộ hoạt động SXKD của Công ty, theo dõi quá trình vận hành sản xuất gạch không nung XMCL.
- Ban kiểm soát tham gia và trao đổi một số thông tin với kiểm toán viên về kiểm tra, soát xét các loại hồ sơ chứng từ, sổ sách và báo cáo tài chính năm 2021.
- Ban kiểm soát lập báo cáo thông qua Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.
- Trong năm Ban kiểm soát đã thực hiện 04 phiên họp của Ban, có mặt 3/3 thành viên đạt 100% (*nội dung chủ yếu thực hiện thông qua kết quả các phiên họp HĐQT; thông qua kết quả kiểm tra; giám sát về kết quả HĐSXKD; kết quả điều hành của Ban giám đốc; kiểm tra theo dõi các khoản vay, trả lãi ngân hàng; kiểm tra tình hình tài chính theo từng quý; Báo cáo tài chính năm 2021 ...*); *đánh giá chung trong năm 2021 cơ bản BKS hoàn thành nhiệm vụ .*
- Tổng mức thù lao của Ban kiểm soát năm 2021 là: 83.865.600 đồng, đã nhận 38.313.600 đồng, còn lại 45.552.000 đồng chưa nhận.

Các hoạt động trong năm Ban kiểm soát luôn theo dõi kiểm tra, giám sát việc ban hành Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị; các văn bản của Ban giám đốc điều hành, thực hiện theo NQ ĐHCĐ quá trình xây dựng và thực hiện kế hoạch SXKD năm 2021; giám sát hồ sơ vay vốn ngân hàng Vietcombank, BIDV và Việt Nam Thịnh Vượng, kiểm tra hồ sơ, sổ sách kế toán, kiểm tra tính tuân thủ thực hiện theo chuẩn mực và chế độ kế toán. Ban kiểm soát đánh giá hoạt động của HĐQT và ban giám đốc điều hành trong năm phù hợp với quy định Pháp luật và Điều lệ Công ty.

2) Kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022:

- Lập kế hoạch hoạt động của BKS năm 2022, trong đó phân công nhiệm vụ cụ thể đến từng thành viên trong BKS để thực hiện nhiệm vụ theo đúng chức năng của từng thành viên.
- Tiếp tục thực hiện công việc kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ quy định theo Điều lệ Công ty, Luật doanh nghiệp và Luật chứng khoán.
- Kiểm tra, giám sát hoạt động điều hành của HĐQT, Ban giám đốc điều hành trong quản lý và HĐSXKD theo các chỉ tiêu NQ Đại hội đồng cổ đông đã thông qua.
- Kiểm tra sổ sách, hóa đơn, chứng từ, theo dõi các khoản nợ vay ngân hàng để đầu tư SXKD, những khoản tiền bảo hành XD nhà máy AAC còn nợ khách hàng, theo dõi công nợ khách hàng và các tài liệu khác của Công ty, thẩm tra Báo cáo tài chính và kết quả HĐSXKD theo quý, 6 tháng và cả năm đề trình Đại hội cổ đông thường niên.
- Tham gia đầy đủ các phiên họp của HĐQT và duy trì sự phối hợp chặt chẽ, trao đổi, góp ý với HĐQT, Ban giám đốc trong việc quản lý điều hành.

II- KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SXKD VÀ TÀI CHÍNH CÔNG TY NĂM 2021:

1) Việc lập BCTC và kiểm toán báo cáo tài chính :

- Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt nam và các văn bản quy phạm pháp lý có liên quan.

- Số liệu báo cáo tài chính đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính, bảng cân đối kế toán, kết quả hoạt động SXKD, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh. Báo cáo tài chính Công ty đã được Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn Chuẩn Việt Đà Nẵng thực hiện kiểm toán. Ý kiến của kiểm toán viên về BCTC của Công ty là ý kiến đã được chấp nhận. BKS đã thực hiện thẩm định báo cáo tài chính trước, trong và sau khi thực hiện kiểm toán, xem xét ý kiến của kiểm toán viên về báo cáo tài chính.

- Công tác báo cáo, công bố thông tin định kỳ và theo yêu cầu của UBCK nhà nước; Trung tâm lưu ký chứng khoán; Sở GD&ĐT Hà Nội được thực hiện theo đúng quy định.

2) Kết quả thực hiện hoạt động SXKD năm 2021 :

Thực hiện theo Nghị quyết ĐHĐCĐ, HĐQT, Ban giám đốc điều hành đã thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo, điều hành toàn diện hoạt động SXKD của Công ty đạt chỉ tiêu nhiệm vụ cụ thể như sau :

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	% TH/KH
+ SL SX(Q/c N.bộ)	Tr. viên	3.200	2.831	88,47%
+ SLTT(Q/c N.bộ)	Tr. viên	5.931	5.355	90,28%
+ Tổng Doanh thu:	Tr. đồng	9.911	8.605	86,82%
+ Tổng chi phí:	Tr. đồng	17.000	16.292	95,83%
+ Lợi nhuận(Tthuế):	Tr. đồng	-7.600	-7.688	101,15%
+ Tổng Nộp NSNN :	Tr. đồng	2.100	1.233	58,71%
+ Tỷ lệ chia cổ tức	%	0	0	-

Đánh giá về kết quả hoạt động SXKD trong năm 2021, nhìn chung các chỉ tiêu thực hiện theo Nghị quyết chưa đạt kế hoạch đề ra (các chỉ tiêu đạt mức thấp). Kết quả SXKD đạt thấp, hoạt động SXKD năm 2021 lỗ, **lý do lỗ:** Sản lượng sản xuất thấp, sản lượng tiêu thụ giảm sút, phải trả tiền thuê đất cho nhà máy gạch Tuynen hàng năm mặc dù không sản xuất, kế hoạch cho thuê nhà xưởng không thực hiện được (do ảnh hưởng dịch Covid 19), phải chi trả các khoản lãi vay ngân hàng và khấu hao tài sản cho nhà máy gạch AAC.

Về kết quả thẩm định Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2021 như sau:

Trên cơ sở báo cáo tài chính của Công ty lập ngày 31/12/2021, đã được Công ty kiểm toán Chuẩn Việt kiểm toán xong (*báo cáo kiểm toán ngày 23/03/2022*). Ban kiểm soát thẩm tra BCTC cho năm tài chính 2021, thống nhất xác nhận việc ghi chép, lập sổ sách và lưu trữ chứng từ theo qui định; việc trình bày trên BCTC đã phản ánh trung thực và hợp lý phù hợp theo chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan về tình hình tài chính, lập và trình bày BCTC của Công ty tại thời điểm kết thúc niên độ ngày 31/12/2021 gồm: bảng cân đối kế toán; kết quả hoạt động SXKD; lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

- Về kiểm tra các thông tin trên Báo cáo tài chính :

A – Chỉ tiêu tài sản , nguồn vốn năm 2021 như sau :

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2020	Tăng/giảm(+,-)
- Tổng tài sản :	71.588.240.853	80.221.614.965	-8.633.374.112
Trong đó : + Tiền			
và tương đương tiền	611.053.111	617.804.489	-6.751.378
+Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0
+ Các khoản thu ngắn hạn	1.349.061.604	1.702.166.725	-353.105.121
+ Hàng tồn kho	4.083.822.840	6.851.714.047	-2.767.891.207
+ Tài sản ngắn hạn ≠	2.722.461.985	3.259.585.799	-537.123.814
+ Tài sản cố định	62.418.018.065	67.377.129.419	- 4.959.111.354
+ Tài sản dài hạn ≠	403.823.248	413.214.486	- 9.391.238
- Tổng nguồn vốn :	71.588.240.853	80.221.614.965	-8.633.374.112
Trong đó:			



+ Nợ P.trả :	33.611.140.679	34.545.159.599	-934.018.920
(Chia ra : nợ ngắn hạn	22.094.534.958	17.173.005.878	+ 4.921.529.080
Nợ dài hạn	11.516.605.721	17.372.153.721	- 5.855.548.000
+ Vốn CSH :	37.977.100.174	45.676.455.366	-7.699.355.192
(Chia ra Vốn CSH gồm :			
Vốn các cổ đông :	44,655 tỷ đồng		
Cổ phiếu quỹ :	0,688 tỷ đồng		

B – Kết quả hoạt động SXKD năm 2021 như sau :

	Đơn vị tính : Việt nam đồng	
	Năm 2021	Năm 2020
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:	7.946.186.800	13.053.691.641
Trong đó : + ĐT gạch Nung:	2.147.089.738	3.131.772.591
+ DT gạch Không nung:	3.947.051.407	7.236.502.137
+ DT gạch AAC:	493.750.273	1.130.349.231
+ DT vận chuyển và hoạt động khác:	1.358.295.382	1.555.067.682
Doanh thu hoạt động tài chính:	324.069	1.705.000
- Tổng chi phí :	16.292.376.649	18.631.631.898
- Tổng LN trước thuế :	-7.687.562.864	-5.367.307.887
- Thuế TNDN :	Nộp phạt: 11.792.328	0
- Lợi nhuận sau thuế :	-7.699.355.192	-5.367.307.887
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu :	-1.751	-1.221

*Sau khi xem xét, thẩm tra Ban kiểm soát đồng ý với báo cáo kiểm toán; Ban kiểm soát nhất trí xác nhận số liệu tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn Chuẩn Việt Đà Nẵng.

3) Báo cáo về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn Điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch(theo khoản 3, điều 280, NDD155). Không có giao dịch .

III-TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT CỦA ĐHĐCĐ :

- Đã thông qua các chỉ tiêu nhiệm vụ tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, thông qua phương hướng, chiến lược trung và dài hạn mục tiêu phát triển đến năm 2025 và tầm nhìn định hướng từ năm 2025-2035.

- Chi trả thù lao HĐQT và BKS đúng đủ theo nghị quyết và kế hoạch đề ra.

- HĐQT thực hiện theo đúng tinh thần nghị quyết ĐHĐCĐ và Điều lệ công ty.

IV-KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT:

- Hội đồng quản trị đã tổ chức triển khai các cuộc họp theo định kỳ, đúng quy định của Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp.

- Hội đồng quản trị đã ban hành các Nghị quyết và Quyết định liên quan đến hoạt động SXKD của Công ty đúng thẩm quyền, trình tự và phù hợp với quy định Điều lệ và Pháp luật.

- HĐQT đã thực hiện tốt vai trò chỉ đạo, giám sát Ban quản lý điều hành thực hiện các nhiệm vụ SXKD năm 2021 đạt một số chỉ tiêu kế hoạch nhất định.

- Ban kiểm soát đánh giá hoạt động của HĐQT trong năm đã thực hiện theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quy chế, phù hợp với Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp. Ban kiểm soát thống nhất báo cáo của HĐQT đã trình ĐHĐCĐ năm 2022.

V-KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH:

- Ban quản lý điều hành. Ban giám đốc là những TV HĐQT nên việc triển khai và thực hiện theo Nghị quyết ĐHĐCĐ, của HĐQT rất kịp thời và hiệu quả. Trong năm 2021 hoạt động SXKD của Công ty gặp nhiều khó khăn như: nguyên liệu đất sét cạn kiệt, kết hợp thực hiện chủ trương của Chính phủ V/v tăng cường sản xuất gạch không nung nên Công ty ngừng sản xuất gạch đất sét nung, sản phẩm gạch nung còn lại trong kho tiêu thụ chậm do thị trường cạnh tranh mạnh về giá và CLSP; gạch XMCL cũng bị các đối thủ thâm lấn giành giật thị trường; sản phẩm mới gạch AAC đang dần tiếp cận thị trường nên mức độ tiêu thụ còn thấp so với công suất của nhà máy; các yếu tố chi phí, nguyên liệu đầu vào tăng cộng lãi suất ngân hàng và chi phí khấu hao tài sản đầu tư nhà máy gạch AAC... Dẫn đến hoạt động SXKD năm 2021 lổ.

- Ban quản lý điều hành đã thực hiện theo đúng trình tự và thẩm quyền dưới sự chỉ đạo trực tiếp của HĐQT, thực hiện nhiệm vụ SXKD hàng tháng, cuối tháng tổ chức họp đánh giá tổng kết và triển khai nhiệm vụ tháng sau, cuối năm họp đánh giá tổng kết thông qua hội nghị NLD.

- Ban giám đốc thực hiện chỉ đạo quản lý tài chính, thực hiện vay vốn phục vụ kịp thời cho nhu cầu sản xuất.

- Trong năm 2021 Ban kiểm soát chưa phát hiện trường hợp nào bất thường, gây thiệt hại đến hoạt động SXKD Công ty của Ban giám đốc điều hành.

- Ban kiểm soát thống nhất Báo cáo của Ban giám đốc điều hành.

VI-SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT:

- Trưởng Ban kiểm soát và các thành viên được tham gia họp đầy đủ các phiên họp của HĐQT, được nhận đầy đủ các thông tin về Nghị quyết, quyết định của HĐQT. Các cuộc họp mở rộng của HĐQT có mời đầy đủ các thành viên của BKS tham dự để tham gia ý kiến.

- Tham gia các cuộc họp giao ban hàng tháng của BQL điều hành, tham gia ý kiến đóng góp.

- Ban kiểm soát tham gia ý kiến vào các văn bản hệ thống tài liệu quản trị công ty.

- Đối với cổ đông: trong năm 2021 Ban kiểm soát không nhận được một khiếu nại nào của cổ đông về hoạt động SXKD và Điều hành của Công ty.

VII- MỘT SỐ KIẾN NGHỊ CỦA BAN KIỂM SOÁT:

1. Ban giám đốc cần phải xúc tiến việc tiêu thụ sản phẩm gạch không nung, tăng cường công tác PR giới thiệu sản phẩm AAC ra thị trường trong tỉnh và ngoài tỉnh (các tỉnh lân cận). Điều hành thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu nhiệm vụ SXKD năm 2022 mà Nghị quyết ĐHĐCĐ thông qua.

2. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát một số yếu tố chi phí đầu vào. Tăng cường công tác quản lý và thu hồi công nợ (công nợ khách hàng).

Trên đây là báo cáo thực hiện nhiệm vụ năm 2022 của Ban kiểm soát, một lần nữa thay mặt Ban kiểm soát Chúng tôi chân thành cảm ơn toàn thể các Cổ đông đã tin nhiệm giao nhiệm vụ và phối hợp giúp đỡ cho BKS hoạt động. Ban kiểm soát xin trân trọng báo cáo trước đại hội, đề nghị đại hội thông qua và xác nhận báo cáo của BKS.

Thay mặt BKS công ty, tôi xin chúc các đồng chí đại biểu, các đồng chí lãnh đạo và toàn thể cổ đông, CBCNV lao động: thật nhiều sức khỏe - hạnh phúc - công tác tốt - hoàn thành tốt nhiệm vụ; chúc công ty ngày càng phát triển, chúc đại hội thành công ...

Xin trân trọng cảm ơn./.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Nơi nhận:

- Như trên.
- Hồ sơ Đại hội cổ đông thường niên.
- Lưu Ban kiểm soát, HĐQT, BGD.

Lê Ngọc Sơn





TỜ TRÌNH

“V/V Phê duyệt Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán của Công ty cổ phần gạch Tuy nen Bình Định”

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 - Công ty Cổ phần Gạch Tuy nen Bình Định

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020.

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần gạch Tuy nen Bình Định.

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần gạch Tuy nen Bình Định, kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua Báo cáo tài chính năm 2021;

*** Theo ý kiến của Kiểm toán viên:**

Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần gạch Tuy nen Bình Định tại ngày 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động SXKD và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính; cụ thể:

1. Bảng cân đối kế toán (Tóm tắt)

DVT: VNĐ

TT	Nội dung	Số cuối năm (ngày 31/12/2021)	Số đầu năm (ngày 01/01/2021)	Tỷ lệ % Cn/Đn	Ghi chú
I	Tổng tài sản	71.588.240.853	80.221.614.965	90,26	
	<i>Trong đó:</i>				
	- Tài sản ngắn hạn	8.766.399.540	12.431.271.060	80,07	
	- Tài sản dài hạn	62.821.841.313	67.790.343.905	92,42	
II	Tổng nguồn vốn	71.588.240.853	80.221.614.965	90,26	
	<i>Trong đó:</i>				
	- Nợ phải trả	33.611.140.679	34.545.159.599	91,33	
	- Vốn chủ sở hữu	37.977.100.174	45.676.455.366	89,48	

2. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021 (Tóm tắt)

DVT: VNĐ

TT	Nội dung	Năm nay	Năm trước	Tỷ lệ % (21/20)	Ghi chú
1	Tổng doanh thu và thu nhập khác	8.604.813.775	13.264.324.011	56,46	
2	Tổng chi phí	16.292.376.639	18.631.631.898	82,79	
3	Tổng LN kế toán trước thuế	(7.687.562.864)	(5.367.307.887)	-	
4	Chi phí thuế TNDN hiện hành	11.792.328	-	-	

5	Lợi nhuận sau thuế TNDN	(7.699.355.192)	(5.367.307.887)	-	
6	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(1.202)	(1.202)	-	

3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ:

- Tiền và tương đương tiền đầu kỳ: 617.804.489 đồng
- Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ: (6.751.378) đồng (T.thu -T.chi)
- Tiền và tương đương tiền cuối kỳ: 611.053.111 đồng

4. Thuyết minh báo cáo tài chính: (theo kiểm toán)

Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán, Cty đăng trên Website Cty: www.tuynenbinhdinh.com.vn

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua các nội dung nêu trên.

Nơi nhận:

- Cổ đông của Công ty
- TVHDQT, BKS, BGĐ
- Lưu VT, HDQT

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Ngô Quốc Vương



TỜ TRÌNH

“V/v Phê duyệt các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2022”

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 - Công ty Cổ phần Gạch Tuy nèn Bình Định

Căn cứ kết quả thực hiện năm 2021 và dự kiến kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần gạch Tuy nèn Bình Định, kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua những nội dung sau:

1. Các chỉ tiêu SXKD:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2022	Tỷ lệ % so TH 2021	Ghi chú
1	Sản lượng	1.000v			
1.1	- Sản lượng SX (A)	"	8.000	+182,6	Gạch Nung: 0 Gạch XMCL: 8.000 Gạch AAC: 0
1.2	- Sản lượng tiêu thụ	"	10.799	+101,7	Gạch Nung: 167 Gạch XMCL: 9.000 Gạch AAC: 1.632(2.262m ³)
1.3	- Khối lượng vận chuyển	"	7.442	+128,9	Gạch Nung: 0 Gạch XMCL: 6.300 Gạch AAC: 1.142(1.583m ³)
2	Doanh thu SXKD	Tr.đ	17.900	+108,0	
	Trong đó:				
2.1	- Sản phẩm	"	14.710	+127,8	Gạch Nung: 2.300 Gạch XMCL: 14.360 Gạch AAC: 3.000
2.2	- Dịch vụ VC	"	2.191	+142,9	Gạch Nung: 252 Gạch XMCL: 2.120 Gạch AAC: 300
2.3	-Doanh thu HH; Khác	"	1.000	-19,7	Thanh lý TS, thuê Mặt bằng...
3	Lợi nhuận trước thuế	"	-4.261	-	
3.1	Lợi nhuận sau thuế	"	-4.261	-	
3.2	Tỷ lệ chia cổ tức bằng tiền	%/CP	0	0	Lỗ : không chia
3.3	Thu nhập Bq người lao động	Tr.đ/ng-th	7,5	+70,45	Năm 2021: 4,4 trđ

4	Tài chính tín dụng				
4.1	Nhu cầu vay vốn để SXKD	Tỷ đồng	8	+57,14	- N/hạn, góp vốn: 8 tỷđ
4.2	KH trả nợ vay	Tỷ đồng	14,95	+350,3	-Dài hạn: 4,68 tỷ.đ -Ngắn hạn: 8,23 tỷ.đ
4.3	KH trả lãi vay	Tỷ đồng	2,91	+62,21	-Lãi dài hạn: 1,978 tỷ.đ -Lãi ngắn hạn: 0,59 tỷ.đ

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua những nội dung trên.

Nơi nhận:

- Cổ đông Công ty
- TVHĐQT, BKS, BGĐ
- Lưu VT, HĐQT

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Ngô Quốc Vương



TỜ TRÌNH

“V/v Phê duyệt phân phối lợi nhuận năm 2021 ; kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2022 của Công ty cổ phần gạch Tuy nen Bình Định”

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 - Công ty Cổ phần Gạch Tuy nen Bình Định

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020.

Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 .

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần gạch Tuy nen Bình Định ngày 06/02/2018.

Căn cứ số liệu Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn Chuẩn việt tại Đà Nẵng.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần gạch Tuy nen Bình Định, kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua những nội dung sau:

1. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021(lợi nhuận âm không phân phối)

DVT: VNĐ

TT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
1	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(7.699.355.192)	
2	Lợi nhuận được phân phối:	(7.699.355.192)	
	Trong đó:		
	- Lợi nhuận phân phối các quỹ (100%)	-	
	Cụ thể:		
	+Quỹ đầu tư phát triển (100%)	-	
	+Quỹ khen thưởng, phúc lợi (0%)	-	
	+Quỹ thưởng ban quản lý điều hành (0%)	-	
	- Lợi nhuận chia cổ tức bằng tiền (0%)	-	

2. Dự kiến phương án phân phối lợi nhuận năm 2022:

Vì kế hoạch lợi nhuận năm 2022: SXKD bị lỗ, nên Cty không có phương án phân phối lợi nhuận năm 2022.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua các nội dung nêu trên.

Nơi nhận:

- Cổ đông của Công ty
- TVHĐQT, BKS, BGD
- Lưu VT, HĐQT



Ngô Quốc Vương



TỜ TRÌNH

**“V/v Quyết toán chi trả tiền thù lao, tiền thưởng HĐQT, BKS ;
quyết toán tiền lương, thưởng của BGD-KTT năm 2021
và Kế hoạch trả thù lao, thưởng HĐQT, BKS; tiền lương, thưởng BGD-KTT năm 2022 “**

**Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 - Công ty Cổ phần
Gạch Tuy nen Bình Định**

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020.
Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019.
Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần gạch Tuy nen Bình Định ngày 06/02/2018.
Căn cứ Quy chế lương, thưởng, thù lao của HĐQT, BKS, ban Giám đốc-KTT Cty.
Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
Căn cứ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2021 và kế hoạch sản xuất kinh
doanh năm 2022.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần gạch Tuy nen Bình Định, kính trình Đại hội
đồng cổ đông biểu quyết thông qua những nội dung sau:

I. THỰC HIỆN NĂM 2021

1. Tiền thù lao của HĐQT, BKS năm 2021: 232.243.200 đồng

Trong đó: - Thù lao thành viên HĐQT: 148.377.600 đồng
- Thù lao thành viên BKS: 83.865.600 đồng

*** Tiền thù lao tạm ứng năm 2021: 104.530.529 đồng (quý 1+2/2021)**

Trong đó: - Thù lao thành viên HĐQT: 66.216.929 đồng
- Thù lao thành viên BKS: 38.313.600 đồng

*** Tiền thù lao còn lại chưa thanh toán 2021: 127.712.671 đồng**

Trong đó: - Thù lao thành viên HĐQT: 82.160.671 đồng
- Thù lao thành viên BKS: 45.552.000 đồng

2. Tiền lương của Ban Giám đốc, kế toán trưởng năm 2021

*** Tiền lương thực hiện năm 2021: 493.372.428 đồng; Trong đó:**

- Lương cơ bản (3 ng): 436.262.400 đồng (MLTTDN: 3.360.000d/thông)
- Lương hiệu quả: 0 đồng (do lợi nhuận âm)
- Lương bổ sung chế độ: 40.550.028 đồng
- Tiền ăn giữa ca: 16.560.000 đồng
- Lương dự phòng: 0 đồng

*** Trong năm 2021 BGD, KTT đã thanh toán: 416.748.338 đồng**

*** Tiền lương BGD, KTT còn lại: 76.624.090 đồng**

3. Tiền thưởng của HĐQT, BKS, Ban Giám đốc - KTT năm 2021

Năm 2021 Cty không trích Quỹ thưởng ban quản lý điều hành nên không có
thưởng; (vì lợi nhuận âm);

II. KẾ HOẠCH NĂM 2022

I. Dự kiến kế hoạch Thù lao của HĐQT, BKS năm 2022: 232.243.200 đồng

Trong đó: - Tiền thù lao thành viên HĐQT: 148.377.600 đồng

- Tiền thù lao thành viên BKS: 83.865.600 đồng

Mức thù lao = Mức lương tối thiểu doanh nghiệp x hệ số thù lao theo quy chế;

(Do tình hình tài chính còn gặp nhiều khó khăn, áp lực trả nợ gốc và lãi vay ngân hàng, nên thù lao HĐQT & BKS tạm tính 80% theo quy chế như cũ chưa điều chỉnh) .

Nhưng mức thù lao này không phải trả cố định, nếu không tham gia - không hoạt động thì không trả; thực hiện chi trả theo hiệu quả hoạt động của Cty và hoạt động của các thành viên HĐQT, BKS.

Trong năm nếu có thay đổi sẽ thực hiện điều chỉnh và sẽ quyết toán theo quy chế.

2. Kế hoạch Tiền lương của Ban Giám đốc, kế toán trưởng năm 2022

Năm 2022 tiền lương kế hoạch của BGĐ, KTT theo biên 3 người (1 GD, 1 PGĐ1 , 1 KTT1); lương hiệu quả, lương thưởng tháng 13: không ; (vì lợi nhuận kế hoạch lỗ):

Tiền lương KH của BLĐ, KTT: 479.935.615 đồng;

Trong đó:

- Lương cơ bản: 431.424.000 đồng (Mức LTĐDN: 3.360.000đ/th x HS x 12 th)

- Lương bổ sung chế độ: 31.951.615 đồng (theo chế độ Nhà nước quy định)

- Tiền ăn giữa ca: 16.560.000 đồng (mức 20.000 đ/công x 23c/th x 12 th)

- Lương dự phòng 17%: 0 đồng (lợi nhuận âm không trích)

Quỹ lương kế hoạch Ban GD, KTT năm 2022 tính theo chế độ hiện nay; nếu có thay đổi sẽ điều chỉnh và thực hiện quyết toán quỹ lương đúng quy chế.

3. Kế hoạch Tiền thưởng của HĐQT, BKS, Ban Giám đốc - KTT năm 2022

Kế hoạch năm 2022 không có lợi nhuận, nên Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành sẽ không có (nếu thực hiện có lợi nhuận sẽ trích và thực hiện thưởng theo quy chế).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua các nội dung trên.

Nơi nhận:

- Cổ đông của Công ty
- TVHĐQT, BKS, BGĐ
- Lưu VT, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
CÔNG TY
CỔ PHẦN
GẠCH TUYẾN
BÌNH ĐỊNH
H. TUY PHƯỚC T. BÌNH ĐỊNH



Ngô Quốc Vương



CÔNG TY CỔ PHẦN
GẠCH TUY NÉN BÌNH ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Số: 172/2022 /TT-HĐQT

Bình Định, ngày 07 tháng 08 năm 2022.

TỜ TRÌNH

(V/v lựa chọn Công ty kiểm toán cho Báo cáo tài chính năm 2022
của Công ty cổ phần gạch Tuy nén Bình Định)

**Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 - Công ty Cổ phần
Gạch Tuy nén Bình Định**

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020.

Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 .

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần gạch Tuy nén Bình Định ngày 06/02/2018.

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn Chuẩn việt tại Đà Nẵng.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần gạch Tuy nén Bình Định, kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn Chuẩn việt tại Đà Nẵng là đơn vị kiểm toán độc lập có đủ điều kiện theo quy định của Bộ Tài chính sẽ kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 của Công Ty CP Gạch Tuy Nén Bình Định.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua nội dung nêu trên.

Nơi nhận:

- Cổ đông của Công ty
- TVHĐQT, BKS, BGD
- Lưu VT, HĐQT

CHỦ TỊCH
Ngô Quốc Vương



TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
“V/v điều chỉnh bổ sung ngành nghề kinh doanh”

**Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 - Công ty Cổ phần
Gạch Tuy nén Bình Định**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Gạch Tuy Nén Bình Định
- Căn cứ GPĐKKD số 4100431180 cấp lần đầu ngày 28/12/200; .thay đổi lần thứ 10, ngày 24/03/2020.
- Nhu cầu thực tiễn về tổ chức, hoạt động của Công ty

Hội đồng quản trị kính trình Đại Hội đồng Cổ đông thảo luận và thông qua điều chỉnh; bổ sung thêm ngành nghề kinh doanh như sau:

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Tên ngành
A					NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN
B					KHAI KHOÁNG
Đ					SẢN XUẤT VÀ PHÂN PHỐI ĐIỆN, KHÍ ĐÓT, NƯỚC NÓNG, HƠI NƯỚC VÀ ĐIỀU HOÀ KHÔNG KHÍ
E					CUNG CẤP NƯỚC; HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ VÀ XỬ LÝ RÁC THẢI, NƯỚC THẢI
G					BÁN BUÔN VÀ BÁN LẺ; SỬA CHỮA Ô TÔ, MÔ TÔ, XE MÁY VÀ XE CÓ ĐỘNG CƠ KHÁC
H					VẬN TẢI KHO BÃI
L					HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN

1. Tờ trình sẽ có hiệu lực kể từ ngày được Đại Hội đồng Cổ đông thông qua.

Nơi nhận:

- Cổ đông của Công ty
- TVHĐQT, BKS, BGD
- Lưu VT, HĐQT



Ngô Quốc Vương



CÔNG TY CỔ PHẦN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
GẠCH TUY NÉN BÌNH ĐỊNH Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Số: 174/2022/TT-HĐQT

Bình Định, ngày 7 tháng 8 năm 2022.

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

“*V/v sửa đổi nội dung tại Điều lệ của Công ty*”

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 - Công ty Cổ phần Gạch Tuy nén Bình Định

- Căn cứ Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ ban hành Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC của Bộ tài chính ban hành ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Căn cứ Điều lệ Của Công Ty Cổ Phần Gạch Tuy Nén Bình Định đã được Đại Hội đồng Cổ đông thông qua ngày 06/02/2018;
- Nhu cầu thực tiễn về tổ chức, hoạt động của Công ty.

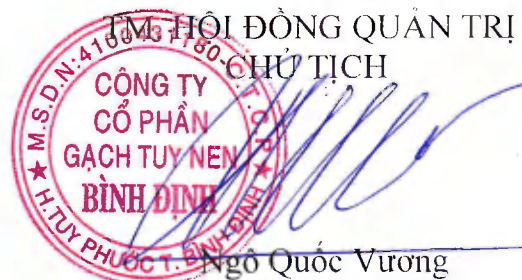
Hội đồng Quản trị kính trình Đại Hội đồng Cổ đông thảo luận và thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung các điều khoản cụ thể của Điều lệ của Công ty (*xin vui lòng tham chiếu Phụ lục đính kèm*).
2. Thông qua Điều lệ mới của Công ty (bao gồm các điều, khoản đã được sửa đổi, bổ sung).

Điều lệ mới sẽ có hiệu lực kể từ ngày được Đại Hội đồng Cổ đông thông qua và thay thế cho Điều lệ đã được Đại Hội đồng Cổ đông thông qua ngày 06/02/2018 cùng với các bản Phụ lục đính kèm Điều lệ (nếu có).

Nơi nhận:

- Cổ đông của Công ty
- TVHĐQT, BKS, BGD
- Lưu VT, HĐQT



PHỤ LỤC 1: NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ
(Đính kèm Tờ trình số)

STT	Điểm, Khoản Điều sửa đổi, bổ sung	Nội dung trong Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ được sửa đổi, bổ sung	Lý do
1.	Sửa đổi Điểm a Khoản 1 Điều 1	a. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần quy định tại Điều 6 Điều lệ này;	a. <u>Vốn điều lệ</u> là tổng mệnh giá cổ phần <u>các loại đã bán hoặc được đăng ký mna khi thành lập công ty cổ phần và</u> theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này	Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT
2.	Bổ sung Điểm b Khoản 1 Điều 1	Không quy định	b. Vốn có quyền biểu quyết là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;	Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT
3.	Sửa đổi Điểm c (Điểm b điều lệ hiện hành) Khoản 1 Điều 1	b. " <u>Luật Doanh nghiệp</u> " có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số <u>68/201/QH13</u> được Quốc hội thông qua ngày <u>26 tháng 11 năm 2014</u> ...	c. " <u>Luật Doanh nghiệp</u> " có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số <u>59/2020/QH14</u> được Quốc hội thông qua ngày <u>17 tháng 06 năm 2020</u> ...	Theo Luật Doanh nghiệp 2020
4.	Sửa đổi Điểm d (Điểm c điều lệ hiện hành) Khoản 1 Điều 1	c. "Luật chứng khoán" là Luật chứng khoán <u>ngày 29 tháng 6 năm 2006</u> và <u>Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Lnât chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2014</u> ;	d. "Luật chứng khoán" là Luật chứng khoán số <u>54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019</u> ;	Theo Luật chứng khoán 2019
5.	Sửa đổi Điểm i Điều lệ hiện hành thành Điểm đ Khoản 1 Điều 1	i. Việt Nam là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam	đ. Việt Nam là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam	Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT
6.	Bổ sung Điểm h Khoản 1 Điều 1	Không quy định	h. Người quản lý doanh nghiệp là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty;	Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT

7.	Bổ sung Điểm k, l, o Khoản 1 Điều 1	Không quy định	k. Cổ đông là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần; l. Cổ đông sáng lập là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần; o. Sở giao dịch chứng khoán là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.	Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT
8.	Sửa đổi Khoản m (Khoản g Điều lệ hiện hành) Điều 1	g. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại <u>khoản 9 Điều 6</u> Luật chứng khoán	m. Cổ đông lớn là cổ đông được quy định tại <u>khoản 18 Điều 4</u> Luật chứng khoán	Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT
9.	Sửa đổi Khoản 5 Điều 2	5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 <u>Điều 52</u> hoặc gia hạn hoạt động theo <u>Điều 53</u> Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn	5. Thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập là vô thời hạn. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 <u>Điều 54</u> hoặc gia hạn hoạt động theo <u>Điều 55</u> Điều lệ này	Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT
10.	Sửa đổi Khoản 3 Điều 3	Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật, bao gồm: 1. Chủ tịch Hội đồng quản trị; hoặc 2. Giám đốc (Tổng Giám đốc). <u>Do đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc Bất thường Quyết định để phù hợp với điều kiện hoạt động sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp và theo quy định của Pháp luật</u> <u>Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật.</u>	Điều 3. Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật, bao gồm: 1. Chủ tịch Hội đồng quản trị; hoặc 2. Giám đốc (Tổng Giám đốc). <u>Quyền hạn và nghĩa vụ của từng người đại diện theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.</u>	
11.	Sửa đổi Khoản 1 Điều 6	1. Vốn điều lệ của Công ty <u>được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp.</u> Tổng số vốn điều lệ của Công ty <u>được chia thành nhiều cổ phần;</u> với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.	1. Vốn điều lệ của Công ty là <u>44.655.700.000 đồng (Bốn mươi bốn tỷ, sáu trăm năm mươi lăm triệu, bảy trăm ngàn đồng).</u> Tổng số vốn điều lệ của Công ty <u>được chia thành 4.465.5700 cổ phần</u> với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.	Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT
12.	Sửa đổi	6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các	6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho	Theo Phụ lục 1

	Khoản Điều 6	6	cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. <u>Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá</u>	các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. <u>Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.</u>	Thông 116/2020/BTC-TT
13.	Sửa Khoản Điều 6	đổi 7	7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. <u>Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với Luật chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan và quy định của Điều lệ này.</u>	7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.	Theo Phụ lục 1 Thông 116/2020/BTC-TT
14.	Sửa Khoản Điều 6	đổi 8	8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác <u>khí được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.</u>	8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác <u>theo quy định của pháp luật.</u>	Theo Theo Phụ lục 1 Thông 116/2020/BTC-TT
15.	Sửa Khoản Điều 7	đổi 2	2. Cổ phiếu là <u>chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty.</u> Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 <u>Điều 120</u> Luật doanh nghiệp.	2. Cổ phiếu là <u>loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành.</u> Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 <u>Điều 121</u> Luật Doanh nghiệp	Theo Phụ lục 1 Thông 116/2020/BTC-TT và Khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp 2020
16.	Sửa Khoản Điều 7	đổi 3	3. Trong thời hạn 20 <u>ngày</u> kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 30 <u>ngày (hoặc theo thời hạn khác theo điều khoản pháp hành quy định)</u> kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.	3. Trong thời hạn <u>90 ngày</u> kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn <u>2 tháng</u> kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.	Theo Khoản 4 Điều 26 Luật chứng sổ 54/2019/QH14
17.	Sửa Khoản	đổi 4	4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, <u>người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề</u>	4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng <u>hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được</u>	Theo Phụ lục 1 Theo Thông

	Điều 7	<u>nghi được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.</u>	<u>Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:</u> <u>a. Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;</u> <u>b. Cam kết chấp trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.</u>	116/2020/BTC-TT và Khoản 3 Điều 121 Luật Doanh nghiệp 2020
18.	Sửa đổi Khoản 1 Điều 10	1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại <u>cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty</u>	1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và <u>chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.</u>	Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT
19.	Sửa đổi Khoản 5 Điều 10	5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng <u>vẫn phải thanh toán các khoản tiền có liên quan và lãi phát sinh theo tỷ lệ (không quá ...% một năm) vào thời điểm thu hồi</u> theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.	5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng <u>vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi</u> theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.	Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT và Khoản 4 Điều 113 Luật Doanh nghiệp 2020
20.	Bỏ Khoản 1 (Điều lệ hiện hành) Điều 12	Bỏ toàn bộ nội dung quy định tại Khoản 1 Điều 12		Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT
21.	Sửa đổi điểm a Khoản 1 (Khoản 2 điều lệ hiện hành) Điều 12	a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền <u>hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa.</u>	a. Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác <u>do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.</u>	Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT và quy định tại Điểm a Khoản 1 điều 115 Luật doanh nghiệp 2020
22.	Sửa đổi Điểm d	d. Tự do chuyển nhượng cổ phần <u>đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện</u>	d. Tự do chuyển nhượng cổ phần <u>của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3</u>	Theo Phụ lục 1 Thông tư

	Khoản 1 (Điểm c Khoản 2 điều lệ hiện hành) Điều 12	<u>hành;</u>	<u>Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;</u>	116/2020/BTC-TT và quy định tại Điểm d Khoản 1 điều 115 Luật doanh nghiệp 2020
23.	Sửa đổi điểm d Khoản 1 (Điểm e Khoản 2 điều lệ hiện hành) Điều 12	e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin <u>liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;</u>	đ. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin <u>về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;</u>	Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT và quy định tại Điểm d Khoản 1 điều 115 Luật doanh nghiệp 2020
24.	Bổ điểm f Khoản 1 (Khoản 2 điều lệ hiện hành) Điều 12	Bổ toàn bộ quy định tại điểm f Khoản 2 Điều 12 Điều lệ hiện hành		Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT và quy định tại Khoản 1 Điều 115 Luật doanh nghiệp 2020
25.	Sửa đổi điểm g Khoản 1 (Điểm h Khoản 2 điều lệ hiện hành) Điều 12	h. <u>Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhân một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;</u>	g. <u>Khi công ty giải thể hoặc phá sản, được nhân một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại công ty.</u>	Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT và quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 115 Luật doanh nghiệp 2020
26.	Bổ sung mới các điểm i, k, l Khoản 1 (Khoản 2 điều lệ hiện hành) Điều 12	Không quy định	i. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông; k. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của	Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT và quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 115 Luật doanh nghiệp 2020

			<p>pháp luật;</p> <p>1. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;</p>	
27.	<p>Sửa đổi Khoản 2 (Khoản 3 Điều lệ hiện hành) Điều 12</p>	<p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông <u>nắm giữ từ 5 % tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng</u> có các quyền sau:</p> <p><u>a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Điều 25 và Điều 36 Điều lệ này;</u></p> <p>b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định <u>tại Điều 114 và Điều 136</u> Luật doanh nghiệp;</p> <p><u>c. Kiểm tra và nhân bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;</u></p> <p>d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p> <p>e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này</p>	<p>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông <u>sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên</u> có quyền sau đây:</p> <p>a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại <u>khoản 3 Điều 115 và Điều 140</u> Luật Doanh nghiệp;</p> <p><u>b. Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;</u></p> <p>c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p> <p><u>d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là [03 ngày] làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;</u></p> <p>đ. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	<p>Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT và quy định tại Khoản 2 Điều 115 Luật doanh nghiệp</p>

28.	Bổ sung Khoản 3 Điều 12	Không quy định	<p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên <u>có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:</u></p> <p><u>a. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;</u></p> <p><u>b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.</u></p>	Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT và quy định tại Khoản 5 Điều 115 Luật doanh nghiệp
29.	Bổ sung mới Khoản 1 và 2 Điều 13	Không quy định	<p>1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.</p> <p>2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra</p>	Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT và quy định tại Khoản 1 và 2 Điều 119 Luật doanh nghiệp
30.	Sửa đổi Khoản 3 (Khoản 1 Điều lệ hiện hành) Điều	3. Tuân thủ Điều lệ công ty và các <u>quy chế nội bộ</u> của Công ty; chấp hành <u>quyết định</u> của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.	3. Tuân thủ Điều lệ công ty và <u>Quy chế quản lý nội bộ</u> của Công ty; chấp hành <u>Nghi quyết, quyết định</u> của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị	Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT và quy định tại Khoản 3 và 4 Điều

	13			119 Luật doanh nghiệp
31.	Bổ Khoản 3 và 4 Điều 13 Điều lệ hiện hành	Bổ toàn bộ quy định tại khoản 3 và 4 Điều 13 Điều lệ hiện hành		Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT và quy định tại Điều 119 Luật doanh nghiệp
32.	Bổ sung mới Khoản 4 Điều 13		4. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.	Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT và quy định tại Khoản 5 Điều 119 Luật doanh nghiệp
33.	Điều chỉnh điểm b Khoản 5 (Khoản 2 Điều lệ hiện hành) Điều 13	b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;	b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;	Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT và quy định tại điểm b Khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp
34.	Sửa đổi Khoản 1 Điều 14	1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	1. Đại hội đồng cổ đông <u>gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết</u> , là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một (01) lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. <u>Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ toạ tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.</u>	Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT và quy định tại Khoản 1 Điều 138; và Khoản 1 và 2 Điều 139 Luật doanh nghiệp
35.	Sửa đổi Khoản 2 Điều 14	2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định	2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, <u>đặc</u>	Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT

		<p>của pháp luật và Điều lệ công ty, <u>đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo.</u> Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có <u>các khoản ngoại trừ trong yếu</u>, Công ty có thể mời đại diện <u>công ty kiểm toán độc lập</u> dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên <u>để giải thích các nội dung liên quan.</u></p>	<p><u>biệt thông qua báo cáo tài chính uảm được kiểm toán.</u> Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có <u>các khoản ngoại trừ trong yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối,</u> Công ty <u>phải</u> mời đại diện <u>tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty</u> dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên <u>và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.</u></p>		
36.	Sửa Khoản Điều 14	đổi 3	<p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;</p> <p>b. <u>Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;</u></p> <p>c. <u>Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;</u></p> <p>d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại <u>khoản 3 Điều 12 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.</u> Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập họp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;</p> <p>e. <u>Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có bằng chứng cho rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm</u></p>	<p>1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;</p> <p>b. <u>Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;</u></p> <p>c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định <u>tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp.</u> Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập họp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;</p> <p>d. <u>Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;</u></p> <p>đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	<p>Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT và quy định tại Khoản 1 Điều 140 Luật Doanh nghiệp</p>

		<p><u>ng nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;</u></p> <p>f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>		
37.	Sửa đổi điểm a Khoản 4 Điều 14	<p>a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi [30] ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại <u>điểm c</u> khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại <u>điểm d và điểm e</u> khoản 3 Điều này.</p>	<p>a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại <u>điểm b</u> khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại <u>điểm c và điểm d</u> khoản 3 Điều này. <u>Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty;</u></p>	Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT và quy định tại Khoản 2 Điều 140 Luật Doanh nghiệp
38.	Sửa đổi điểm b Khoản 4 Điều 14	<p>b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát <u>phải</u> thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại <u>khoản 5 Điều 136</u> Luật doanh nghiệp</p>	<p>b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại <u>khoản 3 Điều 140</u> Luật Doanh nghiệp</p>	Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT và quy định tại Khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp
39.	Sửa đổi điểm c Khoản 4 Điều 14	<p>c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này <u>thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo</u>, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại <u>điểm d</u> khoản 3 Điều này có quyền <u>thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 6 Điều 136 Luật doanh nghiệp</u></p>	<p>c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại <u>điểm c</u> khoản 3 Điều này <u>có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp</u></p>	Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT và quy định tại Khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp
40.	Sửa đổi tiêu đề Điều 15	<p>Điều 15. Quyền và <u>nhiệm vụ</u> của Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Điều 15. Quyền và <u>nghĩa vụ</u> của Đại hội đồng cổ đông</p>	Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT

				và quy định tại Điều 138 Luật Doanh nghiệp
41.	Bổ sung mới Khoản 1 Điều 15	Không quy định	<p>1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;</p> <p>b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;</p> <p>c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>đ. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;</p> <p>e. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;</p> <p>g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;</p> <p>h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;</p> <p>i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;</p> <p>k. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>l. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>m. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;</p> <p>n. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.</p>	Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT và quy định tại Khoản 2 Điều 138 Luật Doanh nghiệp
42.	Sửa đổi, bổ sung Khoản 2 (Khoản 1 Điều lệ hiện hành) Điều 15	<p>1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</p> <p>a. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;</p> <p>b. Báo cáo của Hội đồng quản trị;</p>	<p>2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</p> <p>a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;</p> <p>b. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;</p> <p>c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng</p>	Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT và quy định tại Khoản 2 Điều 138 và Khoản 3 Điều

	<p>c. <u>Báo cáo của Ban kiểm soát;</u></p> <p>d. <u>Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.</u></p>	<p><u>thành viên Hội đồng quản trị;</u></p> <p>d. Báo cáo của Ban kiểm soát <u>về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;</u></p> <p>đ. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>e. <u>Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;</u></p> <p>g. <u>Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</u></p> <p>h. <u>Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;</u></p> <p>i. <u>Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</u></p> <p>k. <u>Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;</u></p> <p>l. <u>Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;</u></p> <p>m. <u>Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;</u></p> <p>n. <u>Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;</u></p> <p>o. <u>Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;</u></p> <p>p. <u>Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</u></p> <p>q. <u>Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;</u></p> <p>r. <u>Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;</u></p> <p>s. <u>Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều</u></p>	<p>139 Luật Doanh nghiệp</p>
--	---	---	------------------------------

			<p>293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</p> <p>t. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;</p> <p>u. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	
43.	Bổ khoản 2 Điều 15	Bổ toàn bộ quy định tại Khoản 2 Điều 15		Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT và quy định tại Khoản 2 Điều 138 và Khoản 3 Điều 139 Luật Doanh nghiệp
44.	Bổ Khoản 3 Điều 15	Bổ toàn bộ quy định tại khoản 3 Điều 15		Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT và quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp
45.	Sửa đổi tên điều 16	Điều 16. <u>Đại diện theo ủy quyền</u>	Điều 16. <u>Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông</u>	Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT và quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp
46.	Sửa đổi Khoản 1 Điều 16	1. <u>Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện</u>	1. <u>Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp</u>	Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT và quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp
47.	Sửa đổi Khoản 2	2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng	2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo <u>quy định tại khoản 1</u>	Theo Phụ lục 1 Thông tư

	Điều 16	<p>cổ đông phải lập thành văn bản <u>theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:</u></p> <p>a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;</p> <p>b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;</p> <p>c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.</p> <p>Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.</p>	<p><u>Điều này</u> phải lập thành văn bản. <u>Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.</u></p> <p>Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. <u>Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).</u></p>	116/2020/BTC-TT và quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp
48.	Bỏ Khoản 3 Điều 16	Bỏ toàn bộ quy định tại Khoản 3		Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT và quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp
49.	Sửa đổi Khoản 3 (Khoản 4 Điều lệ cũ) Điều 16	<p><u>Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:</u></p> <p>a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;</p> <p>b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;</p>	<p>Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây <u>trừ trường hợp:</u></p> <p>a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;</p> <p>b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;</p> <p>c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.</p> <p>Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện</p>	Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT và quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp

		<p>c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.</p> <p>Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.</p>	<p>trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.</p>	
50.	Sửa đổi và tách Khoản 1 thành Khoản 1 và 2, Điều 17	<p>1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua <u>đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua.</u></p> <p>Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi đề thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.</p>	<p>1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. <u>Nghi quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</u></p> <p>2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi đề thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.</p>	<p>Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT và quy định tại Khoản 1 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp</p>

51.	Sửa đổi Khoản 1 Điều 18	1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại <u>điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 14 Điều lệ này</u>	1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông <u>thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</u> theo các trường hợp quy định <u>tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.</u>	Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT
52.	Sửa đổi Khoản 2 Điều 18	a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập <u>không sớm hơn năm (05) ngày</u> trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;	a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập <u>không quá mười (10) ngày</u> trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. <u>Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng</u>	Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT và quy định tại Khoản 1 Điều 141 Luật Doanh nghiệp và Khoản 1 Điều 273 Nghị định 155/2020/NĐ-CP
53.	Sửa đổi Khoản 3 Điều 18	3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch). Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp <u>chậm nhất mười lăm (15) ngày</u> trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, <u>được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư</u>). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông <u>hoặc</u> đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:	3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp <u>chậm nhất hai mươi một (21 ngày)</u> trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông <u>hoặc/và</u> đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm: a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp; b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên	Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT và quy định tại Khoản 1 Điều 143 Luật Doanh nghiệp

		<p>a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;</p> <p>b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, <u>Kiểm soát viên</u>;</p> <p>c. Phiếu biểu quyết;</p> <p>d. <u>Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp</u>;</p> <p>e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp</p>	<p>trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, <u>thành viên Ban kiểm soát</u>;</p> <p>c. Phiếu biểu quyết;</p> <p>d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.</p>	
54.	Sửa đổi Khoản 4 Điều 18	<p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại <u>khoản 3</u> Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty <u>ít nhất</u> ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp <u>Đại hội đồng cổ đông</u>. Kiến nghị phải <u>bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp</u></p>	<p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại <u>khoản 2</u> Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty <u>chậm nhất</u> 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải <u>ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp</u></p>	Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT và quy định tại Khoản 2 Điều 142 Luật Doanh nghiệp
55.	Sửa đổi Khoản 5 Điều 18	<p>5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:</p> <p>a. <u>Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung</u>;</p> <p>b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ [5]% cổ phần phổ thông trở lên <u>trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng</u> theo quy định tại</p>	<p>5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:</p> <p>a. <u>Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này</u>;</p> <p>b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại <u>khoản 2</u> Điều 12 Điều lệ này;</p> <p>c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật</p>	Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT và quy định tại Khoản 2 Điều 142 Luật Doanh nghiệp

		<p>khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;</p> <p>c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này</p>	và Điều lệ này.	
56.	Bổ sung Khoản 6 Điều 18	Không quy định	6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.	Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT và quy định tại Khoản 4 Điều 142 Luật Doanh nghiệp
57.	Sửa đổi Khoản 1 Điều 19	1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện <u>cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</u>	1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện <u>trên 50% tổng số phiếu biểu quyết</u>	Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT và quy định tại Khoản 1 Điều 145 Luật Doanh nghiệp
58.	Sửa đổi Khoản 2 Điều 19	2. <u>Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</u>	2. <u>Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.</u>	Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT và quy định tại Khoản 2 Điều 145 Luật Doanh nghiệp
59.	Sửa đổi Khoản 3 Điều 19	3. Trường hợp đại hội lần thứ hai <u>không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường</u>	3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai <u>không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.</u>	Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT và quy định tại Khoản 3 Điều 145 Luật Doanh nghiệp

		<u>hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất</u>		
60.	Bổ sung Khoản 4 Điều 19	Không quy định	4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 142 của Luật Doanh nghiệp.	Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT và quy định tại Khoản 4 Điều 145 Luật Doanh nghiệp
61.	Sửa đổi Khoản 1, 2, 3 Điều 20 (Điều lệ hiện hành) thành Khoản 1 Điều lệ mới	<p>1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.</p> <p>2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. <u>Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó.</u> Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.</p> <p>3. Cổ đông <u>hoặc đại diện được ủy quyền</u> đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có</p>	<p>1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết <u>theo trình tự sau:</u></p> <p>a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. <u>Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.</u> Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;</p> <p>b. Cổ đông, <u>người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền</u> đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và</p>	Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT và quy định tại Khoản 1 Điều 146 Luật Doanh nghiệp

		quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.	sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.	
62.	Sửa đổi Khoản 2 Điều 20 (Khoản 4 Điều lệ hiện hành)	<p>4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa <u>các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập</u>. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.</p> <p><u>Trong các trường hợp khác</u>, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.</p>	<p>2. <u>Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:</u></p> <p><u>a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập.</u> Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;</p> <p><u>b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này</u>, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;</p> <p><u>c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;</u></p> <p><u>d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.</u></p>	Theo Phụ lục I Thông tư 116/2020/BTC-TT và quy định tại Khoản 2 Điều 146 Luật Doanh nghiệp
63.	Sửa đổi Khoản 4 Điều 20 (gộp Khoản 6 và 9 Điều lệ hiện hành)	<p>6. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.</p> <p>9. <u>Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện</u></p>	<p>4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.</p> <p>a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa</p>	Theo Phụ lục I Thông tư 116/2020/BTC-TT và quy định tại Khoản 4, 7, 8 Điều 146 Luật Doanh nghiệp

		<p><u>pháp thiếp hợp để:</u></p> <p>a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;</p> <p>c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.</p>	<p>điểm họp;</p> <p>c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.</p>	
64.	Bổ Khoản 7 Điều 20 Điều lệ hiện hành	Bổ toàn bộ quy định tại Khoản 7		Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT và quy định tại Điều 146 Luật Doanh nghiệp
65.	Bổ sung mới Khoản 5, 6 Điều 20	Không quy định	<p>5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.</p> <p>6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.</p>	Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT và quy định tại Khoản 5, 6 Điều 146 Luật Doanh nghiệp
66.	Sửa đổi Khoản 7 Điều 20 (Khoản 8 Điều lệ hiện hành)	<p>8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền <u>yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh</u></p>	<p>7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:</p> <p>a. <u>Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;</u></p> <p>b. <u>Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự,</u></p>	Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT và quy định tại Khoản 7 Điều 146 Luật Doanh nghiệp

		<u>nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trực xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.</u>	<u>ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</u>	
67.	Bổ Khoản 10, 11, 12 Điều 20 Điều lệ hiện hành	Bổ toàn bộ quy định tại các Khoản 10, 11, 12		Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT và quy định tại Điều 146 Luật Doanh nghiệp
68.	Bổ sung mới Khoản 8, 9, 10 Điều 20	Không có quy định này	<p>8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:</p> <p>a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;</p> <p>b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;</p> <p>c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.</p> <p>9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.</p> <p>10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của</p>	Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT và quy định tại Khoản 8, 9 Điều 146 Luật Doanh nghiệp; Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP

			Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán	
69.	Sửa đổi tiêu đề Điều 21	Điều 21. <u>Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông:</u>	Điều 21. <u>Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua</u>	Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT và quy định tại Điều 148 Luật Doanh nghiệp
70.	Sửa đổi Khoản 1 Điều 21	1. <u>Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:</u> a. <u>Thông qua báo cáo tài chính năm;</u> b. <u>Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty;</u> c. <u>Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc (Tổng Giám đốc).</u>	1. <u>Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:</u> a. <u>Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</u> b. <u>Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</u> c. <u>Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;</u> d. <u>Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;</u> đ. <u>Tổ chức lại, giải thể Công ty.</u> e. <u>Vấn đề khác do Điều lệ công ty quy định.</u>	Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT và quy định tại Khoản 1 Điều 148 Luật Doanh nghiệp
71.	Bỏ Khoản 2 và 3 Điều 21	Bỏ toàn bộ quy định tại các Khoản 2, 3		Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT và quy định tại Điều 148 Luật Doanh nghiệp
72.	Bổ sung mới khoản 2 Điều 21	Không quy định	2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.	Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT và quy định tại Khoản 2 Điều 148 Luật Doanh nghiệp
73.	Sửa đổi Khoản 3	4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua	3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết	Theo Phụ lục 1 Thông tư

	Điều 21 (Khoản 4 Điều lệ hiện hành)	bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.	là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.	116/2020/BTC-TT và quy định tại Khoản 2 Điều 152 Luật Doanh nghiệp
74.	Sửa Khoản Điều 22	1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. 2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này	1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp. 2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này	Theo Phụ lục 1 Thông 116/2020/BTC-TT và quy định tại Khoản 1 Điều 149 Luật Doanh nghiệp
76.	Sửa Điểm Khoản Điều 22	c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;	c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông	Theo Phụ lục 1 Thông 116/2020/BTC-TT và quy định tại Khoản 3 Điều 149 Luật Doanh nghiệp
77.	Sửa điểm Khoản 3	g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.	g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.	Theo Phụ lục 1 Thông 116/2020/BTC-TT

	Điều 22			và quy định tại Khoản 3 Điều 149 Luật Doanh nghiệp
78.	Bỏ Khoản 4 Điều 22	4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.	Bỏ toàn bộ quy định tại Khoản này	Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT và quy định tại Khoản 4 Điều 149 Luật Doanh nghiệp
79.	Sửa đổi Khoản 4 Điều 22 (Khoản 5 Điều lệ hiện hành)	<p>5. <u>Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:</u></p> <p>a. <u>Gửi thư:</u> Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;</p> <p>b. <u>Gửi fax hoặc thư điện tử:</u> Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty <u>qua fax hoặc thư điện tử</u> phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.</p> <p>Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.</p>	<p>4. <u>Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:</u></p> <p>a. <u>Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.</u> Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;</p> <p>b. <u>Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử,</u> phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;</p> <p>c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.</p>	Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT và quy định tại Khoản 4 Điều 149 Luật Doanh nghiệp
80.	Sửa đổi Khoản 5 Điều 22 (Khoản 6 Điều lệ hiện hành)	<p>6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của <u>cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp</u>. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến đề thông qua nghị quyết:</p>	<p>5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến đề thông qua nghị quyết;</p> <p>c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham</p>	Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT và quy định tại Khoản 5 Điều 149 Luật Doanh nghiệp

		<p>c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;</p> <p>d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;</p> <p>e. Các vấn đề đã được thông qua;</p> <p>f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, <u>người đại diện theo pháp luật của Công ty</u>, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.</p> <p>Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.</p>	<p>gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;</p> <p>d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;</p> <p>đ. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;</p> <p>e. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.</p> <p>Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.</p>	
81.	Sửa đổi Khoản 6 Điều 2 (Khoản 7 Điều lệ hiện hành)	7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi <u>biên bản kiểm phiếu</u> có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.	6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi <u>biên bản kiểm phiếu và nghị quyết</u> có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu;	Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT và quy định tại Khoản 6 Điều 149 Luật Doanh nghiệp
82.	Sửa đổi Khoản 8 Điều 22 (Khoản 9 Điều lệ hiện hành)	9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông <u>đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận</u> và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông <u>số hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành</u> và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT và quy định tại Khoản 4 Điều 148 và Khoản 8 Điều 149 Luật Doanh nghiệp

83.	Sửa tiêu đề Điều 23	Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	Điều 23. <u>Nghi quyết</u> , Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT
84.	Sửa đổi Khoản 1 Điều 23	<p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, <u>có thể lập thêm bằng tiếng Anh</u> và có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;</p> <p>d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;</p> <p>e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;</p> <p>f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;</p> <p>g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;</p> <p>h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;</p> <p>i) <u>Chữ ký của chủ tọa và thư ký.</u></p> <p>Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.</p>	<p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, <u>có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài</u> và có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;</p> <p>d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;</p> <p>đ. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;</p> <p>e. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;</p> <p>g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;</p> <p>h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;</p> <p>i. <u>Họ, tên</u> và chữ ký của chủ tọa và thư ký. <u>Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.</u></p>	Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT và quy định tại Khoản 1 và 4s Điều 150 Điều 149 Luật Doanh nghiệp

85.	Sửa đổi Khoản 2 Điều 23	2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. <u>Chủ toạ và thư ký cuộc họp</u> phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.	2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. <u>Chủ toạ và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp</u> phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản	Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT và Khoản 3 Điều 150 Luật Doanh nghiệp
86.	Sửa đổi Khoản 3 Điều 23	3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được <u>công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc</u> gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp	3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.	Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT và Khoản 5 Điều 150 Luật Doanh nghiệp
87.	Bỏ quy định tại Khoản 4 Điều 23	Bỏ toàn bộ quy định tại Khoản 4		Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT và quy định tại Điều 150 Luật Doanh nghiệp
88.	Sửa đổi Khoản 4 Điều 23 (Khoản 5 Điều lệ hiện hành)	5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.	<u>4. Nghị quyết</u> , Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, <u>tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có)</u> và tài liệu có liên quan <u>kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và</u> phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty	Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT và quy định tại Khoản 6 Điều 150 Luật Doanh nghiệp
89.	Sửa đổi Điều 24	Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ <u>quyết định</u> của Đại hội đồng cổ đông Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến <u>cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng Giám đốc)</u> , cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại <u>khoản 3 Điều 12 Điều lệ này</u> có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ <u>quyết định</u> của Đại hội	Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ <u>Nghị quyết</u> của Đại hội đồng cổ đông Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được <u>nghị quyết hoặc</u> biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến <u>Đại hội đồng cổ đông</u> , cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại <u>khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp</u> có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ <u>nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết</u> Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây: 1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của	Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT và quy định tại Điều 151 Luật Doanh nghiệp

		<p>đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp <u>hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản</u> và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông <u>không thực hiện đúng theo</u> quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại <u>khoản 4</u> Điều 21 Điều lệ này.</p> <p>2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.</p> <p><u>Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.</u></p>	<p>Đại hội đồng cổ đông <u>vi phạm nghiêm trọng</u> quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại <u>khoản 3</u> Điều 21 Điều lệ này.</p> <p>2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.</p>	
90.	Sửa đổi Khoản 1 Điều 25	<p>1. Trường hợp đã xác định được <u>trước</u> ứng viên, <u>thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố</u> tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm <u>các nội dung tối thiểu sau đây:</u></p> <p>a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;</p> <p><u>b. Trình độ học vấn:</u></p>	<p>1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên <u>Hội đồng quản trị. Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên</u> tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, <u>cần trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty</u> nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:</p> <p>a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;</p> <p>b. Trình độ <u>chuyên môn:</u></p> <p>c. Quá trình công tác;</p> <p>d. <u>Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);</u></p> <p>đ. Lợi ích có liên quan tới Công ty <u>và các bên có liên quan của Công ty;</u></p>	<p>Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT, quy định tại Khoản 1 Điều 274 Nghị định 155/2020/NĐ-CP</p>

		<p>c. Trình độ chuyên môn;</p> <p>d. Quá trình công tác;</p> <p>e. <u>Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;</u></p> <p>f. <u>Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;</u></p> <p>g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);</p> <p>h. <u>Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);</u></p> <p>i. Các thông tin khác (nếu có).</p>	<p>e. Các thông tin khác (nếu có) <u>theo quy định tại Điều lệ công ty;</u></p> <p>g. <u>Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).</u></p>	
91.	Sửa đổi Khoản 2 Điều 25	<p><u>2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.</u></p>	<p><u>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</u></p>	Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT, quy định tại Khoản 2 Điều 274 Nghị định 155/2020/NĐ-CP
92.	Sửa đổi Khoản 3 Điều 25	<p>3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm <u>có thể đề cử</u> thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo <u>cơ chế được Công ty</u> quy định tại</p>	<p>3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết <u>theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp</u>, Hội đồng quản trị đương nhiệm <u>giới thiệu</u> thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy</p>	Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT, quy định tại Khoản 3 Điều 274 Nghị

		Quy chế nội bộ về quản trị công ty. <u>Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.</u>	định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và <u>Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.</u>	định 155/2020/NĐ-CP
93.	Bổ sung mới Khoản 4 Điều 25	Không quy định	4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.	Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT, quy định tại Khoản 1 Điều 275 Nghị định 155/2020/NĐ-CP
94.	Sửa đổi Khoản 1 Điều 26	1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Các thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện tại khoản 1 Điều 151 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty, phải thường trú ở Việt nam.	1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. <u>Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.</u>	Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT, quy định tại Điều 276 Nghị định 155/2020/NĐ-CP và quy định tại Điều 154 Luật Doanh nghiệp.
95.	Sửa đổi Khoản 2 Điều 26	2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau: <u>Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất</u> một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị hoặc một phần năm (1/5) theo qui định của Luật doanh nghiệp. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành/độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống. Hội đồng quản trị qui định cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên hội đồng quản trị độc lập.	2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau: <u>Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.</u>	Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT, quy định tại Điều 276 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.
96.	Sửa đổi Khoản 3	<u>3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách</u>	<u>3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị</u>	Theo Phụ lục 1 Thông tư

	Điều 26	<p><u>thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:</u></p> <p><u>a. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;</u></p> <p><u>b. Có đơn từ chức;</u></p> <p><u>c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;</u></p> <p><u>d. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</u></p> <p><u>e. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</u></p> <p><u>f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;</u></p> <p><u>g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</u></p>	<p><u>Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.</u></p>	116/2020/BTC-TT, quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp
97.	Sửa khoản Điều 26 đổi 4	4. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật <u>về chứng khoán và thi trường chứng khoán.</u>	4. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật <u>về công bố thông tin trên thi trường chứng khoán</u>	Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT
98.	Sửa khoản Điều 27 đổi 1	1. <u>Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.</u>	1. <u>Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông</u>	Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT, Khoản 1 Điều 153 Luật Doanh nghiệp
99.	Sửa khoản Điều 27 đổi 2	2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau: a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty; b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu	2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau: a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty;	Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT và Khoản 2 Điều 153 Luật Doanh nghiệp

chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

c. Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành khác theo đề nghị của Giám đốc (Tổng giám đốc) và quyết định mức lương của họ; Việc bãi nhiệm nêu trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);

d. Giám sát, chỉ đạo Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác;

e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;

f. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

g. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;

h. Quyết định quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông;

i. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức;

k. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;

l. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;

m. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;

n. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;

o. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc (Tổng giám đốc);

p. Các quyền và nghĩa vụ khác (nếu có).

b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty;

đ. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 05 (năm) tỷ đồng trở lên trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp.

i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc (Tổng Giám đốc); **Phó Giám đốc (Tổng Giám đốc); Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác trong Công ty gồm: Các chức danh trực tiếp tư vấn, tham mưu, giúp việc cho HĐQT, Giám đốc Công ty con, Trưởng văn phòng đại diện; quyết định, tiền lương và quyền lợi khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền của Công ty, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;**

k. Giám sát, chỉ đạo Giám đốc (Tổng Giám đốc) và cán bộ quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;

l. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ

			<p>phần của doanh nghiệp khác;</p> <p>m. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua <u>nghi quyết</u>;</p> <p>n. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>o. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức <u>hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh</u>;</p> <p>p. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, <u>yêu cầu phá sản công ty</u>;</p> <p>q. Quyết định ban <u>hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty</u> sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; <u>Quy chế về công bố thông tin của công ty</u>;</p> <p>s. Quyền và nghĩa vụ khác <u>theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.</u></p>	
100.	Bổ Khoản 3 Điều 27	Bổ toàn bộ quy định tại Khoản 3 Điều 27		Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT và Khoản 2 Điều 153 Luật Doanh nghiệp
101.	Sửa đổi Khoản 3 (Khoản 4 Điều lệ hiện hành) Điều 27	4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động <u>của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua</u>	3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông <u>kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán</u>	Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT, quy định tại Điều 276 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.
102.	Bổ quy định	Bổ hoàn toàn quy định tại Khoản 5 Điều 27		Theo Phụ lục 1

	tại Khoản 5 Điều 27 Điều lệ hiện hành			Thông tư 116/2020/BTC-TT và Điều 153 Luật Doanh nghiệp
03.	Sửa tiêu đề Điều 28	Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	Điều 28. Thù lao, thường và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT và Điều 163 Luật Doanh nghiệp
04.	Bổ sung Khoản 1 Điều 28	Không quy định	1. Công ty có quyền trả thù lao, thường cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.	Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT và Khoản 1 Điều 163 Luật Doanh nghiệp
05.	Sửa đổi Khoản 2 (Khoản 1 Điều lệ hiện hành) Điều 28	1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.	2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thường. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thường của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên	Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT và Điểm a Khoản 2 Điều 163 Luật Doanh nghiệp
06.	Sửa đổi Khoản 3 (Khoản 2 Điều lệ hiện hành) Điều 28	2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phân vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.	3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên	Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT và Khoản 3 Điều 163 Luật Doanh nghiệp

107.	Bổ sung Khoản 6 Điều 28	Không quy định	6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.	Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT -> Chỉ quy định tại 116
108.	Sửa đổi và tách Khoản 1 Điều 29 Điều lệ hiện hành thành 2 khoản 1 và khoản 2	1. <u>Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Giám đốc(Tổng giám đốc) điều hành của công ty (theo khoản 2 điều 12 Nghị định 71/2017/NĐ-CP).</u>	1. <u>Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.</u> 2. <u>Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.</u>	Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT và Khoản 1, khoản 2 Điều 156 Luật Doanh nghiệp
109.	Sửa đổi Khoản 3 (Khoản 2 Điều lệ hiện hành) Điều 29	2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ <u>chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; đồng thời có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.</u>	3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có <u>quyền và</u> nghĩa vụ <u>sau đây:</u> <u>a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;</u> <u>b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;</u> <u>c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</u> <u>d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</u> <u>e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;</u> <u>f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.</u>	Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT và Khoản 3 Điều 156 Luật Doanh nghiệp
110.	Bỏ Khoản 3 Điều 29	Bỏ toàn bộ quy định tại Khoản 3 Điều 29		Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT và Điều 156 Luật Doanh nghiệp
111.	Sửa đổi Khoản 4 Điều 29	4. <u>Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn</u>	4. <u>Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.</u>	Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT và Điều 156 Luật Doanh nghiệp

		mười (10) ngày		
12.	Bổ sung Khoản 5 Điều 29	Không quy định	5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ này. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị	Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT và Khoản 4 Điều 156 Luật Doanh nghiệp
13.	Bổ sung Khoản 6 Điều 29	Không quy định	6. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây: a. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp; b. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao; c. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty; d. Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính; đ. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty	Theo Khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp
14.	Sửa đổi Khoản 1 Điều 30	1. <u>Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì</u> Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên	1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng	Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT

		<p>của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p>	<p>quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất <u>và ngang nhau</u> thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p>	<p>và Khoản 1 Điều 157 Luật Doanh nghiệp</p>
15.	Sửa đổi Khoản 2 Điều 30	<p><u>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần</u></p>	<p><u>2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.</u></p>	<p>Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT và Khoản 2 Điều 157 Luật Doanh nghiệp</p>
16.	Sửa đổi Khoản 3 Điều 30	<p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, <u>không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:</u></p> <p>a. Ban kiểm soát;</p> <p>b. Giám đốc (Tổng Giám đốc) hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;</p> <p><u>c. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;</u></p> <p>d. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>e. Các trường hợp khác (nếu có).</p>	<p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị <u>trong trường hợp sau đây:</u></p> <p>a. <u>Có đề nghị của</u> Ban kiểm soát <u>hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;</u></p> <p>b. <u>Có đề nghị của</u> Giám đốc (Tổng giám đốc) hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;</p> <p>c. <u>Có đề nghị của</u> ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>d. Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.</p>	<p>Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT và Khoản 3 Điều 157 Luật Doanh nghiệp</p>
7.	Bổ sung Khoản 4 Điều 30	<p>Không quy định</p>	<p>4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.</p>	<p>Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT và Khoản 4 Điều 157 Luật Doanh nghiệp</p>

				nghiệp
18.	Sửa đổi Khoản 5 (Khoản 4 Điều lệ hiện hành) Điều 30	4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty: <u>những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều 30 có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.</u>	5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty: <u>người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.</u>	Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT và Khoản 5 Điều 157 Luật Doanh nghiệp
19.	Bỏ Khoản 5. 6 Điều 30 Điều lệ hiện hành	Bỏ toàn bộ quy định tại Khoản 5 và 6 Điều 30		Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT và Điều 157 Luật Doanh nghiệp
20.	Sửa đổi Khoản 6 (Khoản 7 Điều lệ hiện hành) Điều 30	7. <u>Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó.</u> Thông báo họp Hội đồng quản trị phải <u>được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ</u> thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, <u>kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết</u> tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, <u>nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.</u>	6. <u>Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày</u> làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. <u>Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng</u> tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác <u>do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.</u>	Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT và Khoản 6 Điều 157 Luật Doanh nghiệp
21.	Bổ sung	Không quy định	7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi	Theo Phụ lục 1

	Khoản 7 Điều 30		thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.	Thông tư 116/2020/BTC-TT và Khoản 7 Điều 157 Luật Doanh nghiệp
22.	Sửa đổi Khoản 8 Điều 30	8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có <u>ít nhất</u> ba phần tư (3/4) tổng số thành viên <u>Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.</u> Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.	8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có <u>từ 3/4</u> tổng số thành viên <u>trở lên dự họp</u> . Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. <u>Trường hợp này</u> , cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp	Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT và Khoản 8 Điều 157 Luật Doanh nghiệp
23.	Bỏ quy định tại Khoản 9 Điều 30	Bỏ toàn bộ quy định tại Khoản 9 Điều 30		Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT và Điều 157 Luật Doanh nghiệp
24.	Bổ sung Khoản 9 Điều 30	Không quy định	9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây: a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này; c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử; đ. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ này.	Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT và Khoản 9 Điều 157 Luật Doanh nghiệp
25.	Sửa đổi Khoản 10 Điều 30	10. <u>Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.</u>	10. <u>Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư</u> , phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch	Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT

		Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.	Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.	và Khoản 10 Điều 157 Luật Doanh nghiệp
26.	Bổ Khoản 11, 12, 14, 15 Điều 30	Bổ toàn bộ quy định tại các Khoản 11, 12, 14, 15 Điều 30		Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT và Điều 157 Luật Doanh nghiệp
27.	Bổ sung Khoản 11 Điều 30	Không quy định	11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.	Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT và Khoản 11 Điều 157 Luật Doanh nghiệp
28.	Sửa đổi Khoản 12 (Khoản 13 Điều lệ hiện hành) Điều 30	<u>13. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.</u>	<u>12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.</u>	Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT và Khoản 11 Điều 157 Luật Doanh nghiệp
29.	Sửa đổi Khoản 1 Điều 31	1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có <u>ít nhất</u> ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của	1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, <u>quản lý rủi ro</u> . Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có <u>tối thiểu</u> là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của	Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT

		tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban <u>là thành viên Hội đồng quản trị.</u>	tiểu ban.	
30.	Sửa đổi Khoản 2 Điều 31	2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, <u>hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị</u> phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.	2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty. <u>Quy chế nội bộ về quản trị công ty.</u>	Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT
31.	Sửa đổi Khoản 1 Điều 32	1. Hội đồng quản trị <u>chỉ định</u> ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ <u>hoạt động</u> quản trị công ty <u>được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.</u>	1. Hội đồng quản trị của Công ty <u>phải bổ nhiệm</u> ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ <u>công tác</u> quản trị công ty <u>tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.</u>	Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT và Khoản 1 Điều 281 Nghị định 155/2020/NĐ-CP
32.	Bỏ Khoản 2 và 3 Điều 32	Bỏ hoàn toàn quy định tại các khoản 2 và 3 Điều 32		Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT và Điều 281 Nghị định 155/2020/NĐ-CP
33.	Bổ sung Khoản 2 Điều 32	Không quy định	2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.	Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT và Khoản 2 Điều 281 Nghị định 155/2020/NĐ-CP
34.	Bổ sung Điểm h Khoản 3 (Khoản 4 Điều lệ hiện hành) Điều 32	Không quy định	h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;	Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT và Điểm h Khoản 3 Điều 281 Nghị định 155/2020/NĐ-CP
35.	Bổ sung Khoản 1	Không quy định	1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều	Theo Phụ lục 1 Thông tư

	Điều 34		hành khác theo quy định	116/2020/BTC-TT và Khoản 55 Điều 3 Nghị định 155/2020/NĐ-CP
36.	Sửa đổi Khoản 2 (Khoản 1 Điều lệ hiện hành) Điều 34	1. Theo đề nghị của Giám đốc (Tổng Giám đốc) và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm <u>mãn cán</u> để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.	2. Theo đề nghị của Giám đốc (Tổng giám đốc) và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.	Theo Phụ lục I Thông tư 116/2020/BTC-TT
37.	Sửa đổi Khoản 3 (Khoản 2 Điều lệ hiện hành) Điều 34	<u>2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Giám đốc (Tổng Giám đốc) do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Giám đốc (Tổng Giám đốc).</u>	<u>3. Giám đốc (Tổng giám đốc) được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Giám đốc (Tổng giám đốc) do Hội đồng quản trị quyết định.</u>	Theo Phụ lục I Thông tư 116/2020/BTC-TT và Điểm c Khoản 2 Điều 163 Luật Doanh nghiệp
38.	Bổ sung Khoản 4 Điều 34	Không quy định	4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.	Theo Phụ lục I Thông tư 116/2020/BTC-TT và Khoản 3 Điều 163 Luật Doanh nghiệp
39.	Sửa đổi Khoản 1 Điều 35	1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị <u>hoặc một người khác</u> làm Giám đốc (Tổng Giám đốc): <u>ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc (Tổng Giám đốc) phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.</u>	1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị <u>hoặc thuê người khác</u> làm Giám đốc (Tổng giám đốc).	Theo Phụ lục I Thông tư 116/2020/BTC-TT và Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp

140.	Bổ sung Khoản 2 Điều 35	Không quy định	2. Giám đốc (Tổng giám đốc) là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.	Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT và Khoản 2 Điều 162 Luật Doanh nghiệp
41.	Sửa đổi Khoản 3 (Khoản 2 Điều lệ hiện hành) Điều 35	2. Nhiệm kỳ của Giám đốc (Tổng Giám đốc) không quá năm (05) năm và <u>có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Giám đốc (Tổng Giám đốc) không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và</u> phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.	3. Nhiệm kỳ của Giám đốc (Tổng giám đốc) không quá 05 năm <u>và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</u> Giám đốc (Tổng giám đốc) phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của <u>Khoản 5 Điều 162.</u> Điều lệ công ty và pháp luật.	Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT và Khoản 2 và Khoản 5 Điều 162 Luật Doanh nghiệp
42.	Sửa đổi các điểm của Khoản 3 Điều 35	3. Giám đốc (Tổng Giám đốc) có các quyền và nghĩa vụ sau: a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị <u>và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;</u> b. <u>Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;</u> c. Kiến nghị <u>với Hội đồng quản trị</u> về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty; <u>d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;</u> e. <u>Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến</u>	4. Giám đốc (Tổng giám đốc) có các quyền và nghĩa vụ sau: a. <u>Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;</u> b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty; d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty; e. <u>Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;</u> f. <u>Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;</u> g. Tuyển dụng lao động; h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh; i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.	Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT và Khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp

		<p><u>nghỉ thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định:</u></p> <p>f. <u>Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;</u></p> <p>g. <u>Vào ngày 10 đến 20 tháng 12 hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;</u></p> <p>h. <u>Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;</u></p> <p>i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, <u>hợp đồng lao động ký với Công ty.</u></p>		
143.	Sửa đổi Khoản 5 (Khoản 4 Điều lệ hiện hành) 4 Điều 35	<p>4. <u>Giám đốc (Tổng Giám đốc) chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo khi được yêu cầu.</u></p>	<p>5. <u>Giám đốc (Tổng giám đốc) phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, hợp đồng lao động ký với công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định tại khoản này mà gây thiệt hại cho</u></p>	<p>Theo quy định tại Khoản 4 Điều 162 Luật Doanh nghiệp và Khoản 1 Điều 285 Nghị định 155/2020/NĐ-CP</p>

			<u>công ty thì Giám đốc hoặc Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty.</u>	
44.	Sửa đổi Khoản 2 Điều 36	2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. <u>Cơ chế</u> Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng <u>và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.</u>	2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và <u>Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc</u> Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng <u>trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.</u>	Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT và Khoản 2 Điều 285 Nghị định 155/2020/NĐ-CP
45.	Sửa tiêu đề Điều 37	Điều 37. <u>Kiểm soát viên</u>	Điều 37. <u>Thành phần Ban kiểm soát</u>	Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT
46.	Bỏ Khoản 3 Điều 37	Bỏ Khoản 3 Điều 37. Nội dung này được đưa vào Điều 38 – Trưởng ban Kiểm soát (bổ sung mới)		Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT
47.	Bổ sung mới Điều 38	Nội dung này được chuyển từ Khoản 3 Điều 37 và có sửa đổi bổ sung tại điều 38 mới này	1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. 2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát: a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát; b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan	Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT và Khoản 3 Điều 285 Nghị định 155/2020/NĐ-CP và Khoản 2 Điều 168 Luật Doanh nghiệp

			để báo cáo Ban kiểm soát:	
			c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.	
48.	Sửa đổi Điều 38 Điều lệ hiện hành (Điều 39 Dự thảo)	<p>Điều 38. Ban kiểm soát</p> <p>1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông <u>phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;</u></p> <p>b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;</p> <p>c. Giám sát tình hình tài chính công ty, <u>tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc), người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và cổ đông;</u></p> <p>d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p> <p>e. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định <u>của Luật doanh nghiệp.</u></p> <p>f. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật</p>	<p>Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát</p> <p>Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:</p> <p>1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông <u>phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.</u></p> <p>2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.</p> <p>3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, <u>việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc), người quản lý khác.</u></p> <p>4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và cổ đông.</p> <p>5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của <u>thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát</u> phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.</p> <p>6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> <p>7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định <u>tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày</u></p>	Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT: Điều 288 Nghị định 155/2020/NĐ-CP: và Điều 170, Khoản 2 và 3 Điều 171 Luật Doanh nghiệp

		<p>và Điều lệ này.</p> <p><u>2. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.</u></p> <p><u>3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.</u></p> <p><u>4. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.</u></p>	<p><u>31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</u></p> <p><u>8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.</u></p> <p><u>9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.</u></p> <p>10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	
49.	Bổ sung Điều 40	Chưa có điều này	<p><u>Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát</u></p> <p>1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm</p>	Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT; Điều 289 Nghị định 155/2020/NĐ-CP

			<p>soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.</p> <p>2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.</p>	
D.	Bổ sung Điều 41	Chưa có điều này	<p>Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát</p> <p>Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <p>1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.</p> <p>2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.</p> <p>3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.</p>	Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT và Điều 17 Luật Doanh nghiệp
51.	Sửa đổi Khoản 1 Điều 42 (Điều 40 Điều lệ hiện hành)	1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác	1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Luật doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.	Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT, Khoản 1 Điều 291 Nghị định 155/2020/NĐ-CP và Điều 164 Luật Doanh nghiệp

52.	Sửa đổi Khoản 2 Điều 42 (Điều 40 Điều lệ hiện hành)	2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và <u>người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.</u>	2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc), <u>người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.</u>	Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT và Khoản 2 Điều 291 Nghị định 155/2020/NĐ-CP
53.	Sửa đổi Khoản 3 Điều 42 (Điều 40 Điều lệ hiện hành)	3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và <u>người điều hành khác</u> có nghĩa vụ thông báo <u>cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.</u>	3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) và <u>người quản lý khác</u> có nghĩa vụ thông báo <u>bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, công ty đại chúng phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin</u>	Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT và Khoản 3 Điều 291 Nghị định 155/2020/NĐ-CP
54.	Bỏ Khoản 4 Điều 42 (Điều 40 Điều lệ hiện hành)	Bỏ toàn bộ quy định tại Khoản 4 Điều 4 (Điều 40 Điều lệ hiện hành)		Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT và Điều 291 Nghị định 155/2020/NĐ-CP
55.	Bổ sung Khoản 4 và 5 Điều 42 (Điều 40 Điều lệ hiện hành)	Không quy định	4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. 5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc), người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.	Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT và Khoản 4, 5 Điều 291 Nghị định 155/2020/NĐ-CP

<p>56.</p>	<p>Sửa đổi Khoản 6 Điều 42 (Khoản 5 Điều 40 Điều lệ hiện hành)</p>	<p>5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng Giám đốc), người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến <u>ho hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng Giám đốc), người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính</u> không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng <u>hai mươi phần trăm(20%)</u> tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng Giám đốc), người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. <u>Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực</u> bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;</p> <p>b) Đối với những hợp đồng có giá trị <u>lớn hơn hai mươi phần trăm(20%)</u> tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng Giám đốc), người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông <u>không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;</u></p>	<p>6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị <u>thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;</u></p> <p>b. Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 20% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 20% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông <u>và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.</u></p>	<p>Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT; Khoản 4 Điều 293 Nghị định 155/2020/NĐ-CP và Điều 167 Luật Doanh nghiệp</p>
------------	--	--	--	---

		<p>c) Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng Giám đốc), người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.</p>		
57.	Bỏ Khoản 3 Điều 43 (Điều 41 Điều lệ hiện hành)	Bỏ quy định tại Khoản 3 Điều 43 (Điều 41 Điều lệ hiện hành)		Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT;
58.	Sửa đổi Khoản 3 Điều 43 (Khoản 4 Điều 41 Điều lệ Hiện hành)	<p>4. Chi phí bồi thường bao gồm <u>các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý</u> khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.</p>	<p>3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên</p>	Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT;
59.	Sửa đổi Khoản 1 Điều 44 (Điều 42 Điều lệ hiện hành)	<p><u>1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại khoản 2 Điều 25 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại</u></p>	<p>1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau: a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ</p>	Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT;

		<u>diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.</u>	đồng; b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.	
160.	Bổ sung Khoản 2 Điều 44 (Điều 42 Điều lệ hiện hành)	Không quy định	2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.	Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT
161.	Sửa đổi Điều 48 (Điều 46 Quy định hiện hành)	Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 <u>cùng năm</u> . Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 <u>ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.</u>	Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 <u>hàng năm</u> . Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12.	Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT
162.	Sửa đổi Khoản 1 Điều 49 (Điều 47 Điều lệ hiện hành)	Chế độ kế toán Công ty sử dụng là <u>Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS)</u> , chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được <u>cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận</u>	Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được <u>cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.</u>	Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT
163.	Sửa đổi Khoản 1 Điều 50 (Điều 48 Điều lệ hiện hành)	1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật <u>cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 50 Điều lệ này. Trong thời hạn 20 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải nộp Báo cáo tài chính năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy</u>	1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm <u>và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.</u>	Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT; Điều 10 Thông tư 96/2020/TT-BTC

		<u>ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (trong trường hợp Công ty đã niêm yết) và Cơ quan đăng ký kinh doanh.</u>		
64.	Sửa đổi Khoản 2 Điều 50 (Điều 48 Điều lệ hiện hành)	2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm <u>báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công ty trong năm tài chính</u> , báo cáo <u>tình hình tài chính</u> phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty <u>tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính</u>	2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm <u>đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp</u> . Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.	Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT; Điều 10 Thông tư 96/2020/TT-BTC
65.	Sửa đổi Khoản 3 Điều 50 (Điều 48 Điều lệ hiện hành)	3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính <u>sáu tháng</u> đã soát xét và báo cáo tài chính quý (<u>đối với công ty niêm yết/công ty đại chúng quy mô lớn</u>) theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (<u>đối với các công ty niêm yết</u>) và <u>nộp cho cơ quan thuế hữu quan và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật doanh nghiệp</u>	3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính <u>bán niên</u> đã soát xét và báo cáo tài chính quý <u>theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền</u> .	Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT; Điều 10, Điều 14 Thông tư 96/2020/TT-BTC
66.	Bỏ Khoản 4, 5 Điều 50 (Điều 48 Điều lệ hiện hành)	Bỏ toàn bộ quy định tại các Khoản 4, 5 Điều 50 (Điều 48 Điều lệ hiện hành)		Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT; Điều 10, Điều 14 Thông tư 96/2020/TT-BTC
67.	Sửa đổi Khoản 1 Điều 52 (Điều 50 Điều lệ hiện hành)	1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. <u>Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết</u>	1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.	Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT; Điều 138 Luật Doanh nghiệp

		<u>thúc năm tài chính.</u>		
68.	Bỏ Khoản 2 Điều 52 (Điều 50 Điều lệ hiện hành)	Bỏ quy định tại Khoản 2 Điều 52 (Điều 50 Điều lệ hiện hành)		Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT;
69.	Sửa đổi mục XVII Điều 53 (Điều 51 Điều lệ hiện hành)	XVII. <u>CON DẤU</u> Điều 51. <u>CON DẤU</u> 1. <u>Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp và Điều lệ công ty.</u> 2. Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.	XVII. <u>DẤU CỦA DOANH NGHIỆP</u> Điều 53. <u>Dấu của doanh nghiệp</u> 1. <u>Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.</u> 2. <u>Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).</u> 3. Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.	Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT; Điều 43 Luật Doanh nghiệp
70.	Sửa đổi tiêu đề Mục XVIII	XVIII. <u>CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ</u>	XVIII. <u>GIẢI THỂ CÔNG TY</u>	Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT; Điều 43 Luật Doanh nghiệp
71.	Sửa đổi Điều 54 (Điều 51 Điều lệ hiện hành)	<u>Điều 51. Chấm dứt hoạt động</u> 1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau: a. Kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, <u>kể cả sau khi đã gia hạn;</u> b. <u>Giải thể trước thời hạn</u> theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.	<u>Điều 54. Giải thể công ty</u> 1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau: a. Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty <u>mà không có quyết định gia hạn;</u> b. Theo <u>nghi quyết</u> , quyết định của Đại hội đồng cổ đông; c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, <u>trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;</u> d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.	Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT; Điều 207 Luật Doanh nghiệp
72.	Sửa đổi Khoản 2 Điều 55	2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu <u>bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết</u>	2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu <u>biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán</u>	Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT

	(Điều 53 Điều lệ hiện hành)	<u>có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua.</u>	<u>thành.</u>	
73.	Sửa đoạn cuối Khoản 1 Điều 57 (Điều 55 Điều lệ hiện hành)	Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong <u>vòng 10 làm</u> việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp	Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong <u>30 ngày</u> làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp	
74.	Sửa đổi Khoản 2 Điều 58 (Điều 56 Điều lệ hiện hành)	2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này <u>thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty</u>	2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này <u>thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.</u>	Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT
75.	Sửa đổi Khoản 1 điều 59 (Điều 57 Điều lệ hiện hành)	1. Bản điều lệ này gồm 21 <u>chương</u> 57 điều	1. Bản điều lệ này gồm 21 <u>mục</u> và 59 điều	Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT
76.	Sửa đổi Khoản 2 điều 59 (Điều 57 Điều lệ hiện hành)	2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, <u>trong đó:</u> <u>a. Một (01) bản nộp tại Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch Đầu tư địa phương;</u>	2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau <u>và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</u>	Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT

		<p>b. Một (01) bản nộp UBCK NN</p> <p>c. Một (01) nộp Sở GD&ĐT nơi đăng ký giao dịch, niêm yết;</p> <p>d. Ba(03) gửi các cơ quan liên quan theo quy định pháp luật;</p> <p>e. Bốn (04) bản lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty</p>		
77.	Sửa đổi Khoản 3 điều 59 (Điều 57 Điều lệ hiện hành)	3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty <u>và có hiệu lực ngay sau khi được các thành viên Hội đồng quản trị ký.</u>	3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.	Theo Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/BTC-TT
<p><i>Ngoài những sửa đổi bổ sung được nêu trên đây, trong dự thảo Điều lệ, một số từ ngữ, thuật ngữ, các dẫn chiếu các điều luật, khoản mục của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan đã được cập nhật để phù hợp với quy định hiện hành.</i></p>				